

Tháng 9-2024
Năm thứ 59 (số 702)

HỘI ĐỒNG BIÊN TẬP

TS. Phan Thăng An

(Chủ tịch)

CÁC ỦY VIÊN

- Đồng chí Mai Văn Chính
- Đồng chí Nguyễn Quang Dương
- Đồng chí Hoàng Đăng Quang
- GS, TS. Phùng Hữu Phú
- GS, TS. Lê Hữu Nghĩa
- TS. Nguyễn Thanh Bình
- ThS. Ngô Minh Tuấn (Thường trực)

TỔNG BIÊN TẬP

ThS. Ngô Minh Tuấn

Điện thoại: 080.43321

PHÓ TỔNG BIÊN TẬP

TS. Phạm Thị Thu Huyền

Điện thoại: 080.45131

ThS. Trần Thị Lan Phương

Điện thoại: 080.45404

ThS. Trần Thị Xuân Vinh

Điện thoại: 080.44713

TRƯỞNG VĂN PHÒNG

ĐẠI DIỆN PHÍA NAM

Đinh Văn Sáng

Điện thoại: 080.83662

MỤC LỤC

LÝ LUẬN - THỰC TIỄN - KINH NGHIỆM

- ***: Chủ tịch Hồ Chí Minh nói về đào tạo, bồi dưỡng cán bộ 3
- Trần Đình Huỳnh: Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập 4
- Nguyễn Thượng Hải: Đắc Lắc tạo nguồn, phát huy đội ngũ cán bộ nữ, trẻ, là người dân tộc thiểu số 8
- Bảo Yến: Hiệu quả từ Đề án đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở Sóc Trăng 11
- Huy Nam: Xây dựng đội ngũ cán bộ ngang tầm nhiệm vụ - Cách làm ở Cà Mau 14
- Đình Thành: Xây dựng tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ người dân tộc thiểu số ở Đồng Nai 17

NGHIÊN CỨU - TRAO ĐỔI

- Ngọc Anh: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trước yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay 21
- Phạm Giang: Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số 24

THỰC HIỆN NGHỊ QUYẾT ĐẠI HỘI XIII CỦA ĐẢNG

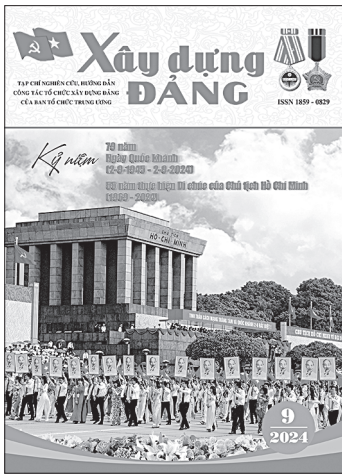
- Diệp Chi: Tây Bắc chuyển mình từ cơ sở Kỳ 1: Cán bộ luôn là cái gốc của mọi công việc 27
- Nguyễn Ngọc Hùng: Kon Tum phát triển đảng viên là người có tôn giáo 32

TRANG TP. HỒ CHÍ MINH

- Đậu Ngọc Linh: Hoàn thiện chế định chủ tịch UBND phường trong mô hình chính quyền đô thị tại TP. Hồ Chí Minh 35

NGHỊ QUYẾT VÀ CUỘC SỐNG

- Mai Anh: Đổi mới, kiện toàn tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị ở tỉnh Quảng Ninh 40
- Hồng Văn: Kinh nghiệm đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng và đảng viên ở Thái Bình 44



Bìa 1: Kỷ niệm 79 năm Ngày Quốc khánh (2-9-1945 - 2-9-2024) và 55 năm thực hiện Di chúc của Chủ tịch Hồ Chí Minh (1969-2024).

ĐỊA CHỈ

Số 105B Quán Thánh
quận Ba Đình, Hà Nội
Điện thoại: 080.45356
Fax: 080.45518

Email:

tapchixaydungdang@btctw.dcs.vn

XÂY DỰNG ĐẢNG ĐIỆN TỬ

<http://www.xaydungdang.org.vn>
<http://www.xaydungdang.com.vn>
<http://www.xaydungdang.vn>

**TRANG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ
BÚA LIÊM VÀNG**

<http://www.bualiemvang.org.vn>
<http://www.bualiemvang.vn>

**VĂN PHÒNG ĐẠI DIỆN
PHÍA NAM**

Địa chỉ: 105 Trần Quốc Toản
P.7, Q.3, TP. Hồ Chí Minh
Điện thoại: 080.83661
Fax: 080.83661

Giấy phép xuất bản số 332/GP-BTTTT ngày 8-9-2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông. Chế bản tại Tòa soạn, in tại Công ty CP In và TM Quốc Duy. 130/1/9 Đốc Ngữ, Ba Đình, Hà Nội.

Giá: 11.800đ

**HỌC TẬP VÀ LÀM THEO TƯ TƯỞNG, ĐẠO ĐỨC,
PHONG CÁCH HỒ CHÍ MINH**

- **Trương Nguyệt:** Học và làm theo Bác Hồ trong xây dựng nông thôn mới ở Trà Vinh 47

SUY NGẪM VỀ NGHỀ TỔ CHỨC

- **Bùi Văn Tiêng:** Người làm nghề tổ chức với nhiệm vụ đào tạo cán bộ sát thực tiễn. 50

Ý KIẾN ĐẢNG VIÊN

- **Minh Anh:** Đồng bộ. 52

ĐẢNG VIÊN PHẢN ĐẤU TỐT

- **Nguyễn Ngọc Diễm:** Bí thư Đảng ủy thị trấn Liên Sơn: “Là đảng viên thì làm gì, ở đâu cũng hết lòng, dốc sức”... 53

SINH HOẠT ĐẢNG

- **Ma Văn Kháng:** Biết xấu hổ 57

THÔNG TIN CÔNG TÁC XÂY DỰNG ĐẢNG

- **P.V:** Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm chủ trì Phiên họp thứ tư Ban Chỉ đạo tổng kết 40 năm Đổi mới . 59
- **Thảo Nguyên:** Phiên họp thứ hai Tiểu ban Điều lệ Đảng Đại hội XIV. 60
- **Bá Thắng:** Góp ý Đề án bổ sung, sửa đổi Quy chế bầu cử trong Đảng. 61

QUỐC TẾ

- **Lê Minh Hà:** Mối quan hệ giữa đảng cầm quyền với nhà nước ở một số nước trên thế giới 62

TRẢ LỜI BẠN ĐỌC

- **HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN** 68

CONTENTS:

- **Tran Dinh Huynh:** Vietnam has the right to enjoy freedom and independence 4
- **Nguyen Thuong Hai:** Dak Lak creates resources to promote female, young, and ethnic minority officials 8
- **Pham Giang:** Training and fostering cadres, civil servants and public employees to meet digital transformation requirements 24
- **Diep Chi:** Northwest transforms itself from the grassroots *Part 1: Officials are always the root of all work* 27
- **Bui Van Tieng:** Organizers with the task of training officials in a practical manner 50
- **Minh Anh:** Synchronization. 52
- **Ma Van Khang:** Know shame. 57
- **Le Minh Ha:** The relationship between the ruling party and the state in some countries around the world and reference values for Vietnam. 62

CHỦ TỊCH HỒ CHÍ MINH NÓI VỀ ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ

Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng.

Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG, H.2011, tập 5, tr.309.

Không có cán bộ không làm được. Không có giáo dục, không có cán bộ thì cũng không nói gì đến kinh tế văn hóa. Trong việc đào tạo cán bộ, giáo dục là bước đầu.

Sách đã dẫn (Sđd), tập 10, tr.345.

Muốn có nhiều cán bộ, Đảng phải giúp đỡ cho cán bộ tự học tập. Đảng đã giúp, cán bộ phải chịu khó học.

Sđd, tập 6, tr.16.

Dảng phải nuôi dạy cán bộ, như người làm vườn vun trồng những cây cối quý báu.

Sđd, tập 5, tr.313.

Vì lợi ích mười năm thì phải trồng cây, vì lợi ích trăm năm thì phải trồng người. Chúng ta phải đào tạo ra những công dân tốt và cán bộ tốt cho nước nhà. Nhân dân, Đảng, Chính phủ giao các nhiệm vụ đào tạo thế hệ tương lai cho các cô, các chú.

Sđd, tập 11, tr.528.

Các thầy giáo có nhiệm vụ nặng nề và vẻ vang là đào tạo cán bộ cho dân tộc.

Sđd, tập 7, tr.400.

Lãnh đạo cần phải chú trọng công tác tư tưởng, công tác xây dựng Đảng và củng cố chính quyền. Bồi dưỡng cán bộ cũ và đào tạo cán bộ mới.

Sđd, tập 13, tr.261.

Dào tạo cán bộ mới là một vấn đề quan trọng cần phải giải quyết.

Sđd, tập 5, tr.481.

Các cơ quan cần phải rất chú ý đến việc huấn luyện cán bộ. Phải lựa chọn rất cẩn thận những nhân viên phụ trách việc huấn luyện đó. Những người lãnh đạo cần phải tham gia việc dạy. Không nên bùn xỉn về các khoản chi tiêu trong việc huấn luyện.

Sđd, tập 5, tr.313.

Phải giáo dục cán bộ biết phân tích tình hình cụ thể, theo điều kiện khác nhau của mỗi nơi khác nhau, mà quy định nhiệm vụ và phương pháp công tác cho đúng với nơi đó và lúc đó.

Sđd, tập 12, tr.56.

Chỉnh huấn nghĩa là huấn luyện cán bộ và nhân dân nhằm chỉnh đốn lại tư tưởng và tác phong, để sửa chữa những nhược điểm và khuyết điểm, phát triển những ưu điểm, làm cho mọi người, mọi việc đều tiến bộ hơn nữa.

Sđd, tập 13, tr.103.

Phải giáo dục cán bộ biết phân tích tình hình cụ thể, theo điều kiện khác nhau của mỗi nơi khác nhau, mà quy định nhiệm vụ và phương pháp công tác cho đúng với nơi đó và lúc đó.

Sđd, tập 12, tr.56.

Nước Việt Nam CÓ QUYỀN HƯỞNG TỰ DO VÀ ĐỘC LẬP

PGS. TRẦN ĐÌNH HUỖNH

Nguyên tắc đại đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh là tìm kiếm, trân trọng, phát huy những yếu tố tương đồng, thống nhất để khắc chế, giải quyết các yếu tố khác biệt, mâu thuẫn, theo phương châm chỉ đạo: Dân tộc trên hết, Tổ quốc trên hết và tất cả do con người, vì con người. Tìm ra mẫu số chung là lợi ích của toàn dân tộc, hạn chế và khắc phục sự cách biệt, đặt tiến trình xoáy tròn ốc đi lên của lịch sử như trên căn bản quy tụ thay vì loại trừ. Đó chính là cốt lõi và là sự khác biệt, độc đáo của tư tưởng Hồ Chí Minh so với những quan niệm của các nhà lý luận cách mạng cùng thời.

Mẫu số chung của khối đại đoàn kết dân tộc, theo Chủ tịch Hồ Chí Minh chính là độc lập, tự do. Hạt nhân sáng chói và trường tồn của tư tưởng Hồ Chí Minh đối với dân tộc Việt Nam và các dân tộc trên hành tinh của chúng ta là: Không có gì quý hơn độc lập, tự do. Độc lập là nội dung cơ bản về quyền của các quốc gia, dân tộc, của từng thành viên, từng con người trong dân tộc. Quyền được sống, quyền tự do và mưu cầu hạnh phúc là quyền thiêng liêng của con người không ai có thể xâm phạm.

Song, con người không thể sống riêng lẻ mà phải sống với xã hội, sống trong cộng đồng quốc gia - dân tộc. Vì vậy, quyền của con người phải dựa trên cơ sở quyền của cộng đồng, quyền của dân tộc. Từ thực tiễn khách quan của các quốc gia, dân tộc bị nô dịch trên thế giới, từ chủ nghĩa yêu nước truyền thống của cha ông ta và tiếp thu sáng tạo tư tưởng nhân quyền, dân quyền của các cuộc cách mạng điển

hình trên thế giới, đặc biệt là tư tưởng giải phóng dân tộc và giai cấp của Chủ nghĩa Mác-Lênin, Hồ Chí Minh đã phát triển thành quyền của dân tộc, được Người khẳng định trong *Tuyên ngôn độc lập (2-9-1945)*: “Tất cả các dân tộc trên thế giới đều sinh ra bình đẳng; dân tộc nào cũng có quyền sống, quyền sung sướng và quyền tự do”, “Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập... Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy”. Đây là một điểm sáng, một tinh hoa độc đáo trong tư duy triết học - chính trị của Hồ Chí Minh.

“Không có gì quý hơn độc lập, tự do” chính là sức mạnh thu phục lòng người và là chất keo kết dính toàn dân tộc. Nó là nguồn gốc của niềm tin và ý chí chiến đấu kiên cường của dân tộc, là nhiệm vụ cơ bản, lâu dài và cũng là nhiệm vụ cấp bách, nóng bỏng nhất của cả dân tộc Việt Nam trong những năm tháng phải sống đau khổ, phần uất trong cảnh nước nhà bị đế quốc, thực dân thống trị. Song, đối với Chủ tịch Hồ Chí Minh, độc lập dân tộc luôn luôn gắn liền với tự do và hạnh phúc của nhân dân. Người tuyên bố: “Nước độc lập mà dân không có tự do, hạnh phúc thì độc lập không có nghĩa gì”. Chính vì vậy, ngay trong những ngày kháng chiến gian khổ của nhân dân ta, Hồ Chí Minh vẫn rất coi trọng việc xây dựng, thực hiện khẩu hiệu “vừa kháng chiến, vừa kiến quốc”, chăm lo xây dựng chế độ mới, cuộc sống mới, từng bước nâng cao quyền tự do, dân chủ cho đông đảo nhân dân, cho dân tộc. Người luôn

luôn phấn đấu làm cho toàn dân thấy được giá trị của quyền tự do, dân chủ và từng bước được hưởng quyền tự do, dân chủ trong tiến trình phấn đấu giành độc lập dân tộc. Chủ tịch Hồ Chí Minh suốt đời “chỉ có một sự ham muốn, ham muốn tột bậc, là làm sao cho nước ta được hoàn toàn độc lập, dân ta được hoàn toàn tự do, đồng bào ai cũng có cơm ăn áo mặc, ai cũng được học hành”.

Không có gì quý hơn độc lập, tự do! Tư tưởng cách mạng vĩ đại của Chủ tịch Hồ Chí Minh vừa có bề dờ của quá khứ, phản ánh được khát vọng của hiện tại và soi sáng tương lai của cả dân tộc, vừa hợp với chính nghĩa của các quốc gia, dân tộc trên thế giới. Đó chính là chìa khóa vạn năng, điểm hội tụ thắng lợi của chiến lược “Đoàn kết, đoàn kết, đại đoàn kết. Thành công, thành công, đại thành công”.

Độc lập, tự do là quy luật tồn tại và phát triển xuyên suốt trường kỳ lịch sử dựng nước và giữ nước của dân tộc Việt Nam. Tư tưởng độc lập, tự do hàm chứa nội dung tổng hòa biện chứng độc đáo về ba cuộc cách mạng giải phóng của dân tộc ta và của cả loài người: giải phóng dân tộc, giải phóng xã hội và giải phóng con người. Các cuộc cách mạng đó được thể hiện bằng các chiến lược cách mạng cụ thể phù hợp với từng giai đoạn cách mạng, thích ứng với hoàn cảnh lịch sử, đất nước, xã hội và con người Việt Nam. Không chịu nổi hoàn cảnh nước mất nhà tan, người thanh niên yêu nước Nguyễn Tất Thành - Hồ Chí Minh đã ra đi tìm đường cứu nước. Qua quá trình tìm tòi, khảo sát, Người đã xác định trong thời đại mới, muốn cứu nước và giải phóng dân tộc không có con đường nào khác ngoài con đường cách mạng vô sản. Vì thế, năm 1930 sau khi thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam, Hồ Chí Minh đã xác định chủ trương chiến lược cách mạng của Đảng là làm tư sản dân quyền cách mạng và thổ địa cách mạng, đi tới xã hội cộng sản. Song, cách mạng Việt Nam trước hết phải làm một cuộc cách

mạng giải phóng dân tộc. Vì nếu không giải phóng được dân tộc thì quyền lợi của các giai cấp và vấn đề ruộng đất cho nông dân đến vạn năm cũng không thể giải quyết được. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã kế thừa và phát triển chủ nghĩa yêu nước truyền thống lên thành chủ nghĩa dân tộc hiện đại và phát triển đến đỉnh cao lợi ích chân chính của quốc gia, mục tiêu đại nghĩa của dân tộc, hạnh phúc của toàn dân trong xu thế phát triển khách quan về dân tộc, xã hội và con người của thời đại, đúc kết thành chân lý: Không có gì quý hơn độc lập, tự do! Đó chính là mục tiêu và động lực của Chủ tịch Hồ Chí Minh, của dân tộc Việt Nam trong tiến trình cách mạng, kháng chiến nhằm dựng xây đất nước “đàng hoàng hơn, to đẹp hơn”, sánh vai cùng các cường quốc trên thế giới.

Giải quyết đúng đắn mối quan hệ cốt lõi lợi ích giữa dân tộc và giai cấp là cơ sở để giải quyết khoa học về lợi ích của các mối quan hệ khác. Trong tư duy Hồ Chí Minh, giai cấp - dân tộc là một thể thống nhất biện chứng. Nói dân tộc là nói cái tổng thể. Không có bộ phận nào nằm ngoài tổng thể, không có giai cấp nào nằm ngoài dân tộc. Như vậy nhấn mạnh, đề cao một mặt dân tộc hay giai cấp đều là siêu hình; nói cái này là chiến lược, cái kia là sách lược là không đúng. Trong tư duy chiến lược của Hồ Chí Minh, giai cấp - dân tộc là một cấu trúc hữu cơ, thống nhất, không thể tách rời. Với Chủ tịch Hồ Chí Minh, vấn đề giai cấp không đồng nhất một cách giản đơn, một chiều với vấn đề lợi ích và quyền lãnh đạo của giai cấp công nhân. Nói đến giai cấp còn phải nói đến quan hệ giữa các giai cấp và coi đây là vấn đề trọng yếu. Vai trò lãnh đạo của giai cấp công nhân, lợi ích của giai cấp công nhân chỉ có thể được bảo đảm khi nào giai cấp công nhân trở thành trung tâm liên kết các giai cấp, đại diện những lợi ích chung nhất của các giai cấp. Các nhà kinh điển C.Mác, V.I.Lê-nin nói: Giai cấp công nhân phải tự mình trở thành dân tộc, phải giương cao ngọn cờ dân

tộc... là với ý nghĩa như vậy.

Chủ tịch Hồ Chí Minh sớm có tư duy triết học độc lập nên Người không mắc vào quan điểm cực đoan về mối quan hệ giữa giai cấp và dân tộc. Đó là sự khác biệt của Người so với nhiều nhà mác-xít đương thời. Tư tưởng về mối quan hệ giai cấp và dân tộc do Người khởi xướng tháng 2-1930 phải tới Hội nghị Trung ương lần thứ 8 (khóa I) năm 1941 mới trở thành tư tưởng nhất trí trong toàn Đảng, toàn dân đưa tới cuộc Tổng khởi nghĩa tháng 8-1945 thành công, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa (2-9-1945) mở ra kỷ nguyên mới của lịch sử dân tộc. Đồng thời với việc nhận thức, giải quyết đúng quan hệ giai cấp - dân tộc, trong nguyên tắc chiến lược đại đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh còn bao hàm sự kết hợp chặt chẽ đoàn kết dân tộc với đoàn kết quốc tế. Cũng như xây dựng khối đoàn kết dân tộc, mục tiêu đoàn kết quốc tế trước hết và trên hết nhằm phục vụ mục tiêu đấu tranh cho độc lập, tự do của Tổ quốc. Vượt qua hạn chế của các bậc tiền bối, Chủ tịch Hồ Chí Minh đặt Việt Nam trong bối cảnh chung của tình hình thế giới và coi cách mạng Việt Nam là một bộ phận của cách mạng thế giới. Ngay từ những ngày đầu tiên hoạt động cách mạng, từ trên các diễn đàn và báo chí quốc tế Chủ tịch Hồ Chí Minh không ngừng kêu gọi đoàn kết giữa các dân tộc bị áp bức, giữa nhân dân thuộc địa với phong trào công nhân thế giới. Và trên thực tế, Người đã tổ chức Hội Liên hiệp thuộc địa, xuất bản báo “Người cùng khổ” và tham gia Quốc tế cộng sản. Khẩu hiệu “Lao động tất cả các nước, đoàn kết lại!” của Người có ý nghĩa như là sự tiếp nối và phát triển nâng lên một tầm cao mới hai khẩu hiệu chiến lược của hai lãnh tụ kiệt xuất tiền bối của giai cấp vô sản: “Vô sản tất cả các nước, đoàn kết lại!” (C.Mác) và “Vô sản tất cả các nước và các dân tộc bị áp bức, đoàn kết lại!” (V.I.Lê-nin).

Từ cách nhìn nhận cơ bản ấy, chiến lược đại

đoàn kết theo tư tưởng Hồ Chí Minh đã thiết lập được mặt trận nhân dân thế giới đoàn kết với Việt Nam. Trong suốt tiến trình lịch sử, đặc biệt là vào những giờ phút thử thách, gay go, ngọn cờ độc lập, tự do luôn luôn được giương cao, tính chất chính nghĩa ngày càng sáng tỏ, phù hợp với xu thế chung của cách mạng, với nguyện vọng chung của đại đa số nhân dân thế giới. Chính vì vậy mục tiêu độc lập, tự do ngày càng được nhân dân thế giới đồng tình, ủng hộ và sự đồng tình, ủng hộ đó đã góp phần đưa cuộc đấu tranh vì độc lập, tự do đến thắng lợi hoàn toàn.

Tiếp nhận học thuyết V.I.Lê-nin, Hồ Chí Minh tìm thấy phương hướng của cuộc đấu tranh giải phóng, “cầm nang thần kỳ” cho sự nghiệp cứu nước của các dân tộc bị nô dịch. Đồng thời, Người cũng tìm thấy một lực lượng ủng hộ mạnh mẽ công cuộc đấu tranh ở thuộc địa. Đó là phong trào cộng sản và công nhân thế giới, là Nhà nước Xô-viết, là Quốc tế thứ ba. Và trên thực tế, lịch sử đã ghi nhận sự ủng hộ lớn lao của Liên Xô, Trung Quốc và của các nước XHCN, của các đảng cộng sản và công nhân thế giới đối với hai cuộc kháng chiến trường kỳ của nhân dân ta.

Cuộc đấu tranh vì nền độc lập ở Việt Nam gắn liền với mục tiêu bảo vệ hòa bình, công lý và bình đẳng. Điều đó khơi gợi lương tri của loài người tiến bộ, tạo nên những tiếng nói ủng hộ mạnh mẽ từ các tổ chức quần chúng, các nhân sĩ trí thức và của nhiều người trên hành tinh. Điều đặc biệt là trong phong trào nhân dân thế giới ủng hộ Việt Nam, sự ủng hộ của nhân dân Pháp trong cuộc kháng chiến chống Pháp, sự ủng hộ của nhân dân Mỹ trong cuộc kháng chiến chống Mỹ có vai trò và ý nghĩa rất tích cực đối với thắng lợi của nhân dân ta. Sở dĩ như vậy là do cuộc kháng chiến của Việt Nam là cuộc chiến tranh chính nghĩa, hành động gây chiến của giới cầm quyền Pháp và Mỹ là phi nghĩa. Những người có lương tri ở Pháp và Mỹ

đều thấy vô lý khi con em họ phải chết trong cuộc chiến tranh xâm lược, họ mong muốn chấm dứt cuộc chiến để trước hết đưa được những người thân của họ trở về, đồng thời cũng là thể hiện sự tôn trọng độc lập, chủ quyền của các quốc gia khác. Chủ tịch Hồ Chí Minh đã nói rõ: “Nhân dân chúng tôi được giáo dục theo tinh thần quốc tế chân chính. Trước đây, chúng tôi đã chú ý phân biệt thực dân Pháp và nhân dân Pháp yêu chuộng hòa bình, thì ngày nay chúng tôi cũng chú ý phân biệt nhân dân Mỹ vĩ đại có truyền thống tự do, với bọn can thiệp Mỹ và bọn quân phiệt ở Hoa Thịnh Đốn...”⁽¹⁾. Có thể nói, rất hiếm có những cuộc đấu tranh trên thế giới lại giành được sự ủng hộ rộng rãi và lớn lao đến vậy. Sự đồng tình và ủng hộ đó thực sự trở thành một trong những yếu tố cơ bản làm nên thắng lợi. Đã nhiều lần, Hồ Chí Minh khẳng định: “Chính vì đã biết kết hợp phong trào cách mạng nước ta với phong trào cách mạng của giai cấp công nhân quốc tế và của các dân tộc bị áp bức, mà Đảng ta đã vượt qua được mọi khó khăn, đưa giai cấp công nhân và nhân dân ta đến những thắng lợi vẻ vang ngày này”⁽²⁾.

Trong khi đoàn kết cùng các dân tộc, Chủ tịch Hồ Chí Minh luôn nhắc đến nguyên tắc tôn trọng quyền tự chủ và nền độc lập của các quốc gia khác. Đặc biệt, trong quan hệ mật thiết giữa ba nước Đông Dương, sự đoàn kết chặt chẽ chống kẻ thù chung là điều hết sức cần thiết, đồng thời, tôn trọng nền độc lập của mỗi nước là điều cần thực hiện. Người nêu lên hai mặt của một vấn đề. Một là, “với sự đồng tâm nhất trí của ba dân tộc anh em, với sức đại đoàn kết của ba dân tộc anh em, chúng ta nhất định đánh tan lũ thực dân Pháp và bọn can thiệp Mỹ, chúng ta nhất định làm cho ba nước độc lập và thống nhất thật sự”⁽³⁾. Hai là, “ba nước sẽ bang giao với nhau trên nguyên tắc bình đẳng hoàn toàn và tôn trọng độc lập quốc gia của nhau”⁽⁴⁾. Nguyên tắc đó được thể hiện rõ nét trong việc năm 1941

Người đề xuất thành lập riêng biệt Mặt trận độc lập đồng minh cho từng nước Việt Nam, Lào, Cao Miên và năm 1951 Người đặt vấn đề tổ chức ba chính đảng vô sản để lãnh đạo phong trào đấu tranh ở mỗi nước. Đó là sự thực hiện nghiêm chỉnh nguyên tắc vừa đoàn kết đấu tranh, vừa tôn trọng chủ quyền dân tộc trong sự nghiệp cứu nước của nhân dân Đông Dương. Mở rộng toàn khu vực, Người chăm lo mối quan hệ đoàn kết với Trung Quốc và Ấn Độ, với tất cả các dân tộc đấu tranh giành độc lập. Người khẳng định: Các dân tộc châu Á có độc lập thì nền hòa bình thế giới mới thực hiện được.

Trong mối quan hệ đối ngoại, Hồ Chí Minh kết hợp chặt chẽ việc giữ vững độc lập tự chủ với việc tăng cường đoàn kết quốc tế. Ngay từ những năm đầu hoạt động cách mạng, Người đã sớm xác định: “... muốn người ta giúp cho, thì trước mình phải tự giúp lấy mình đã”⁽⁵⁾. Trong các tình huống phức tạp của thế giới, Hồ Chí Minh bao giờ cũng đề ra một cách chính xác đường lối cách mạng phù hợp với hoàn cảnh thực tiễn Việt Nam. Năm 1945, khi thời cơ đến Người kêu gọi: “Toàn quốc đồng bào hãy đứng dậy đem sức ta mà tự giải phóng cho ta”⁽⁶⁾. Khẳng định quyết tâm tự giải phóng, Cách mạng Tháng Tám đã thành công trước bao âm mưu của các thế lực đế quốc cùng bọn tay sai phản động. Trong những năm đầu của cuộc kháng chiến chống Pháp, Việt Nam hầu như bị cách biệt với bên ngoài, Chủ tịch Hồ Chí Minh khai thác mọi khả năng để liên hệ với quốc tế, đồng thời vạch ra đường lối kháng chiến. Một mặt, nhân dân ta quyết tâm chiến đấu kháng chiến đến cùng; mặt khác, vẫn bày tỏ thiện chí với chính phủ Pháp nhưng với yêu cầu cơ bản là họ phải công nhận nền độc lập và thống nhất của Việt Nam. Từ đầu năm 1950, quan hệ quốc tế được mở rộng, cách mạng Việt Nam giành được sự đồng tình, ủng hộ của bầu bạn trên thế giới đã từng bước đạt đến thắng lợi Điện Biên

(Xem tiếp trang 43)

ĐẮC LẮK TẠO NGUỒN, PHÁT HUY ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NỮ, TRẺ, LÀ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ

NGUYỄN THƯỢNG HẢI

Ủy viên BTV, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy

Trong những năm qua, xác định công tác cán bộ nói chung và công tác tạo nguồn, bố trí, sử dụng cán bộ nữ, trẻ, là người dân tộc thiểu số (DTTS) nói riêng là một nội dung quan trọng, bảo đảm cho công tác cán bộ đi vào nền nếp, chủ động, có tầm nhìn xa, đáp ứng cả nhiệm vụ trước mắt và lâu dài, Tỉnh ủy Đắc Lắc đã tập trung lãnh đạo, chỉ đạo, tạo luồng sinh khí mới, góp phần quan trọng vào quá trình phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Những kết quả quan trọng

Đắc Lắc là tỉnh có vị trí chiến lược về an ninh - quốc phòng của Tây Nguyên, diện tích tự nhiên 13.125km², dân số khoảng 2 triệu người với 49 dân tộc cùng sinh sống, trong đó đồng bào DTTS chiếm 35,7%. Đảng bộ tỉnh có 20 đảng bộ trực thuộc với 88.205 đảng viên, trong đó có 33.982 đảng viên nữ (38,53%), 16.014 đảng viên là người DTTS (18,16%), 17.742 đảng viên trong độ tuổi Đoàn (20,11%).

Thực hiện Nghị quyết số 26-NQ/TW, ngày 19-5-2018 của Hội nghị Trung ương 7 (khóa XII) “Về tập trung xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ”, Nghị quyết Đại hội đại biểu Đảng bộ tỉnh Đắc Lắc lần thứ XVII (nhiệm kỳ 2020-2025), Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã tham mưu với BTV Tỉnh ủy các giải pháp, nội dung trọng tâm xây dựng đội ngũ cán bộ, trong đó chú trọng tạo nguồn cán bộ trẻ, nữ, là người DTTS.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy đã tham mưu đề BTV Tỉnh ủy chỉ đạo và xây dựng các đề án quy hoạch nhân sự ngay từ đầu mỗi nhiệm kỳ và rà

soát, bổ sung quy hoạch hằng năm bảo đảm về số lượng, cơ cấu độ tuổi, dân tộc, tỷ lệ nữ. Hiện nay, tỷ lệ cán bộ nữ trong quy hoạch cấp ủy cấp tỉnh nhiệm kỳ 2025-2030 đạt 38,4%, tăng 16% so với nhiệm kỳ 2020-2025; cán bộ là người DTTS đạt 46,1%, tăng 9% so với nhiệm kỳ 2020-2025; cán bộ trẻ đạt 24%. Tỷ lệ cán bộ trẻ trong quy hoạch cấp ủy cấp huyện nhiệm kỳ 2025-2030 đạt 29%, tăng 3% so với nhiệm kỳ 2020-2025. Tỷ lệ cán bộ trẻ trong quy hoạch cấp ủy cấp xã nhiệm kỳ 2025-2030 đạt 74,1%, tăng 33% so với nhiệm kỳ 2020-2025. Đồng thời, hằng năm tiến hành rà soát, bổ sung để kịp thời đưa ra khỏi quy hoạch những trường hợp không có chiều hướng phát triển, cũng như phát hiện, bổ sung những nhân tố mới, nhân tố tích cực để có kế hoạch bồi dưỡng, đào tạo, bảo đảm số lượng, đáp ứng chất lượng, không để tình trạng bị động trong công tác cán bộ.

Quá trình xây dựng các đề án luân chuyển cán bộ, BTV Tỉnh ủy luôn chú trọng đến cán bộ trẻ, nữ, là người DTTS, tạo điều kiện cho cán bộ trẻ có triển vọng được bồi dưỡng, rèn luyện, thử thách ở những địa bàn, lĩnh vực cần

tích lũy thêm kinh nghiệm thực tiễn, bảo đảm cho công tác lãnh đạo, quản lý được toàn diện hơn, đáp ứng yêu cầu trước mắt cũng như lâu dài. Trong số 38 cán bộ thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý được luân chuyển có 4 cán bộ trẻ, 5 cán bộ nữ, 6 cán bộ là người DTTS. Công tác luân chuyển cán bộ đã được các cấp ủy địa phương quan tâm thực hiện, qua đó đã tạo điều kiện cho cán bộ trẻ, cán bộ có triển vọng được rèn luyện trong thực tiễn, bản lĩnh chính trị ngày càng vững vàng hơn. Thông qua luân chuyển, điều động cán bộ, từng bước điều chỉnh, bố trí cán bộ tại địa phương hợp lý, góp phần tạo nên bước đột phá về công tác cán bộ, chẳng những đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ công tác mà còn bồi dưỡng, chuẩn bị đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý kế cận.

Với đặc thù là tỉnh có đông đồng bào DTTS (chiếm 35,7%), xác định việc xây dựng, phát triển, nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS của tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới là nhiệm vụ quan trọng, trên cơ sở tổng kết 15 năm triển khai thực hiện Nghị quyết số 05-NQ/TU ngày 14-1-2005 của Tỉnh ủy về “*lãnh đạo xây dựng đội ngũ cán bộ DTTS trên địa bàn tỉnh*”, ngày 19-5-2022 BTV Tỉnh ủy đã ban hành Nghị quyết số 13-NQ/TU về “*xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức người DTTS trên địa bàn tỉnh đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ*”.

Trong đó, Nghị quyết xác định mục tiêu là xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS có bản lĩnh chính trị vững vàng; tư duy đổi mới; năng lực, uy tín ngang tầm nhiệm vụ; phấn đấu đến năm 2025 tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS trong tổng số cán bộ, công chức, viên chức toàn tỉnh đạt 15% trở lên; đến năm 2030 đạt tỷ lệ 30% và đến năm 2045 tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức người là DTTS phù hợp với tỷ lệ dân số là người DTTS ở từng địa phương. Phấn đấu đến năm 2025, 100% cán bộ, công chức, viên

chức người DTTS là lãnh đạo cấp sở và tương đương được bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp sở; 100% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp huyện được bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp huyện; 100% cán bộ, công chức, viên chức lãnh đạo cấp phòng là người DTTS được bồi dưỡng kỹ năng lãnh đạo cấp phòng và tương đương. Đồng thời, Nghị quyết đề ra các chỉ tiêu chủ yếu, cụ thể về xây dựng tỷ lệ cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS tham gia cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý và trong các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã.

Hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những kết quả đạt được, công tác cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS của tỉnh Đắk Lắk thời gian qua vẫn còn những hạn chế nhất định. Đó là, một số cấp ủy, lãnh đạo cơ quan, đơn vị chưa quan tâm đúng mức công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS nên kết quả đạt được còn hạn chế, chưa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Một số địa phương chưa mạnh dạn sử dụng cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS; chưa hoàn toàn tin tưởng, ngại giao việc; đưa vào nguồn quy hoạch nhưng thiếu quan tâm đào tạo, bồi dưỡng, trao cơ hội để cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS được rèn luyện, thử thách. Bên cạnh đó, các giải pháp tạo nguồn cán bộ lãnh đạo trẻ, nữ, là người DTTS hiện nay còn gặp nhiều vướng mắc, hiệu quả chưa cao.

Năng lực cán bộ trẻ chưa đồng đều, một số cán bộ trẻ thiếu bản lĩnh, ngại phấn đấu, rèn luyện. Năng lực chỉ đạo, điều hành, quản lý của một số cán bộ nữ chưa ngang tầm nhiệm vụ; một số phụ nữ còn tư tưởng an phận, tự ti, thụ động, thiếu ý chí phấn đấu vươn lên trong cuộc sống và trong công tác (ngại học tập để nâng cao trình độ học vấn, chuyên môn, lý luận chính trị). Năng lực quản lý, tính nhạy bén và kinh nghiệm thực tiễn của đội ngũ cán bộ là người DTTS ở cơ sở còn hạn chế, có mặt chưa đáp ứng được yêu cầu.

Một số nhiệm vụ, giải pháp

Nhằm phát huy những kết quả đạt được, khắc phục những hạn chế, giải quyết những vấn đề đặt ra đối với công tác cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS, trong thời gian tới Đắk Lắk tiếp tục thực hiện tốt một số giải pháp sau:

Một là, tiếp tục đẩy mạnh công tác tuyên truyền, quán triệt sâu sắc, nâng cao nhận thức của các cấp ủy, tổ chức đảng, đội ngũ cán bộ, đảng viên, nhất là cán bộ chủ chốt, người đứng đầu các địa phương, cơ quan, đơn vị về công tác cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS gắn với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức có bản lĩnh chính trị vững vàng, có phẩm chất, năng lực, đảm bảo tiêu chuẩn, uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Kịp thời quán triệt, triển khai, thực hiện nghiêm túc các nghị quyết, kết luận, quy định, hướng dẫn của Trung ương, của tỉnh về công tác cán bộ nói chung, công tác cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS nói riêng.

Hai là, thực hiện rà soát đồng bộ cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS có tiềm năng phát triển, có phẩm chất chính trị, đạo đức tốt, năng động, sáng tạo đưa vào nguồn quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp của tỉnh để đào tạo, bồi dưỡng, phát triển. Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng bám sát yêu cầu nhiệm vụ, gắn với tiêu chuẩn, chức danh đã được quy hoạch, đảm bảo tính đồng bộ, kế thừa và phát triển; chấn chỉnh việc đào tạo trùng lặp, không theo quy hoạch. Tiếp tục thực hiện công tác luân chuyển, điều động cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS có năng lực, có uy tín giữ các chức vụ chủ chốt cấp xã, cấp huyện.

Ba là, các cấp, ngành, địa phương quan tâm hoàn thiện cơ chế, thu hút, tạo nguồn, tuyển dụng, trọng dụng cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ có triển vọng, góp phần phát triển nguồn nhân lực nữ, trẻ, là người DTTS chất lượng cao, xác định đây là nhiệm vụ đặc biệt quan trọng, có ý nghĩa lớn trong việc xây dựng và chuẩn bị đội ngũ lãnh đạo, quản lý

kế cận vừa “hồng”, vừa “chuyên”. Gắn kết quả hoàn thành tỷ lệ cơ cấu cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS trong cấp ủy các cấp với trách nhiệm và kết quả hoàn thành nhiệm vụ của người đứng đầu cơ quan, đơn vị, địa phương. Thực hiện nghiêm túc, đầy đủ chế độ, chính sách cho cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS, thường xuyên tạo điều kiện để cán bộ phát huy năng lực, sở trường, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Bốn là, làm tốt công tác nắm tình hình tư tưởng, tâm tư, nguyện vọng của cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS; qua đó tuyên truyền, giáo dục, xây dựng bản lĩnh chính trị, nói đi đôi với làm, dám chịu trách nhiệm; nâng cao ý thức tự giác của đội ngũ cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS trong việc tiếp tục học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh. Xây dựng đội ngũ cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS có phẩm chất, năng lực, đảm bảo tiêu chuẩn tương xứng với nhiệm vụ được giao, có tinh thần vượt lên chính mình, có bản lĩnh chính trị, đủ sức đề kháng, miễn nhiễm với mọi cám dỗ của danh vọng, quyền lực và vật chất, đáp ứng yêu cầu thời kỳ đẩy mạnh CNH, HĐH đất nước và hội nhập quốc tế.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát, sơ kết, tổng kết, đánh giá kết quả triển khai thực hiện, khắc phục những hạn chế, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc phát sinh từ thực tiễn, đề ra các giải pháp xây dựng đội ngũ cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong tình hình mới.

Cán bộ và công tác cán bộ luôn giữ vị trí, vai trò quan trọng, là nhân tố quyết định sự thành bại của cách mạng, gắn liền với vận mệnh của Đảng, của đất nước và chế độ XHCN. Trước yêu cầu của sự nghiệp đổi mới hiện nay, vấn đề nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ nói chung, cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS nói riêng lại càng đặt ra cấp thiết. Đảng bộ tỉnh Đắk Lắk tập trung lãnh đạo, chỉ đạo triển khai tiếp tục thực hiện

(Xem tiếp trang 51)

Hiệu quả từ Đề án ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ Ở SÓC TRĂNG

BẢO YẾN

Thấm nhuần sâu sắc lời dạy của Chủ tịch Hồ Chí Minh “Cán bộ là cái gốc của mọi công việc”, thời gian qua Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng đặc biệt chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức (CBCCVC), hướng tới xây dựng nguồn nhân lực chất lượng cao để thực hiện thắng lợi mọi nhiệm vụ chính trị của Đảng bộ. Trong đó, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ được Đảng bộ tỉnh quan tâm triển khai đạt nhiều kết quả.

Làm tốt “công việc gốc” của Đảng

Chủ tịch Hồ Chí Minh đã khẳng định: “Huấn luyện cán bộ là công việc gốc của Đảng”, bởi vậy công tác đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC được Đảng bộ tỉnh Sóc Trăng xác định là nhiệm vụ trọng tâm trong nhiều nhiệm kỳ. Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh đã chỉ đạo thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước về công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ; ban hành các nghị quyết, kết luận, đề án... chú trọng nâng cao chất lượng, tăng về số lượng CBCCVC tham gia. Tỉnh dành nguồn ngân sách thỏa đáng cho công tác này, đồng thời yêu cầu các cấp ủy, tổ chức đảng, lãnh đạo các sở, ban, ngành, đoàn thể, các địa phương chú trọng đổi mới, nâng cao chất lượng, hiệu quả công tác đào tạo, bồi dưỡng, xem đây là nhiệm vụ quan trọng trong xây dựng Đảng.

Mặc dù công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ của tỉnh đã có nhiều chuyển biến tích cực, tuy nhiên kết quả vẫn chưa đạt được như mong muốn. Để tạo bước đột phá trong công tác này, ngay đầu nhiệm kỳ BTV Tỉnh ủy đã ban hành và triển khai Đề án số 02-ĐA/TU về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025. Đề án 02 là một bước cụ thể hóa

Nghị quyết số 06-NQ/TU ngày 11-7-2021 của BCH Đảng bộ tỉnh khóa XIV về phát triển nguồn nhân lực tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025, tầm nhìn đến năm 2030.

Mục tiêu Đề án 02 của Tỉnh ủy hướng tới xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ. Xây dựng đội ngũ CBCCVC đủ về số lượng, có cơ cấu phù hợp với chiến lược phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội của tỉnh. Đến năm 2025, 100% CBCCVC cấp tỉnh, cấp huyện (không tính viên chức Ngành Giáo dục, Y tế) được đào tạo đạt chuẩn về nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị (LLCT); 100% CBCCVC cấp xã được đào tạo đạt chuẩn về chuyên môn và LLCT theo quy định; 70% ủy viên BCH Đảng bộ tỉnh, 50% cán bộ thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý, 40% ủy viên BCH đảng bộ cấp huyện và tương đương, 30% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương có trình độ chuyên môn sau đại học hoặc đang tham gia đào tạo sau đại học; 100% CBCCVC được đào tạo, bồi dưỡng đáp ứng đủ các tiêu chuẩn trước khi bổ nhiệm ngạch, bổ nhiệm vào các chức vụ lãnh đạo, quản lý các cấp.

Sóc Trăng là tỉnh có đông đồng bào DTTS sinh sống (hơn 35,4%). Bởi vậy, Đề án 02 đặt ra chỉ tiêu 100% CBCCVC là người DTTS hoặc đang công tác tại các cơ quan, đơn vị, bộ phận tiếp xúc trực tiếp với đồng bào DTTS có khả năng sử dụng thành thạo ít nhất một thứ tiếng DTTS tại địa bàn công tác.

Quyết tâm thực hiện

Để hiện thực hóa mục tiêu đề ra, Ban Chỉ đạo công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ tỉnh đã ban hành Quy chế làm việc (Quy chế số 01-QC/BCĐ ngày 26-10-2021) và Kế hoạch số 01-KH/BCĐ ngày 26-10-2021 triển khai thực hiện Đề án. UBND tỉnh ban hành và triển khai Kế hoạch số 26a/KH-UBND ngày 8-2-2021 về đào tạo, bồi dưỡng CBCCVC tỉnh Sóc Trăng giai đoạn 2021-2025 làm căn cứ xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng hằng năm.

Các huyện ủy, thị ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc Tỉnh ủy và lãnh đạo các cơ quan, đơn vị, địa phương nhanh chóng triển khai Đề án 02 đến các cấp ủy, tổ chức đảng, CBCCVC; cụ thể hóa thành chương trình, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng của đơn vị mình. Đề án 02 đã nhận được sự đồng thuận của các cấp ủy, tổ chức đảng và toàn thể CBCCVC, khích lệ tinh thần học tập trong toàn Đảng bộ tỉnh.

Đề án 02 đặt mục tiêu tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cho 80.148 lượt CBCCVC (đào tạo 7.020 lượt, bồi dưỡng 73.128 lượt) và bồi dưỡng tiếng dân tộc (tiếng Khơ-me) cho 2.020 lượt cán bộ. Sau 3 năm thực hiện Đề án (2021-2023) đã đạt được một số kết quả tích cực. Tỉnh đã tổ chức đào tạo, bồi dưỡng được 77.250 lượt CBCCVC (96,4% so với chỉ tiêu Đề án). Trong đó, đào tạo 5.083 lượt (72,4%); bồi dưỡng 72.167 lượt (98,7%).

Trong đào tạo LLCT, có 424 lượt CBCCVC được đào tạo trình độ cao cấp (70%), trung cấp 1.500 lượt (78,9%) và sơ cấp 46,2%. Theo Ban Tổ chức Tỉnh ủy, thời điểm triển khai thực hiện Đề án 02 trùng với thời điểm Ban Bí thư

ban hành Quy định số 57-QĐ/TW ngày 8-2-2022 về đối tượng, tiêu chuẩn và phân cấp đào tạo LLCT (trong đó quy định đối tượng, điều kiện, tiêu chuẩn cao hơn so với trước đây và lực lượng vũ trang không thuộc thẩm quyền đào tạo LLCT của tỉnh) nên một số chỉ tiêu đào tạo LLCT tỷ lệ còn hạn chế so với mục tiêu Đề án 02 đặt ra.

Trong đào tạo chuyên môn, lãnh đạo các cơ quan, đơn vị trong tỉnh đã lựa chọn và cử 393 lượt CBCCVC tham gia đào tạo sau đại học (tiến sĩ 17, thạc sĩ 376; đạt 107% chỉ tiêu Đề án). Đối tượng đào tạo là cán bộ lãnh đạo, quản lý; CBCCVC trực tiếp thực hiện nhiệm vụ chuyên môn có đủ điều kiện, tiêu chuẩn và có nhu cầu tham gia đào tạo theo Đề án 02. Các chuyên ngành đào tạo như Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Quản lý kinh tế, Chính sách công, Kinh tế chính trị, Phát triển nông thôn... phù hợp với chủ trương đào tạo nguồn nhân lực phục vụ trực tiếp cho nhu cầu phát triển của tỉnh, góp phần chuẩn hóa và nâng cao trình độ chuyên môn cho đội ngũ CBCCVC trong tỉnh.

Để hỗ trợ cho CBCCVC tham gia đào tạo, bồi dưỡng, HĐND tỉnh đã kịp thời ban hành Nghị quyết số 14/2022/NQ-HĐND ngày 19-6-2022 quy định về chính sách hỗ trợ đào tạo, thu hút nhân lực trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2022-2025. Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu với BTV Tỉnh ủy có văn bản gửi Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh xin mở lớp đào tạo sau đại học chuyên ngành Xây dựng Đảng và chính quyền Nhà nước, Quản lý kinh tế, Xã hội học tại địa phương, góp phần tăng chỉ tiêu đào tạo sau đại học.

Đối với bồi dưỡng tiếng DTTS, với đặc điểm tỉnh có số lượng đồng bào dân tộc Khơ-me đứng đầu cả nước (hơn 400.000 người), năm 2019 BTV Tỉnh ủy có đề án riêng về đào tạo tiếng Khơ-me cho CBCCVC. Sau 5 năm triển khai Đề án (2019-2023) đã có 1.005 lượt

CBCCVC được đào tạo tiếng Khơ-me (77% tổng chỉ tiêu Đề án đào tạo tiếng Khơ-me). Tuy nhiên, số lượng giữa các trình độ đào tạo chưa đồng đều như mong muốn, trình độ tiếng Khơ-me căn bản tăng cao nhưng chưa có nhiều học viên tham gia trình độ nâng cao và biên dịch, phiên dịch. Thực hiện theo Đề án 02, Ban Chỉ đạo Đề án đào tạo tiếng Khơ-me đã đào tạo 717 lượt (35,5% chỉ tiêu Đề án 02). Đồng thời, tỉnh đã chỉ đạo tổ chức sản xuất, phát sóng chương trình “*Cùng học tiếng Khơ-me*” trên Đài Phát thanh - Truyền hình Sóc Trăng đáp ứng cho mọi đối tượng có nhu cầu học tiếng Khơ-me, thúc đẩy phong trào học tiếng Khơ-me trong toàn xã hội.

Thực hiện theo Đề án 02, nhiều lớp bồi dưỡng ngoại ngữ, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, cập nhật kiến thức, kỹ năng lãnh đạo, quản lý... đã được tổ chức, đáp ứng yêu cầu cho đồng bào CBCCVC trong tỉnh.

Qua 3 năm thực hiện Đề án 02, công tác đào tạo, bồi dưỡng đã đạt những kết quả quan trọng, góp phần xây dựng đội ngũ CBCCVC từng bước đạt chuẩn theo yêu cầu chức danh lãnh đạo, quản lý, vị trí việc làm, gắn với công tác đánh giá, quy hoạch, quản lý, sử dụng cán bộ. Các cấp ủy đã quan tâm việc đào tạo tiếng Khơ-me gắn với quy hoạch cán bộ là người DTTS. Công tác đào tạo, bồi dưỡng đi vào nề nếp; nội dung, hình thức, chương trình có nhiều đổi mới, chất lượng giảng dạy từng bước được nâng lên. Điều kiện cơ sở vật chất, trang thiết bị được tính quan tâm đầu tư nâng cấp, góp phần ứng dụng có hiệu quả công nghệ thông tin, tạo điều kiện để cán bộ học tập, nghiên cứu thiết thực, hiệu quả.

Tuy nhiên, trong công tác đào tạo, bồi dưỡng của tỉnh còn một số hạn chế. Việc đổi mới nội dung, chương trình còn chậm, đôi lúc còn nặng về lý luận, chưa thật sát thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng còn trùng lặp, thiếu sự liên thông,

kế thừa; phương pháp giảng dạy đôi lúc nặng về hình thức, chưa phát huy được tính chủ động, sáng tạo của học viên. Một số cấp ủy cử CBCCVC đi đào tạo, bồi dưỡng chưa đúng đối tượng, đăng ký chỉ tiêu chưa phù hợp, thậm chí có cơ quan, đơn vị chưa xây dựng được kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng để hoàn thiện tiêu chuẩn cho từng chức danh quy hoạch. Bên cạnh đó, một bộ phận CBCCVC còn e ngại việc học tập nâng cao trình độ, chưa chủ động trong việc sắp xếp công việc, thời gian tham gia các lớp đào tạo, bồi dưỡng, ý thức chấp hành chưa cao...

Nhiệm vụ, giải pháp

Để khắc phục những hạn chế trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tiếp tục thực hiện thắng lợi các mục tiêu của Đề án 02 trong giai đoạn tới, Sóc Trăng đã đề ra nhiều giải pháp, trong đó nhấn mạnh việc thực hiện những nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá chiến lược về phát triển nguồn nhân lực trong nhiệm kỳ Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XIV, nhiệm kỳ 2020-2025.

Đổi mới mạnh mẽ công tác đào tạo, bồi dưỡng, thực hiện đa dạng hóa các hình thức thông qua việc đặt hàng, lựa chọn các học viện, trường đại học, các tổ chức đào tạo có uy tín, chất lượng nhằm tạo nguồn nhân lực có chất lượng cao cho tỉnh. Tập trung đào tạo theo quy hoạch cán bộ, theo tiêu chuẩn chức danh, vị trí việc làm; quan tâm đào tạo cán bộ trẻ, nữ, người DTTS; thực hiện tốt việc đào tạo, bồi dưỡng gắn với bố trí, sử dụng sau đào tạo.

Nâng cao chất lượng đội ngũ CBCCVC làm công tác nghiên cứu, tham mưu, quản lý về đào tạo, bồi dưỡng. Chú trọng xây dựng đội ngũ viên chức, giảng viên bảo đảm cơ cấu cán bộ giảng dạy và nghiên cứu khoa học tại các cơ sở đào tạo; có trình độ, năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ, có kiến thức chuyên sâu, kinh nghiệm thực tiễn, phương pháp giảng dạy phù hợp.

(Xem tiếp trang 65)

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGANG TẦM NHIỆM VỤ Cách làm ở Cà Mau

HUY NAM

Xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp đủ phẩm chất, năng lực và uy tín đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong giai đoạn mới là một trong 5 nhiệm vụ trọng tâm Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh Cà Mau lần thứ XVI, nhiệm kỳ 2020-2025 đề ra. Nghị quyết cũng xác định “Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu phát triển của tỉnh...” là một trong 3 khâu đột phá chiến lược để triển khai thực hiện xuyên suốt trong cả nhiệm kỳ. Quyết tâm thực hiện nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá, Tỉnh ủy Cà Mau đã thực hiện nhiều giải pháp hiệu quả trong xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp.

Làm rõ vai trò, trách nhiệm người đứng đầu

Cà Mau hiện có 9 đơn vị hành chính cấp huyện (8 huyện, 1 thành phố); 101 xã, phường, thị trấn. Đảng bộ tỉnh có 13 đảng bộ cấp huyện và tương đương; 624 tổ chức cơ sở đảng (TCCSĐ), 2.256 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở; toàn Đảng bộ có hơn 50.100 đảng viên. Cùng với các giải pháp tăng cường xây dựng, chỉnh đốn Đảng và xây dựng hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh, Đảng bộ tỉnh Cà Mau đã và đang triển khai thực hiện đồng bộ các khâu, tạo chuyển biến rõ rệt trong công tác cán bộ.

Ngay từ đầu nhiệm kỳ, BTV Tỉnh ủy đã ban hành đồng bộ các văn bản về công tác cán bộ theo hướng có trọng tâm, trọng điểm để lãnh đạo, chỉ đạo triển khai thực hiện. Trên cơ sở văn bản của Trung ương, Tỉnh ủy và BTV Tỉnh ủy, cấp ủy các cấp trong Đảng bộ tỉnh kịp thời cụ thể hóa phù hợp với thực tiễn của địa phương, cơ quan, đơn vị. Đồng thời, BTV Tỉnh ủy chỉ đạo xây dựng, bổ sung, sửa đổi và ban hành mới nhiều quy định, quy chế về công tác

cán bộ như: Quy định số 11-QĐ/TU ngày 5-4-2022 về tiêu chuẩn chức danh cán bộ diện Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy quản lý; Quy định số 13-QĐ/TU ngày 27-6-2022 về luân chuyển cán bộ; Quy định số 15-QĐ/TU ngày 3-1-2023 về phân cấp quản lý cán bộ và bổ nhiệm, giới thiệu cán bộ ứng cử; Quyết định số 690-QĐ/TU về ban hành Bảng danh mục chức danh, chức vụ lãnh đạo và tương đương của hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở theo Kết luận số 35-KL/TW ngày 5-5-2022 của Bộ Chính trị; Quy định về tiêu chuẩn, điều kiện, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại các chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng và tương đương trong các cơ quan tham mưu, giúp việc của Tỉnh ủy, mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh và các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Tỉnh ủy; Kế hoạch số 103-KH/TU ngày 15-7-2022 thực hiện Kết luận số 14-KL/TW ngày 22-9-2021 của Bộ Chính trị về chủ trương khuyến khích và bảo vệ cán bộ năng động, sáng tạo vì lợi ích chung... Trong các văn bản chỉ đạo đều xác định rõ trách nhiệm của tập thể, cá nhân, nhất

là người đứng đầu trong công tác cán bộ.

Đồng chí Lê Chí Hiếu, Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy cho biết: Tăng cường vai trò lãnh đạo của cấp ủy đảng, người đứng đầu trong việc xây dựng, triển khai, nâng cao chất lượng các chương trình, kế hoạch, hướng dẫn thực hiện các chủ trương, nghị quyết, quyết định của Đảng, Nhà nước về công tác cán bộ, gắn với ngăn chặn và đẩy lùi có hiệu quả tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ... là những yêu cầu của Tỉnh ủy đối với cấp ủy các cấp. Thực tế thời gian qua các quy định, văn bản về công tác cán bộ đều được các cấp ủy từ tỉnh đến cơ sở thực hiện bài bản, nghiêm túc, đảm bảo thực hiện tốt từng khâu trong công tác cán bộ.

Việc tăng cường vai trò, trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ được chú trọng. BTV Tỉnh ủy đã ban hành Quy định số 24-QĐ/TU ngày 1-11-2023 về kiểm soát quyền lực và phòng, chống tham nhũng, tiêu cực trong công tác cán bộ; chỉ đạo rà soát việc bố trí người có quan hệ gia đình theo Quy định số 114-QĐ/TW ngày 11-7-2023 của Bộ Chính trị, yêu cầu BTV cấp ủy cấp trên cơ sở có kế hoạch sắp xếp, bố trí cán bộ theo đúng quy định.

Đánh giá, sử dụng đúng cán bộ

Trong thời gian qua, việc đánh giá cán bộ được BTV Tỉnh ủy Cà Mau và các cấp ủy, tổ chức đảng trong tỉnh quan tâm thực hiện, bảo đảm quy trình, quy định, gắn chặt với các khâu trong công tác cán bộ. Nội dung, quy trình, phương pháp đánh giá cán bộ từng bước được đổi mới, ngày càng đi vào nền nếp, cơ bản chặt chẽ, khách quan, thận trọng, đúng quy định, góp phần hạn chế từng bước biểu hiện ngại va chạm, nể nang, né tránh; đánh giá cán bộ dựa trên kết quả thực hiện chức trách, nhiệm vụ được giao.

Việc đánh giá trước khi thực hiện các khâu trong công tác cán bộ được tỉnh thực hiện trên cơ sở xây dựng tiêu chí năng lực khác nhau, như đối với tuyển chọn cán bộ sẽ xây dựng

khung năng lực gắn với vị trí việc làm; điều động, luân chuyển cán bộ có khung năng lực nghiệp vụ chuyên môn, sở trường, kinh nghiệm thực tiễn, uy tín; đối với công tác quy hoạch, ngoài yêu cầu chung về năng lực, còn yêu cầu về phẩm chất đạo đức, cơ cấu và triển vọng phát triển của cán bộ... Theo các khung tiêu chí cụ thể, công tác đánh giá cán bộ đã dần đi vào nền nếp, khách quan, thực chất. Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, BTV Tỉnh ủy đã đánh giá, xếp loại 1.489 lượt cán bộ, trong đó phục vụ cho công tác quy hoạch 76 lượt cán bộ; giới thiệu ứng cử 6 lượt cán bộ; đánh giá, xếp loại hằng năm 1.407 lượt cán bộ.

Trên cơ sở đánh giá đúng cán bộ, các cấp ủy thực hiện công tác luân chuyển, điều động, phân công, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại cán bộ bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, góp phần xây dựng đội ngũ cán bộ đủ về số lượng, đồng bộ về cơ cấu và nâng cao chất lượng. Gắn kết chặt chẽ việc bố trí, sắp xếp, phân công cán bộ hợp lý, khoa học với việc chuẩn bị trước một bước công tác nhân sự cấp ủy, lãnh đạo chủ chốt nhiệm kỳ tới. Kết hợp luân chuyển với điều động, bố trí cán bộ chủ chốt không là người địa phương và tăng cường cán bộ có năng lực cho những nơi có khó khăn.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, toàn tỉnh đã điều động, luân chuyển, bổ nhiệm, bổ nhiệm lại, chỉ định, giới thiệu ứng cử 398 cán bộ. Trong đó, luân chuyển 9 đồng chí; điều động, bổ nhiệm 83 đồng chí; bổ nhiệm lại 43 đồng chí; chỉ định, chuẩn y ủy viên BCH, ủy viên BTV, bí thư, phó bí thư cấp ủy và tương đương trực thuộc Tỉnh ủy 44 đồng chí... Các cán bộ được bổ nhiệm, điều động, luân chuyển đều đã thể hiện vai trò gương mẫu, nỗ lực tu dưỡng, rèn luyện, gắn bó với địa phương; chủ động nghiên cứu nắm chắc địa bàn để lãnh đạo sâu sát, toàn diện, góp phần tích cực vào sự phát triển chung của địa phương. Nhiều cán bộ đã tích lũy kinh nghiệm thực tiễn, từng bước trưởng thành trên cương vị

mới, qua đó giúp cấp ủy phát hiện những nhân tố mới để bồi dưỡng, tạo nguồn cán bộ có chất lượng chuẩn bị cho nhiệm kỳ tiếp theo.

Tạo nguồn cán bộ kế cận

Để bảo đảm sự chuyển tiếp, liên tục, chủ động xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp cho nhiệm kỳ tiếp theo, BTV Tỉnh ủy đã chỉ đạo thực hiện bài bản, chủ động công tác quy hoạch cán bộ ngay từ đầu nhiệm kỳ. Trong đó xác định rõ các yêu cầu: nguồn quy hoạch “động” và “mở”; lấy quy hoạch cấp ủy làm cơ sở quy hoạch các chức danh lãnh đạo, quản lý; lấy quy hoạch cấp dưới làm cơ sở cho quy hoạch cấp trên; chú trọng việc tạo nguồn cán bộ, phát hiện những nhân tố điển hình, trẻ từ phong trào thi đua của các ngành, các cấp, các lĩnh vực công tác... Trong đó, ban tổ chức cấp ủy cấp huyện đã kịp thời triển khai và tham mưu thực hiện tốt công tác rà soát, bổ sung quy hoạch nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026 và nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031. Ban Tổ chức Tỉnh ủy tham mưu rà soát, bổ sung quy hoạch BCH Đảng bộ tỉnh, BTV Tỉnh ủy, các chức danh lãnh đạo chủ chốt của tỉnh và phối hợp các cơ quan liên quan thẩm định, báo cáo Thường trực Tỉnh ủy phê duyệt kết quả rà soát, bổ sung quy hoạch cán bộ lãnh đạo, quản lý các địa phương, cơ quan, đơn vị.

Gắn quy hoạch với đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, tỉnh thực hiện khảo sát, đánh giá kỹ nguồn cán bộ trong quy hoạch làm căn cứ xây dựng đề án, kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp. BTV Tỉnh ủy thành lập Hội đồng đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức tỉnh; ban hành Quy chế đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trong hệ thống chính trị của tỉnh (Quy chế số 08-QC/TU ngày 29-3-2024). Qua đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ luôn bảo đảm đúng đối tượng. Nội dung đào tạo, bồi dưỡng toàn diện cả về chuyên môn, lý luận chính trị, kỹ năng lãnh đạo, quản lý, cập nhật kiến thức mới, kiến thức quốc

phòng - an ninh, giúp cán bộ nâng cao trình độ và kỹ năng lãnh đạo, quản lý, vừa đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trước mắt, vừa hoàn thiện tiêu chuẩn theo chức danh quy hoạch.

Một bước chuẩn bị từ xa của tỉnh đó là, từ năm 2017 BTV Tỉnh ủy đã ban hành Đề án đào tạo, bồi dưỡng, sử dụng cán bộ nữ, cán bộ trẻ, cán bộ là người DTTS nhiệm kỳ 2015-2020 và những nhiệm kỳ tiếp theo. Đề án nhằm xây dựng, phát triển đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý là nữ, trẻ, người DTTS có cơ cấu hợp lý, có tính kế thừa và phát triển; có năng lực, trí tuệ và bản lĩnh chính trị, phẩm chất đạo đức và tác phong làm việc. Trên cơ sở đó đưa vào diện đề đào tạo, bồi dưỡng, nâng cao năng lực, trình độ chuyên môn, lý luận chính trị. Qua rà soát đội ngũ cán bộ các cấp, tỉnh xác định có 705 đồng chí bảo đảm điều kiện, tiêu chuẩn tham gia Đề án, trong đó có 164 cán bộ trẻ. Đội ngũ này sẽ được xem xét bổ sung vào quy hoạch cấp ủy, BTV cấp ủy, các chức danh lãnh đạo, quản lý chủ chốt, lãnh đạo cơ quan; ưu tiên đào tạo, bồi dưỡng đạt chuẩn về nghiệp vụ chuyên môn, lý luận chính trị, quản lý nhà nước; lựa chọn, đề bạt, giới thiệu để BTV Tỉnh ủy, huyện ủy, thành ủy, đảng ủy xem xét, bổ nhiệm, giới thiệu ứng cử vào các chức danh lãnh đạo, quản lý.

Đề án đã tạo được chuyển biến trong việc nâng cao năng lực, trình độ cán bộ trẻ, nữ, người DTTS các cấp đáp ứng yêu cầu phát triển toàn diện của tỉnh. Công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng gắn với bố trí, sử dụng cán bộ nữ, trẻ, người DTTS được triển khai thực hiện đồng bộ, toàn diện, bước đầu khắc phục tình trạng bị động, hẫng hụt trong công tác cán bộ. Chất lượng, số lượng cán bộ nữ, trẻ, người DTTS trong hệ thống chính trị của tỉnh cũng ngày càng tăng lên.

Bên cạnh đó, tỉnh còn thực hiện các giải pháp lựa chọn, bồi dưỡng, bố trí cán bộ hiệu quả như: Tổ chức thi điểm thi tuyển cạnh tranh

(Xem tiếp trang 43)

XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG VÀ ĐỘI NGŨ CÁN BỘ NGƯỜI DÂN TỘC THIỂU SỐ Ở ĐỒNG NAI

ĐINH THÀNH

Tỉnh Đồng Nai có hơn 21 vạn đồng bào dân tộc thiểu số (DTTS), chiếm 6,5% dân số của tỉnh; với 7 dân tộc sinh sống tập trung, gồm: Chơ-ro, Mạ, Xtiêng, Cơ-ho, Chăm, Kơ-me, Hoa, còn lại đa phần là đồng bào các DTTS đến từ các tỉnh miền núi phía bắc, sống rải rác, xen kẽ. Trong những năm qua, Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo công tác xây dựng, củng cố, nâng cao chất lượng tổ chức đảng và đội ngũ cán bộ, đảng viên vùng DTTS. Qua đó, đã phát huy tốt vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở, góp phần thực hiện thắng lợi các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, bảo đảm quốc phòng - an ninh, phát huy khối đại đoàn kết toàn dân tộc, xây dựng Đảng và hệ thống chính trị ngày càng vững mạnh.

Nhiều chính sách cụ thể

Để triển khai thực hiện có hiệu quả các chỉ thị, nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác xây dựng tổ chức đảng, đảng viên và cán bộ người DTTS, Tỉnh ủy, BTV Tỉnh ủy Đồng Nai đã ban hành các văn bản chỉ đạo thực hiện gắn với tổ chức tốt việc học tập, nghiên cứu, quán triệt đến cán bộ chủ chốt các cấp trong tỉnh; đồng thời, chỉ đạo các cấp ủy, tổ chức đảng, các tổ chức trong hệ thống chính trị, trên cơ sở chức năng, nhiệm vụ được giao xây dựng kế hoạch, chương trình hành động để tổ chức thực hiện, bảo đảm sát với thực

tiễn. Trong đó, BTV Tỉnh ủy đã ban hành Chỉ thị số 55-CT/TU ngày 27-4-2020 về tăng cường và đổi mới công tác dân vận của Đảng trong vùng đồng bào DTTS, Nghị quyết chuyên đề về phát triển đảng viên. UBND tỉnh ban hành Kế hoạch số 2883/KH-UBND ngày 23-3-2021 về việc triển khai Nghị quyết số 120/2022/QH14 ngày 19-6-2020 của Quốc hội về phê duyệt chủ trương đầu tư Chương trình mục tiêu quốc gia phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS và miền núi giai đoạn 2021-2030 trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 8326/KH-UBND ngày 19-7-

2021 về việc triển khai thực hiện Đề án “Tăng cường hợp tác quốc tế hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh đến năm 2025”; Kế hoạch số 5459/KH-UBND ngày 21-5-2021 về thực hiện Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin hỗ trợ phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm an ninh trật tự vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Đồng Nai giai đoạn 2021-2025”; Kế hoạch số 3465/KH-UBND ngày 10-4-2018 về triển khai thực hiện Đề án “Hỗ trợ hoạt động bình đẳng giới vùng DTTS giai đoạn 2018-2025” trên địa bàn tỉnh; Quyết định số 09/2022/QĐ-UBND ngày 28-1-2022 về quy định vùng tạo nguồn cho cán bộ các DTTS thuộc diện tuyển sinh vào các trường dân tộc nội trú trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 190/KH-UBND ngày 22-8-2022 của UBND tỉnh về triển khai thực hiện Chiến lược công tác dân tộc trên địa bàn tỉnh giai đoạn 2021-2030, tầm nhìn 2045; Quyết định số 2148/QĐ-UBND ngày 18-8-2022 về quy

định mức hỗ trợ đối với người có uy tín trong đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh; Kế hoạch số 145/KH-BDT ngày 20-6-2022 về thực hiện chiến lược phát triển gia đình vùng đồng bào DTTS và miền núi tỉnh Đồng Nai đến năm 2030, giai đoạn I (2022-2025)...

Cùng với ban hành các nghị quyết, kết luận, công văn chỉ đạo về phát triển kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS, BTV Tỉnh ủy xây dựng chương trình kiểm tra, giám sát việc chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, giảm nghèo bền vững vùng đồng bào DTTS trong tỉnh. Đồng thời, chỉ đạo Đảng đoàn HĐND, Ban Cán sự đảng UBND tỉnh triển khai thực hiện các chuyên đề để thực hiện chính sách ưu tiên phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội gắn với quốc phòng - an ninh; các chính sách an sinh xã hội, giảm nghèo... dành riêng cho khu vực vùng đồng bào DTTS. Chỉ đạo các cấp, các ngành, mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội tổ chức quán triệt, thực hiện, tuyên truyền, phổ biến sâu rộng trong đoàn viên, hội viên và nhân dân; tăng cường công tác phối hợp thực hiện các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác dân tộc. Định kỳ, BTV Tỉnh ủy tổ

chức sơ kết, tổng kết về công tác dân tộc, bổ sung phương hướng, nhiệm vụ, giải pháp theo tinh thần nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác dân tộc.

Chú trọng công tác phát triển đảng viên

Các cấp ủy tập trung củng cố, kiện toàn tổ chức bộ máy và xây dựng đội ngũ cán bộ người DTTS. Trong đó, chú trọng công tác tạo nguồn, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, bố trí, sử dụng cán bộ; thực hiện chính sách về tuyển dụng công chức, viên chức là người DTTS. Hiện nay, 100% ấp, khu phố vùng đồng bào DTTS trên địa bàn tỉnh đều có tổ chức đảng. Chất lượng sinh hoạt chi bộ của các tổ chức đảng vùng DTTS ngày càng có chất lượng hơn. Hầu hết các chi bộ thực hiện tốt việc duy trì chế độ sinh hoạt định kỳ và nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ theo Chỉ thị số 10-CT/TW của Bộ Chính trị và Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương “Về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ”; bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, nguyên tắc tự phê bình và phê bình, thực hiện đoàn kết nội bộ trong sinh hoạt đảng; thường xuyên đổi mới nội dung, phương pháp theo hướng thiết thực, phù hợp với tình hình thực tế của địa phương; thực hiện nền nếp

Quy định số 25-QĐ/TU ngày 13-2-2019 của BTV Tỉnh ủy về “Tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ hằng tháng”...

Công tác phát triển đảng viên được cấp ủy các cấp chú trọng. Trên cơ sở Nghị quyết chuyên đề của Tỉnh ủy, các đảng bộ trực thuộc đề ra những yêu cầu, nội dung và chỉ đạo cấp ủy cơ sở xây dựng, ban hành kế hoạch thực hiện công tác phát triển đảng viên theo từng năm và cho cả nhiệm kỳ. Các cấp ủy đảng luôn coi trọng công tác sơ kết, tổng kết, đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện các chủ trương, nghị quyết về công tác phát triển đảng viên. Cấp ủy, tổ chức đảng, mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở đã phát huy vai trò, trách nhiệm trong việc xây dựng chương trình, kế hoạch khảo sát tình hình thực tiễn, cải tiến nội dung, phương pháp vận động, giáo dục, bồi dưỡng, tuyển chọn, giới thiệu quần chúng ưu tú để kết nạp vào Đảng; trong đó, luôn chú trọng đến những ấp, khu phố ở các xã vùng DTTS, địa bàn khó khăn. Công tác tạo nguồn, phát triển đảng viên là người DTTS được đặc biệt quan tâm, nhờ vậy tỷ lệ đảng viên người DTTS có chiều hướng tăng lên qua các năm. Đến cuối năm 2023, toàn tỉnh có 1.687 đảng viên là người

DTTS, chiếm 1,9% tổng số đảng viên Đảng bộ tỉnh. Cơ cấu đội ngũ đảng viên mới kết nạp là người DTTS có chuyên môn giỏi, số lượng đảng viên mới kết nạp từ 18 đến 30 tuổi tăng qua các năm; đảng viên mới kết nạp là người DTTS đều dưới 30 tuổi.

Đội ngũ cán bộ người DTTS trong hệ thống chính trị từ tỉnh đến cơ sở được quan tâm, kiện toàn, củng cố, sắp xếp, bố trí phù hợp hơn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Công tác cán bộ người DTTS được đổi mới theo quan điểm và quy định của Đảng, Nhà nước, phù hợp với thực tiễn. Công tác cán bộ là người DTTS được thực hiện khá đồng bộ, từ đánh giá, quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng, luân chuyển đến thực hiện chính sách cán bộ, tạo điều kiện để cán bộ phấn đấu vươn lên làm tốt nhiệm vụ được giao. Việc thực hiện sắp xếp, bố trí, đề bạt cán bộ người DTTS cơ bản bảo đảm nguyên tắc và quy định về phân cấp quản lý cán bộ. Trong quy hoạch cán bộ lãnh đạo cấp tỉnh nhiệm kỳ 2020-2025, 2021-2026 và nhiệm kỳ 2025-2030, 2026-2031 có 1 đồng chí người DTTS được quy hoạch BCH Đảng bộ tỉnh, 3 đồng chí được quy hoạch vào chức danh lãnh đạo các sở, ngành của tỉnh, 8 đồng chí quy hoạch cấp ủy cấp huyện và 42 đồng

chí quy hoạch cấp ủy cơ sở.

BTV Tỉnh ủy quan tâm, chỉ đạo công tác đào tạo cán bộ, trong đó có chính sách cụ thể đối với cán bộ là người DTTS. Vì vậy, đội ngũ cán bộ người DTTS ngày càng có nhiều cơ hội thuận lợi để tham gia học tập, bồi dưỡng về lý luận chính trị và nghiệp vụ chuyên môn, đáp ứng yêu cầu vị trí việc làm và nhiệm vụ được giao. Tỷ lệ cán bộ người DTTS trong quy hoạch và được cử đi đào tạo, bồi dưỡng hằng năm đều tăng; đội ngũ cán bộ nữ, cán bộ người DTTS sau đào tạo, bồi dưỡng có nhận thức chính trị vững vàng hơn, hiệu quả công tác được nâng lên rõ rệt. BTV Tỉnh ủy đã cử 1 đồng chí cán bộ thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý là người DTTS tham gia bồi dưỡng kiến thức an ninh - quốc phòng đối tượng 1, cử 1 đồng chí là lãnh đạo huyện tham gia bồi dưỡng kiến thức an ninh - quốc phòng đối tượng 2.

Để tăng tỷ lệ cán bộ người DTTS tham gia bộ máy lãnh đạo, BTV Tỉnh ủy chỉ đạo cấp ủy các cấp khi có chủ trương về công tác nhân sự phải quan tâm bổ nhiệm cán bộ người DTTS. Đại hội đảng bộ các cấp nhiệm kỳ 2020-2025, Ban Dân tộc tỉnh có 1 Phó Trưởng ban là người DTTS; có 5 đồng chí tham gia cấp ủy cấp huyện (chiếm 1%), 2 đồng chí tham

gia BTV cấp ủy huyện (chiếm 1,24%), 45 đồng chí tham gia cấp ủy cơ sở (chiếm 1%). Đến cuối năm 2023, có 62 cán bộ người DTTS giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý từ cấp xã đến cấp tỉnh; có 17 đảng viên người DTTS là trưởng ấp, khu phố...

Còn những hạn chế, khó khăn

Một số TCCSĐ còn buông lỏng, xem nhẹ công tác phát triển đảng viên là người DTTS, chưa quan tâm đến các chi bộ ấp, khu phố vùng đồng bào DTTS; chưa chú trọng công tác tạo nguồn phát triển đảng viên là người DTTS. Bên cạnh đó, do điều kiện hoàn cảnh kinh tế khó khăn nên nhiều thanh niên là người DTTS phải đi làm xa và chưa tha thiết vào Đảng, trong khi công tác tuyên truyền, vận động, giáo dục, thuyết phục còn hạn chế. Ở một số chi bộ, việc hướng dẫn làm thủ tục kết nạp vào Đảng chưa sát sao, chưa có cách làm hiệu quả để hướng dẫn quần chúng khai hồ sơ bảo đảm theo quy định. Do đó, một số quần chúng viết hồ sơ lý lịch nhiều lần hoặc chi bộ chưa đôn đốc, hướng dẫn kịp thời nên viết hồ sơ sai, chậm. Một số tổ chức đoàn thể ở ấp, khu phố chưa tạo nhiều phong trào nhằm thu hút, tập hợp đoàn viên, hội viên vào hoạt động để rèn luyện, phấn đấu vào Đảng.

Một số cấp ủy, chính quyền

chậm cụ thể hóa các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước có liên quan đến công tác cán bộ là người DTTS; chưa sắp xếp, bố trí công việc hợp lý đối với cán bộ trong diện cử tuyển; số lượng cán bộ, công chức, viên chức là người DTTS còn ít; một số xã có đồng bào DTTS nhưng số cán bộ người DTTS được đưa vào quy hoạch các chức danh lãnh đạo còn ít; trình độ, kiến thức một số cán bộ người DTTS còn hạn chế.

Nhận thức về công tác dân tộc, chính sách dân tộc trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ của một số cấp ủy, hệ thống chính trị địa phương, đơn vị, cán bộ, đảng viên chưa thật sự sâu sắc, toàn diện. Kinh tế - xã hội vùng đồng bào DTTS một số nơi phát triển chậm, đời sống nhân dân còn nhiều khó khăn, trình độ dân trí thấp; một bộ phận đồng bào mang nặng tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào sự hỗ trợ, đầu tư của Nhà nước, ảnh hưởng không nhỏ đến việc triển khai các chương trình, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

Công tác đôn đốc, kiểm tra, đánh giá, giám sát, rút kinh nghiệm một số cấp ủy cấp trên cơ sở chưa kịp thời; công tác tham mưu, đề xuất của các cơ quan chức năng về công tác dân tộc nhìn chung còn chậm, chưa sát với thực tiễn.

Giải pháp thời gian tới

Một là, tổ chức thực hiện nghiêm túc, hiệu quả Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16-6-2022 của BCH Trung ương Đảng khóa XIII “về tăng cường củng cố, xây dựng TCCSĐ và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới”; Kế hoạch số 216-KH/TU ngày 2-12-2022 của BTV Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW; Thông tri số 35-TT/TU ngày 24-3-2009 của BTV Tỉnh ủy về nâng cao chất lượng sinh hoạt chi bộ. Thực hiện nền nếp Quy định số 25-QĐi/TU ngày 13-2-2019 của BTV Tỉnh ủy “về tiêu chí đánh giá chất lượng sinh hoạt chi bộ”; xây dựng và thực hiện mô hình “chi bộ bốn tốt”, “đảng bộ cơ sở bốn tốt”. Làm tốt công tác đánh giá chất lượng tổ chức đảng, đảng viên hằng năm.

Hai là, đẩy mạnh và nâng cao chất lượng công tác kết nạp đảng viên nhằm khắc phục tình trạng tỷ lệ đảng viên đạt thấp ở một số vùng đồng bào DTTS; bên cạnh việc tăng số lượng cần chú trọng nâng cao chất lượng phát triển đảng viên. Đổi mới nội dung, chương trình bồi dưỡng đối tượng kết nạp đảng viên người DTTS; đảng viên mới bảo đảm tiêu chuẩn, điều kiện, xác định đúng đắn động cơ vào Đảng, tiên phong, gương mẫu. Tăng cường công

tác giáo dục tư tưởng chính trị, rèn luyện, nâng cao bản lĩnh chính trị cho đảng viên người DTTS; chủ động nắm tình hình, diễn biến tư tưởng, kịp thời định hướng cho đảng viên; tăng cường trách nhiệm của đảng viên trong việc bảo vệ nền tảng tư tưởng của Đảng, đấu tranh phản bác quan điểm sai trái, thù địch.

Ba là, tăng cường sự lãnh đạo, chỉ đạo của các cấp ủy đảng, chính quyền các cấp trong việc thực hiện các chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về công tác cán bộ người DTTS; quy định trách nhiệm cụ thể của người đứng đầu địa phương, cơ quan, đơn vị trong thực hiện công tác cán bộ người DTTS. Chú trọng từ công tác quy hoạch, đào tạo, bồi dưỡng đến bố trí, sử dụng cán bộ; có cơ chế, chính sách cụ thể đối với cán bộ người DTTS; làm tốt công tác tạo nguồn cán bộ người DTTS. Thực hiện luân chuyển một số cán bộ người DTTS có năng lực, triển vọng để giữ các chức danh lãnh đạo chủ chốt ở cấp dưới nhằm rèn luyện, đào tạo, thử thách cán bộ qua thực tiễn; điều động một số cán bộ người DTTS đang giữ các chức vụ lãnh đạo cấp xã lên cấp huyện và từ cấp huyện lên tỉnh.

Bốn là, làm tốt hơn nữa

(Xem tiếp trang 61)

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ trước yêu cầu hội nhập quốc tế hiện nay

NGỌC ANH

Quá trình toàn cầu hóa sâu rộng và cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư đã đẩy mạnh xu hướng hội nhập ở nhiều quốc gia trong khu vực và trên thế giới. Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập quốc tế ngày càng sâu rộng nên môi trường làm việc quốc tế cũng ngày càng mở rộng đối với tất cả mọi người, mọi lĩnh vực, ngành nghề. Điều này càng khẳng định việc đào tạo, bồi dưỡng để xây dựng đội ngũ cán bộ đủ năng lực, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ trong thời kỳ hội nhập quốc tế là một trong những nội dung quan trọng của công tác cán bộ.

Bối cảnh và mục tiêu của Đảng ta trong việc xây dựng đội ngũ cán bộ trong tình hình mới

Thế giới đang chuyển biến nhanh, đặt ra những yêu cầu mới đối với sự nghiệp xây dựng và bảo vệ Tổ quốc Việt Nam XHCN, đòi hỏi phải phát huy cao độ nội lực và ngoại lực, tận dụng mọi thời cơ, vượt qua mọi khó khăn, thách thức đưa đất nước phát triển nhanh và bền vững.

Việt Nam đang trong tiến trình hội nhập quốc tế mạnh mẽ. Theo thống kê, Việt Nam đang có quan hệ hợp tác rộng rãi về kinh tế, thương mại, đầu tư với hơn 230 quốc gia và vùng lãnh thổ. Việt Nam cũng đã tham gia hầu hết các hiệp định kinh tế đa phương thế hệ mới, do đó cần nâng cao năng lực toàn cầu của đội ngũ cán bộ để hội nhập thành công là yêu cầu cấp thiết.

Xác định rõ tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu đổi mới và hội nhập quốc tế, những nhiệm kỳ qua Bộ Chính trị, Ban Bí thư đã ban hành nhiều nghị quyết, quy định, kết luận nhằm tăng cường đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ như Quy định số

164-QĐ/TW ngày 1-2-2013 “về chế độ bồi dưỡng, cập nhật kiến thức đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”; Nghị quyết số 32-NQ/TW ngày 26-5-2014 “về tiếp tục đổi mới, nâng cao chất lượng công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cho cán bộ lãnh đạo, quản lý”. Ban Bí thư đã ban hành Kết luận số 57-KL/TW ngày 8-3-2013 “về tiếp tục đẩy mạnh công tác đào tạo, bồi dưỡng lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý các cấp”; Kết luận số 117-KL/TW ngày 20-11-2015 “về công tác đào tạo, bồi dưỡng tại các trường chính trị tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương”...

Nghị quyết số 22-NQ/TW ngày 10-4-2013 của Bộ Chính trị “về hội nhập quốc tế” đã chỉ rõ: “Hội nhập quốc tế là sự nghiệp của toàn dân và của cả hệ thống chính trị dưới sự lãnh đạo của Đảng và sự quản lý của Nhà nước”. Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị “về một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư” xác định: “Chú trọng xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức đáp ứng yêu cầu của cuộc Cách mạng công nghiệp

lần thứ tư; chuẩn hóa và tăng cường năng lực đội ngũ cán bộ”. Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 19-5-2018 của BCH Trung ương khóa XII “về xây dựng đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược, đủ phẩm chất, năng lực và uy tín, ngang tầm nhiệm vụ” đã đề ra các chỉ tiêu về xây dựng năng lực làm việc trong môi trường quốc tế đối với cán bộ. Theo đó, mục tiêu đến năm 2030: “Đối với cán bộ cấp chiến lược: Thực sự tiêu biểu về tư tưởng chính trị, phẩm chất, năng lực và uy tín; trên 15% dưới 45 tuổi; 40-50% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế (đối với Quân đội, Công an có quy định riêng của Bộ Chính trị). Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tổng cục, cục, vụ, phòng và tương đương ở Trung ương: 20-25% dưới 40 tuổi; 50-60% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế. Đối với cán bộ lãnh đạo, quản lý ở địa phương: 15-20% cán bộ lãnh đạo, quản lý cấp tỉnh dưới 40 tuổi, 25-35% đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế; 20-25% cán bộ lãnh đạo chủ chốt và ủy viên ban thường vụ cấp ủy cấp huyện dưới 40 tuổi. Đối với cán bộ chuyên trách cấp xã: 100% có trình độ cao đẳng, đại học và được chuẩn hóa về lý luận chính trị, nghiệp vụ chuyên môn, kỹ năng công tác... Đối với cán bộ quản lý doanh nghiệp nhà nước: Nâng cao tinh đảng và ý thức tuân thủ pháp luật; sản xuất - kinh doanh hiệu quả; 70-80% có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế”.

Báo cáo chính trị Đại hội XIII của Đảng nhấn mạnh: “Chủ động và tích cực hội nhập quốc tế, giải quyết tốt mối quan hệ giữa độc lập, tự chủ và hội nhập quốc tế; thúc đẩy hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả vì lợi ích quốc gia - dân tộc, bảo đảm độc lập, tự chủ, chủ quyền quốc gia”. Quan điểm “hội nhập quốc tế toàn diện, sâu rộng, linh hoạt, hiệu quả” là bước phát triển mới về tư duy lý luận của Đảng, thể hiện phương châm hội nhập đầy đủ trên các lĩnh vực, với các cấp

độ và phương thức khác nhau.

Văn kiện Đại hội XIII của Đảng tiếp tục nhấn mạnh nội dung nâng cao chất lượng nguồn nhân lực là một nhiệm vụ, giải pháp đột phá chủ yếu để thúc đẩy phát triển đất nước trong giai đoạn mới. Đồng thời, chỉ ra những nhiệm vụ, giải pháp căn bản gồm: “Đổi mới đồng bộ mục tiêu, chương trình, nội dung, phương thức, phương pháp giáo dục và đào tạo theo hướng hiện đại, hội nhập quốc tế”, “Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng cán bộ am hiểu sâu về luật pháp quốc tế, thương mại, đầu tư quốc tế, có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế”.

Yêu cầu đặt ra đối với đội ngũ cán bộ đủ khả năng làm việc trong môi trường quốc tế

Làm việc trong môi trường quốc tế đòi hỏi người cán bộ linh hoạt trong hoạt động quốc tế và xử lý hài hòa lợi ích song phương, đa phương, quốc gia, khu vực, toàn cầu.

Ngoài những yêu cầu, đòi hỏi bắt buộc về bản lĩnh chính trị, trình độ lý luận chính trị, cán bộ làm việc trong môi trường quốc tế phải hội đủ phẩm chất, trình độ, kỹ năng, khả năng thích ứng để làm việc. Đội ngũ cán bộ phải có tư duy nhạy bén, tầm nhìn chiến lược để gắn kết được Việt Nam với thế giới, nhưng vẫn phải giữ vững quan điểm, lập trường của Đảng, phát huy bản sắc văn hóa dân tộc, đồng thời phải nêu cao tinh thần hợp tác quốc tế, tranh thủ ngoại lực để phát triển đất nước.

Có thể tóm gọn những yêu cầu cơ bản đặt ra đối với đội ngũ cán bộ có khả năng làm việc trong môi trường quốc tế như sau:

Thứ nhất, phải trang bị nền tảng kiến thức sâu rộng và thành thạo các kỹ năng chuyên môn. Mỗi ngành, nghề cụ thể thì khối lượng kiến thức và kỹ năng của cán bộ hoàn toàn khác nhau nên cần phải xây dựng chiến lược đào tạo chuyên biệt, cụ thể, phù hợp cho cán bộ.

Thứ hai, cần hiểu biết về pháp luật của Việt Nam, luật pháp của các nước và thông lệ quốc tế, đặc biệt là các kiến thức và quy luật cơ bản

của nền kinh tế, chính trị và văn hóa thế giới. Khi hội nhập quốc tế đang là xu thế toàn cầu thì việc trang bị kiến thức về pháp luật quốc tế được coi là đòi hỏi bắt buộc đối với cán bộ làm việc trong môi trường quốc tế.

Thứ ba, xây dựng thái độ và phong cách làm việc, đề cao các chuẩn mực văn hoá, đạo đức nghề nghiệp. Phương pháp và phong cách làm việc của cán bộ là một trong những yêu cầu quan trọng trong môi trường quốc tế. Cán bộ phải có phương pháp làm việc khoa học, phong cách chuyên nghiệp, có tính kỷ luật, làm việc theo quy trình, thực hiện nghiêm túc giờ giấc, giao tiếp, ứng xử chuẩn mực. Trong hoạt động công vụ, đề cao chuẩn mực đạo đức công vụ. Trong giao tiếp quốc tế cần phải phát huy và giữ gìn bản sắc văn hóa Việt Nam.

Thứ tư, có tư duy nhạy bén, tầm nhìn quốc tế rộng mở và nắm bắt tốt các xu hướng và đặc điểm phát triển của tình hình quốc tế. Cán bộ làm việc trong môi trường quốc tế cần phải có kỹ năng nắm bắt, đánh giá, dự báo chiến lược, có tầm nhìn dài hạn, tư duy nhạy bén trong nhận diện thách thức, nắm thời cơ đúng, trúng và kịp thời.

Thứ năm, thành thạo về ngoại ngữ và tin học. Đây được xem là hai công cụ trợ giúp để cán bộ hội nhập quốc tế. Khi làm việc trong môi trường quốc tế, đặc biệt với ngành nghề thường xuyên tiếp xúc với các đối tác nước ngoài, ngoại ngữ chính là công cụ hữu hiệu để cán bộ có thể trực tiếp trao đổi chuyên môn và thấu hiểu đối tác. Thành thạo tin học sẽ giúp cán bộ dễ dàng hòa nhập trong điều kiện thế giới “phẳng” khi chúng ta đang trong thời kỳ Cách mạng công nghiệp 4.0.

Nội dung trọng tâm trong công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ đáp ứng yêu cầu hội nhập quốc tế

Để thực hiện mục tiêu, nhiệm vụ mà Đảng đã đề ra, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần tiếp tục đổi mới, tạo chuyển biến mạnh mẽ

về chất lượng và hiệu quả, phù hợp để cán bộ chủ động làm việc trong môi trường quốc tế.

Theo đó, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ cần tập trung nâng cao tư duy, tầm nhìn chiến lược, năng lực lãnh đạo, quản lý đối với đội ngũ cán bộ các cấp, nhất là cấp chiến lược và người đứng đầu; trực tiếp khơi dậy nhiệt huyết, khát vọng vì sự phát triển phồn vinh của đất nước, vì hạnh phúc của nhân dân; khơi dậy tinh thần đổi mới, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm vì lợi ích chung trong đội ngũ cán bộ. Đặc biệt, công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ phải trang bị cho đội ngũ cán bộ về trình độ ngoại ngữ, tin học và kỹ năng cần thiết để làm việc hiệu quả trong môi trường quốc tế, góp phần xây dựng bản lĩnh làm việc cho cán bộ.

Các cấp ủy, tổ chức đảng, tập thể lãnh đạo, người đứng đầu các cấp cần tiếp tục chăm lo hơn nữa đến công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, trong đó tiếp tục thực hiện **các nhiệm vụ, giải pháp** sau:

1. Tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm của hệ thống chính trị đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ. Nâng cao nhận thức của các cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể, của cán bộ, đảng viên về mục tiêu, yêu cầu và tầm quan trọng của công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ trong tình hình mới.

2. Tiếp tục đổi mới nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Làm tốt việc rà soát, cập nhật nội dung, chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Xây dựng nội dung, chương trình, phương pháp, thời gian đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chọn lọc, thiết thực, phù hợp với từng chức danh cán bộ, nhưng cần bổ sung các kiến thức thực tiễn bám sát tình hình trong nước và quốc tế.

3. Đẩy mạnh chương trình bồi dưỡng, cập nhật kiến thức mới và kỹ năng làm việc trong môi trường quốc tế cho đội ngũ cán bộ, công

(Xem tiếp trang 56)

Đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức ĐÁP ỨNG YÊU CẦU CHUYỂN ĐỔI SỐ

PHẠM GIANG

Quá trình chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ trên quy mô toàn cầu, tác động tới mọi lĩnh vực của đời sống xã hội nước ta. Chuyển đổi số đã và đang đặt ra những yêu cầu, đòi hỏi mới đối với năng lực của quốc gia và năng lực của đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức. Do vậy, nâng cao chất lượng đào tạo, bồi dưỡng năng lực làm việc cho cán bộ, công chức, viên chức trong bối cảnh chuyển đổi số và hội nhập quốc tế là vấn đề cấp thiết trong giai đoạn hiện nay.

Thách thức

Chuyển đổi số được hiểu là việc sử dụng dữ liệu và công nghệ số để thay đổi một cách tổng thể và toàn diện tất cả các khía cạnh của đời sống xã hội, tái định hình cách chúng ta sống, làm việc và liên hệ với nhau. Quá trình chuyển đổi số đòi hỏi các chủ thể thay đổi cả về tư duy, nhận thức và hành động; chuyển đổi phương thức điều hành, lãnh đạo, làm việc... từ truyền thống, thủ công sang môi trường số, dựa trên nền tảng kỹ thuật số, trong đó ứng dụng dùng dữ liệu và công nghệ số để đổi mới quy trình tác nghiệp, mô hình và cách thức hoạt động của các cơ quan, đơn vị. Chuyển đổi số là quá trình tất yếu, khách quan và là xu thế toàn cầu, tác động tới mọi lĩnh vực, bao gồm cả khu vực tư và công, trong đó có hoạt động đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức.

Nhận thức rõ vị trí, vai trò, tầm quan trọng của chuyển đổi số, thời gian qua Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách thúc đẩy nhanh quá trình chuyển đổi số. Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng đã nêu rõ về định hướng phát triển đất nước giai đoạn 2021-2030, đó là: “Đẩy mạnh chuyển đổi số quốc

gia, phát triển kinh tế số trên nền tảng khoa học và công nghệ, đổi mới sáng tạo; nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả và sức cạnh tranh của nền kinh tế, gắn kết hài hoà, hiệu quả thị trường trong nước và quốc tế”. Nghị quyết cũng đã xác định: “Phấn đấu đến năm 2030, hoàn thành xây dựng chính phủ số; đứng trong nhóm 50 quốc gia hàng đầu thế giới và xếp thứ ba trong khu vực ASEAN về chính phủ điện tử, kinh tế số...”.

Nghị quyết số 52-NQ/TW ngày 27-9-2019 của Bộ Chính trị về “một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư” đã đề ra mục tiêu cụ thể là đến năm 2025 “cơ bản hoàn thành chuyển đổi số trong các cơ quan đảng, nhà nước, mặt trận Tổ quốc, các tổ chức chính trị - xã hội”.

Để triển khai thực hiện nhiệm vụ chuyển đổi số quốc gia, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 749/QĐ-TTg ngày 3-6-2020, phê duyệt “Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030”. Trong đó đề cập đầy đủ những nội dung nhằm thực hiện chương trình chuyển đổi số quốc gia.

Như vậy, quá trình chuyển đổi số với trình độ khoa học - công nghệ phát triển đã đặt ra

yêu cầu cho đội ngũ cán bộ, công chức phải đáp ứng tiêu chuẩn mới, tiệm cận với tiêu chuẩn của thế giới. Đồng thời, hệ thống giáo dục, đào tạo cũng cần nâng cao chất lượng để tạo nên những lớp cán bộ, công chức, nguồn nhân lực mới cả về phẩm chất và năng lực. Thực tiễn cho thấy, quá trình hội nhập quốc tế tạo điều kiện thuận lợi để nước ta phát triển nhanh công nghệ số. Tuy nhiên, nếu trình độ nguồn nhân lực không đáp ứng được yêu cầu phát triển sẽ không chỉ bỏ qua cơ hội mà còn có nguy cơ tụt hậu. Những năm qua, Đảng và Nhà nước đã có nhiều chủ trương, chính sách nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Nhưng, so với yêu cầu phát triển của công nghệ số vẫn còn nhiều mặt hạn chế mà không phải một sớm, một chiều có thể khắc phục. Chính vì vậy, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức đáp ứng yêu cầu chuyển đổi số thực sự là một thách thức không nhỏ đối với nước ta hiện nay.

Những yêu cầu

Thứ nhất, cần có trình độ nghiệp vụ chuyên môn đạt theo chuẩn mới để ứng dụng hiệu quả khoa học - công nghệ, dù ở bất kỳ lĩnh vực nào, người lao động phải giỏi về nghiệp vụ chuyên môn. Do đó, trong thời đại công nghệ số đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức nói chung, người lao động nói riêng cần đạt chuẩn về trình độ chuyên môn đáp ứng yêu cầu công việc. Chỉ khi đã có trình độ đạt chuẩn, người lao động mới lựa chọn được công nghệ phù hợp và ứng dụng hiệu quả các thành tựu khoa học - công nghệ vào quản lý, sản xuất - kinh doanh. Vì vậy, để nâng cao trình độ nghiệp vụ chuyên môn đội ngũ cán bộ, công chức cần được tham gia các chương trình đào tạo, bồi dưỡng bảo đảm chất lượng.

Thứ hai, làm chủ được công nghệ và thành thạo kỹ năng trong môi trường số. Để vận hành chính phủ số, cán bộ, công chức, viên chức,

người lao động trong bộ máy nhà nước không chỉ thành thạo các thao tác về công nghệ để tương tác trong công việc mà còn phải khai thác hiệu quả tối đa khoa học - công nghệ để ứng dụng giải quyết các vấn đề đặt ra. Cán bộ, công chức phải có các kỹ năng, như sử dụng công nghệ thông tin; bảo đảm an toàn thông tin, tổng hợp và phân tích dữ liệu, khai thác và sử dụng các ứng dụng vào công tác. Ngoài ra, cán bộ, công chức cần rèn luyện kỹ năng, cập nhật kiến thức, kỹ thuật mới để không bị tụt hậu trước làn sóng thay đổi nhanh chóng của công nghệ.

Thứ ba, khả năng thích ứng linh hoạt với sự thay đổi của khoa học - công nghệ. Sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ tạo ra nguy cơ tụt hậu cho những ai không kịp thời cập nhật kiến thức, nắm bắt thông tin, theo kịp sự thay đổi của công nghệ. Nguồn nhân lực trong bất kể ngành nào muốn tồn tại và phát triển cần phải có khả năng thích ứng linh hoạt với môi trường khoa học - công nghệ và chuyển đổi số. Sự linh hoạt để cung ứng dịch vụ công tốt nhất, đáp ứng nhu cầu của người dân, doanh nghiệp, thúc đẩy kinh tế phát triển. Sự linh hoạt, sáng tạo là điều kiện cần thiết để cán bộ, công chức thay đổi phù hợp, tiến bộ trong cách thức làm việc, chất lượng sản phẩm để phục vụ nhân dân tốt nhất.

Thứ tư, yêu cầu về đạo đức công vụ. Trong thời kỳ chuyển đổi số, đội ngũ cán bộ, công chức không những phải giỏi về kỹ năng chuyên môn, kỹ năng số mà còn cần có phẩm chất, đạo đức để ứng dụng khoa học một cách lành mạnh, không lạm dụng công nghệ để trục lợi cho cá nhân, ứng xử với người dân đúng chuẩn mực, có lối sống trong sạch.

Hiện nay, xuất hiện nhiều mô hình hay như việc xây dựng nhận thức số, đào tạo nhân lực số.

Tại TP. Đà Nẵng, UBND thành phố thường xuyên tổ chức các hội thảo mời các chuyên

gia, các nhà khoa học để cập nhật các kiến thức, công nghệ mới cho cán bộ. Từ đó sẽ hình thành mạng lưới chuyên gia để tư vấn, hướng dẫn, hỗ trợ chuyển đổi trong các cơ quan nhà nước và các tổ chức, doanh nghiệp. Đặc biệt, Thành phố sẽ tổ chức bồi dưỡng, tập huấn cho các tổ công nghệ số cộng đồng nhằm cập nhật kiến thức, kỹ năng sử dụng ứng dụng công nghệ số, hướng đến hình thành đội ngũ nòng cốt để lan tỏa, đưa công nghệ số đến từng người dân.

Tại TP. Hồ Chí Minh, để đáp ứng nhu cầu về nhân lực trong công tác chuyển đổi số, Sở Thông tin và Truyền thông hợp tác với các tổ chức quốc tế đào tạo năng lực, kỹ năng số cho cán bộ quản lý và công chức. Đối với khối tư nhân, các doanh nghiệp có tiềm lực tài chính tốt đã sử dụng đơn vị chuyên đào tạo chuyển đổi số. Đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa, Sở đưa lên Cổng thông tin chuyển đổi số thành phố những khóa học, chương trình, cẩm nang, các ứng dụng, phần mềm hỗ trợ miễn phí để doanh nghiệp tự nghiên cứu...

Một số giải pháp

Một là, tăng cường sự lãnh đạo của Đảng và trách nhiệm của hệ thống chính trị với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ đáp ứng yêu cầu thời kỳ chuyển đổi số. Nâng cao nhận thức cho cấp ủy đảng, chính quyền, đoàn thể và cán bộ, đảng viên về mục tiêu, yêu cầu, tầm quan trọng của việc đào tạo cán bộ trong thời kỳ chuyển đổi số, về Chính phủ điện tử, Chính phủ số, chuyển đổi số nói chung và chuyển đổi số trong công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức nói riêng.

Hai là, các cơ sở đào tạo cần phối hợp chặt chẽ với nhau và hợp tác với cơ sở đào tạo, bồi dưỡng có uy tín của nước ngoài để xây dựng, thiết kế tài liệu đào tạo, bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng làm việc trong thời kỳ chuyển đổi số. Tài liệu đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức cần làm rõ yêu cầu và nội dung kiến thức, kỹ

năng làm việc thời kỳ chuyển đổi số; xác định rõ đối tượng đào tạo, bồi dưỡng ngắn hạn và dài hạn; khung năng lực đối với các vị trí việc làm trong thời kỳ chuyển đổi số của công chức, viên chức. Khung năng lực cần cập nhật kiến thức, kỹ năng cần thiết của cán bộ, công chức trong thời kỳ chuyển đổi số. Tăng cường bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng theo tiêu chuẩn ngạch công chức, hạng viên chức và yêu cầu của vị trí việc làm theo quan điểm, phương châm của Nghị quyết Hội nghị Trung ương lần thứ bảy, khóa XII (Nghị quyết số 26-NQ/TW): “Bổ sung kiến thức, nâng cao trình độ mọi mặt; bồi dưỡng toàn diện về kỹ năng; định kỳ cập nhật kiến thức mới theo từng nhóm đối tượng”.

Ba là, rà soát thực trạng năng lực, trình độ và tổng hợp nhu cầu đào tạo, bồi dưỡng về chuyển đổi số ở từng cấp, ngành, địa phương để làm căn cứ xây dựng kế hoạch và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng theo từng nhóm đối tượng. Đưa việc đào tạo, bồi dưỡng kiến thức về chuyển đổi số thành hoạt động thường xuyên, tạo chuyển biến căn bản về nhận thức và trình độ cho cán bộ, công chức. Hoàn thiện cơ chế, chính sách, huy động nguồn lực, phát triển các cơ sở đào tạo uy tín để tăng cường đào tạo, bổ sung kiến thức về công nghệ thông tin cho cán bộ và đẩy mạnh ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý, điều hành. Các cơ quan, đơn vị cần có kế hoạch cụ thể trong công tác đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên môn, đặc biệt là những kỹ năng cần thiết về công nghệ thông tin có lộ trình, đúng mục tiêu, đúng đối tượng, không tạo ra tình trạng thiếu hoặc thừa gây lãng phí nhân lực xã hội. Đồng thời, thiết lập mạng lưới các chuyên gia, nhà khoa học, giảng viên, báo cáo viên trong và ngoài nước có trình độ, kinh nghiệm để chủ động tổ chức đào tạo, bồi dưỡng đúng người, đúng nội dung cần thiết. Đào tạo, bồi

(Xem tiếp trang 31)

Tây Bắc chuyển mình từ cơ sở

DIỆP CHI

Đọc dài khắp miền Tây Bắc, dù ở bất cứ đâu, Đảng luôn gần gũi, hiện hữu và đồng bào Tây Bắc luôn một lòng theo Đảng. Với phương châm “ở đâu có dân, ở đó có đảng viên”, những chủ trương, quyết sách của Đảng thực sự lan tỏa đến cơ sở, được cụ thể hóa trong từng nghị quyết chi bộ thôn, bản và mang lại hiệu quả, giá trị hiển hiện trên thực tế. Dẫu còn lắm gian truân, bộn bề thiếu, khó, nhưng Tây Bắc đang vươn mình, hòa chung nhịp đổi mới cùng cả nước. Trong dòng chảy đó, Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu đang quyết liệt từng ngày trong xây dựng Đảng để tự định vị trên bản đồ 14 tỉnh miền núi phía bắc. Tạp chí Xây dựng Đảng giới thiệu loạt bài 3 kỳ về những dấu ấn trong công tác xây dựng Đảng của 3 tỉnh Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu.

KỶ 1

Cán bộ luôn là cái gốc của mọi công việc

Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu là ba tỉnh miền núi, rất nhiều khó khăn không chỉ trong phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo, cải thiện mức sống của người dân, mà còn ở việc nâng cao chất lượng cán bộ và năng lực lãnh đạo của các tổ chức đảng. Nguyên nhân của mọi nguyên nhân bao giờ cũng là ở cán bộ, nhất là đội ngũ cán bộ cơ sở. Bởi cơ sở như đất phễu, mọi đường lối, chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước đều “rót” vào cuộc sống nơi này. Có đội ngũ cán bộ cơ sở, nhất là người đứng đầu có tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm sẽ tạo luồng sinh khí mới đổi thay cho nơi đây.

Chuyện ghi ở Tà Xi Láng

Về Yên Bái những ngày tháng tư, nắng trải vàng trên mỗi cung đường, cảnh sắc núi rừng nơi đây tạo nên bức tranh muôn màu tươi sáng. Chia sẻ với đoàn công tác, đồng chí Đỗ Đức Duy, Bí thư Tỉnh ủy Yên Bái không giấu niềm vui trước những bước chuyển mình của Yên Bái, nhất là trong công tác cán bộ cùng những định hướng “trúng” trong phát triển kinh tế - xã hội. Yên Bái đang vững vàng trước những thách thức, tự tin đón nhận vận hội mới.

Năm 2018, Tỉnh ủy Yên Bái đã ban hành Đề án số 11-ĐA/TU về “Xây dựng và tạo nguồn đội ngũ cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ người dân tộc thiểu số (DTTS) thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035”. Bí thư Tỉnh ủy Đỗ Đức Duy khẳng định Đề án số 11 là một trong những giải pháp mang tính đột phá trong công tác cán bộ của tỉnh nhằm xây dựng và đào tạo nguồn cán bộ trẻ, cán bộ nữ, cán bộ là người DTTS đảm trách các chức

danh thuộc diện BTV Tỉnh ủy quản lý đến năm 2030, định hướng đến năm 2035. Đề án không chỉ chuẩn bị nhân sự cho tỉnh mà còn triển khai luân chuyển cán bộ từ các cơ quan, đơn vị cấp tỉnh về cấp huyện, cấp xã giữ các chức danh lãnh đạo, quản lý, vừa tạo môi trường rèn luyện cho cán bộ, vừa giúp phát triển hệ thống chính trị cơ sở. Điều đặc biệt, Yên Bái đã “đặt hàng” Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh giáo trình đào tạo cán bộ riêng phù hợp với thực tiễn Yên Bái. Câu chuyện “đặt hàng” của Yên Bái đối với Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh gợi mở suy nghĩ về việc thay đổi tư duy, bỏ tâm lý “dựa vào Trung ương” hay biện minh cho những yếu kém là do điều kiện, hoàn cảnh. Khi thấy độ “vênh” giữa lý luận và thực tiễn, cách làm của Yên Bái là chủ động đổi mới.

Có những vấn đề mới, khó, có tính tiên phong Yên Bái đã nỗ lực thực hiện. Tinh thần chủ động, sáng tạo thực sự lan tỏa từ cấp tỉnh đến cấp huyện, xã. Thật vui khi trong chuyến khảo sát ở Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu lần này, chúng tôi nhận thấy đời sống bà con DTTS thay đổi nhiều mà yếu tố quyết định chính là chất lượng nghiệp vụ chuyên môn đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở được nâng lên rõ rệt. Đồng thời, việc thực hiện chủ trương luân chuyển cán bộ trẻ có năng lực về xã giữ chức vụ chủ chốt đã tạo luồng sinh khí, thay đổi cách nghĩ, cách làm của đội ngũ cán bộ, công chức cơ sở cũng như của nhiều bà con đồng bào vốn bao đời chỉ gắn với phong tục, tập quán.

Câu chuyện về huyện vùng cao Trạm Tấu hấp dẫn chúng tôi trên cả hành trình đến khi đỉnh Tà Chì Nhù và Tà Xùa mờ dần trong làn sương chiều muộn. Hai bên đường hoa trắng nở trắng xóa từng bông to khiến cảnh sắc hùng vĩ thêm phần thơ mộng. Vừa đến nơi, Bí thư Huyện ủy Giàng A Thào với nụ cười tươi, vẻ chân chất nồng hậu hiện rõ trên gương mặt.

Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Trịnh Văn Xuê vui vẻ: Trạm Tấu là một trong những địa phương ở Yên Bái thực hiện tốt việc luân chuyển cán bộ về cơ sở. Hiện tại, 12 xã, thị trấn của huyện thực hiện luân chuyển cán bộ trẻ về công tác, nhiều người đã khẳng định trình độ, năng lực thực tiễn, được người dân tín nhiệm. Trong đó có 5 đồng chí là cán bộ huyện được luân chuyển xuống làm bí thư xã. Và 12 xã, thị trấn đều bố trí bí thư cấp ủy không là người địa phương.

Tà Xi Láng từng được biết đến là xã cao nhất, vùng đặc biệt khó khăn nhất của huyện Trạm Tấu với trên 80% hộ nghèo, cận nghèo; trên 99% là đồng bào dân tộc Mông, trình độ dân trí thấp. Nơi đây có địa hình đồi núi dốc với những khúc cua tay áo và con đường độc đạo một bên là núi cao chót vót, một bên là vực thẳm sâu hun hút. Nay Tà Xi Láng đã vươn mình khởi sắc. Một trong những người ghi dấu ấn cho những đổi thay đó chính là Bí thư Đảng ủy xã Trần Bình Trọng. Đang làm Bí thư Huyện đoàn Trạm Tấu, anh được luân chuyển về giữ chức Bí thư Đảng ủy xã Tà Xi Láng với những kỳ vọng vào sức trẻ, bản lĩnh, nhiệt huyết, dám nghĩ, dám làm sẽ thay đổi diện mạo mảnh đất nghèo khó. Không phụ niềm tin của Đảng, của dân, ngay sau nhận nhiệm vụ, người cán bộ trẻ đã nhanh chóng bám bản, bám cơ quan nắm bắt mọi việc. Việc đầu tiên là kịp thời chấn chỉnh tác phong làm việc của đội ngũ cán bộ, bởi anh thấy những hạn chế về năng lực, trình độ chuyên môn của đội ngũ cán bộ xã là rào cản dẫn đến giải quyết công việc cho người dân chậm trễ, chưa đạt hiệu quả, từ đó kéo theo nhiều hệ lụy nghiêm trọng khác. Anh quan tâm công tác đào tạo, xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức xã, kịp thời động viên các đồng chí cán bộ không chuyên trách cấp xã, thôn không có trình độ chuyên môn, năng lực hạn chế thôi không tham gia công tác, thay thế các đồng chí có năng lực. Đến nay, 18/19 cán

bộ, công chức xã có trình độ đại học, 3/19 có trình độ lý luận cao cấp chính trị, 10/19 đồng chí có trình độ trung cấp lý luận chính trị. Chú trọng giáo dục, coi đây là trọng tâm phát triển nguồn nhân lực, giải pháp xóa đói, giảm nghèo bền vững, anh chỉ đạo tổ chức gặp mặt, đối thoại và động viên các cháu học sinh tham gia học tập và thi chuyển cấp, thi vào các trường cao đẳng, đại học và học nghề. Anh kiên trì đến từng nhà vận động con em đồng bào đi học, tạo nguồn phát triển đảng viên. Hành trình kiếm tìm con chữ cho đồng bào miền núi không dễ bởi nếp nghĩ, thói quen cùng tập quán đã ăn sâu bao đời của đồng bào DTTS.

Để thực hiện mục tiêu giảm nghèo, từ đầu năm 2021 Bí thư Đảng ủy xã Trần Bình Trọng đã khởi xướng việc phân công cán bộ, công chức, viên chức xã trực tiếp hướng dẫn, giúp đỡ các hộ thoát nghèo. Đồng thời, nỗ lực vận động hàng tỷ đồng để làm đường giao thông nông thôn, tặng quà Tết và tiền mặt các hộ dân toàn xã, làm nhà tiêu hợp vệ sinh, xây nhà cho hộ nghèo, hỗ trợ dự án trồng cây... Tìm hiểu anh thấy, đàn trâu của xã Tà Xi Láng có hình thể to, khỏe hơn các địa phương khác trong vùng, được thương lái tìm mua với giá trị cao hơn thị trường 10-15%/con. Xã có nguồn cỏ dồi dào cả vào mùa đông, bà con lại có chuồng trại kín để chống rét, anh đề xuất phát triển đàn trâu bản địa tăng nhiều hơn so với chỉ tiêu trước đó. Hoa đào Tà Xi Láng rất đẹp được nhiều người lùng mua vào mỗi dịp Tết với giá cao, cây đào rất dễ trồng, không tốn chi phí chăm sóc, sau khi bán cành vẫn còn được thu hái quả để bán. Nếu trồng đào, giá trị kinh tế mang lại nhiều hơn trồng ngô, khoai, sắn. Anh đề xuất phân đầu hàng năm mỗi thôn trồng ít nhất 5.000 cây đào bản địa để trở thành địa phương cung cấp đào Tết có thương hiệu, gắn với phát triển du lịch.

Trần trở tìm được “cây, con” chủ lực cho xã đã khó, để đưa nó trở thành hiện thực, bà con

triển khai thực hiện càng khó hơn. Anh cười hiền: Cán bộ luân chuyển có “Câu lạc bộ 26 (thứ 2 đi, thứ 6 về)”, nhưng việc ở lại cuối tuần tham gia cùng bà con là không ít. Phải sâu sát cùng bà con, vui buồn, thua lỗ, thất bát, đau đầu cùng nỗi lo, khát khao của họ thì chủ trương, chính sách của Đảng mới đi vào cuộc sống. Ngay từ năm đầu tiên, nhiều hộ đã có nguồn thu hàng chục triệu đồng từ bán đào Tết, đàn trâu của xã tăng lên gần 50 con, bà con bán thu về tiền tỷ. Diện mạo kinh tế - xã hội nơi rẻo cao khởi sắc, tỷ lệ hộ nghèo giảm rõ rệt. Người Bí thư bám bản, bám dân với ý chí, quyết tâm cao, tư duy đổi mới, dám nghĩ, dám làm đã giúp địa phương khơi thông “điểm nghẽn”, bứt phá đi lên từ chính nội lực của địa phương.

Tạo cú hích, khai thác tiềm năng

Lai Châu là một trong những tỉnh vùng cao biên giới nghèo nhất cả nước với 85% đồng bào DTTS sinh sống. Do đặc thù các xã ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, cán bộ, công chức chủ yếu là đồng bào DTTS, còn hạn chế về năng lực, tác phong làm việc, nhất là việc triển khai đường lối, chính sách của Đảng, Nhà nước còn gặp nhiều lúng túng, bất cập. Với địa bàn khó khăn này, việc lựa chọn người lãnh đạo đủ uy tín, năng lực là không dễ. Tỉnh ủy Lai Châu xác định việc nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý người DTTS và cán bộ chủ chốt cấp xã là một trong những nhiệm vụ trọng tâm hàng đầu, có ý nghĩa đặc biệt quan trọng.

Các nghị quyết của Tỉnh ủy về công tác cán bộ từ năm 2014 đến năm 2021 đã tạo cú hích cho sự chuyển biến của đội ngũ cán bộ trong đó có cán bộ cơ sở ở Lai Châu. “Việc đẩy mạnh thu hút, tuyển chọn, đào tạo, bồi dưỡng, rèn luyện tạo nguồn cán bộ từ sinh viên tốt nghiệp loại giỏi, cán bộ khoa học trẻ, có trình độ chuyên môn phù hợp với vị trí việc làm đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ cơ sở. Đến nay đã tuyển chọn 47 trí thức trẻ ưu tú, có trình độ đại học, tăng cường về làm

phó chủ tịch UBND xã thuộc các huyện nghèo; 15 trí thức trẻ ưu tú có trình độ đại học về làm công chức các xã đặc biệt khó khăn, vùng dân tộc và miền núi. Việc tăng thêm đảng viên là bộ đội biên phòng về giữ chức vụ phó bí thư, cấp ủy viên xã, đẩy mạnh luân chuyển cán bộ từ huyện về giữ vị trí cán bộ chủ chốt cấp xã đã mang lại hiệu quả rõ rệt. Các xã đặc biệt khó khăn có cán bộ được luân chuyển về giữ các chức vụ chủ chốt đã khởi sắc về nhiều mặt” - Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lê Thị Hương chia sẻ.

Tân Uyên trước đây là huyện nghèo, khó khăn của tỉnh. Năm 2018, Tân Uyên đã vượt ra khỏi vùng khó khăn, vươn lên phát triển. Đồng chí Phan Văn Nguyên, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy Tân Uyên khẳng định: Đó là nhờ nỗ lực của cấp ủy, chính quyền và bà con các dân tộc, đặc biệt đội ngũ cán bộ từ huyện tới cơ sở đã thay đổi tư duy, đổi mới, sáng tạo, có khát vọng cống hiến, đoàn kết, xây dựng, phát triển địa phương.

Chia tay Tân Uyên, đoàn chúng tôi đến Tân Uyên đúng lúc hoàng hôn vừa buông xuống. Mặt trời ghé sát thung lũng nằm giữa hai núi Phan Xi Păng và Púng Luông, với những dãy núi đá vôi và cánh đồng Mường Than thoải thoải mênh mông ruộng bậc thang rộng lớn, tạo nên những sắc màu đa dạng, quyến rũ cho khung cảnh yên bình. Được đồng chí Phạm Văn Hải, Trưởng Ban Tổ chức Huyện ủy giới thiệu về đổi thay của xã Pha Mu và đóng góp không nhỏ của người Bí thư Đảng ủy nơi đây.

Trước đây, khi nhắc đến địa danh Pha Mu là thấy những mái nhà tranh xiêu vẹo, đường đất lầy lội, trơn trượt mỗi mùa mưa đến, người dân chỉ quen cấy một vụ, chăn nuôi thả rông bừa bãi, đời sống khốn khó không có được cái Tết no đủ. Tháng 7-2022, khi đang là Bí thư Huyện đoàn Tân Uyên, anh Lò Việt Hưng được luân chuyển về làm Bí thư Đảng ủy xã

Pha Mu. Nhận nhiệm vụ, xác định rõ trọng trách được giao phó, trong 3 tháng đầu tiên anh dành thời gian đi khảo sát, tìm hiểu. Khắp các thôn, bản ở Pha Mu không có nơi nào không in dấu chân người cán bộ trẻ. Anh chia sẻ: Muốn tìm được hướng phát triển cho Pha Mu, giúp đỡ bà con thoát nghèo, phải xuống với dân, tâm sự, nắm bắt tâm tư, nguyện vọng của họ; đồng thời tìm hiểu điều kiện tự nhiên, văn hóa, xã hội để từ đó tìm ra hướng đi phù hợp nhất cho bà con. Pha Mu là vùng đất gấn bó lâu đời của hai dân tộc Mông, Thái. Bản thân anh là người Thái, “nhưng không phải người Thái ở đâu cũng giống nhau nhé”, anh cười hiền hậu. Bởi vậy, người cán bộ muốn dân làm theo thì phải được họ tin, muốn họ tin thì mình phải làm, mà muốn làm được thì phải biết rõ, anh khẳng định.

Thấp sáng niềm tin phát triển Tây Bắc “xanh, bền vững, toàn diện”

Cũng như Yên Bái, Lai Châu, luân chuyển cán bộ chủ chốt cho các xã đặc biệt khó khăn là chủ trương đúng của Lào Cai. Nơi đây, thực hiện luân chuyển hàng trăm cán bộ có trình độ ở các phòng, ban huyện về địa bàn khó khăn, nhất là các xã “lỗi nghèo” không chỉ là môi trường tốt để cán bộ được rèn luyện, cọ xát, trưởng thành từ thực tiễn, mà còn để tăng cường, giúp đỡ xã phát triển kinh tế, xóa đói, giảm nghèo. Luân chuyển cán bộ về cơ sở được Lào Cai triển khai gắn với thực hiện có hiệu quả chủ trương bố trí chức danh bí thư cấp ủy và chủ tịch UBND xã không là người địa phương. Đây là một trong những điểm nhấn trong công tác cán bộ, tạo làn gió mới hiệu quả trong chỉ đạo, điều hành hoàn thành các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Theo Nghị quyết số 20-NQ/TU ngày 24-5-2019 của BTV Tỉnh ủy Lào Cai, trên địa bàn có 10 xã được xác định là “lỗi nghèo”. Tỉnh đã điều động, luân chuyển 17 cán bộ, công chức về đảm nhận các chức danh chủ chốt tại 10 xã

lỗi nghèo của tỉnh. Đến nay, chất lượng cán bộ, công chức 10 xã nghèo của tỉnh đã được nâng lên, cơ bản đáp ứng công tác lãnh đạo, chỉ đạo và tham mưu trong triển khai thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội.

Từ đầu nhiệm kỳ đến nay, các huyện, thị, thành phố đã thực hiện điều động, luân chuyển 231 cán bộ, trong đó luân chuyển từ huyện, thị, thành phố về xã, phường, thị trấn 112 cán bộ, tất cả các xã nghèo đều có ít nhất 1 cán bộ huyện luân chuyển về giữ chức vụ chủ chốt (bí thư, phó bí thư, chủ tịch HĐND, UBND). Những xã có cán bộ điều động tới đều đã tìm ra hướng phát triển đúng gắn với cây, con chủ lực; được nhân dân tin tưởng. Đồng chí Phạm Toàn Thắng, Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai cho biết: Tiêu chí đánh giá cán bộ luân chuyển là mức độ hoàn thành nhiệm vụ, kết quả khắc phục những hạn chế, yếu kém làm thước đo. Nhờ đó, việc điều động, luân chuyển giúp

xây dựng đội ngũ cán bộ lãnh đạo, quản lý trưởng thành, tích lũy kinh nghiệm, sáng tạo, bản lĩnh hơn, đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Vừa tháo gỡ nút thắt trong công tác cán bộ, vừa phát triển kinh tế - xã hội ở địa bàn khó khăn.

Để phát triển Tây Bắc gian truân, vất vả là thế, nhưng nhờ thực hiện chủ trương, quyết sách đúng đắn của Đảng, Nhà nước, đời sống bà con được nâng lên rõ nét. Muốn làm được điều này, yêu cầu tiên quyết là phải xây dựng, củng cố và phát huy được vai trò của đội ngũ cán bộ, nhất là cán bộ cơ sở. Các đồng chí trong BTV Tỉnh ủy Yên Bái, Lào Cai, Lai Châu đều khẳng định việc luân chuyển cán bộ về cơ sở đã tạo hiệu quả “hai trong một”, vừa đào tạo, rèn luyện đội ngũ cán bộ, vừa góp phần thay đổi tư duy của đội ngũ cán bộ cơ sở và bà con thôn, bản. Đây là mấu chốt cho những đổi thay của Tây Bắc thời gian qua □

(Còn nữa)

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG...

(Tiếp theo trang 26)

dưỡng nhân lực cần gắn với nhu cầu thực tế của từng cơ quan, tổ chức và yêu cầu chung của nền hành chính quốc gia.

Bốn là, đổi mới chương trình, nội dung, phương pháp đào tạo, bồi dưỡng để đáp ứng được nhu cầu xã hội trong môi trường chuyển đổi số. Bổ sung vào chương trình các học phần cơ bản về công nghệ để người học có những kiến thức để ứng dụng vào môi trường chuyển đổi số. Các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cần phát triển các hình thức đào tạo trực tuyến với ưu điểm tiết kiệm chi phí đi lại, chi phí cơ sở vật chất cho lớp học, người học có thể chủ động trong việc học tập, nghiên cứu phù hợp với thời đại số; đào tạo theo các nội dung đã được thiết kế sẵn; đào tạo tại chỗ theo hình thức truyền đạt kinh nghiệm, vừa học vừa làm... Phương pháp đào tạo hướng vào nâng

cao năng lực của người học, đặc biệt là năng lực giải quyết vấn đề trong môi trường số, xã hội số và sự phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ; khuyến khích người học có tư duy sáng tạo, biết cách khai thác dữ liệu, tìm ra giải pháp tối ưu phục vụ cho công việc chuyên môn.

Năm là, xây dựng đội ngũ giảng viên có trình độ cao, có kinh nghiệm trong chuyển đổi số tham gia nghiên cứu xây dựng chương trình và truyền đạt kiến thức cho đội ngũ cán bộ, công chức. Tăng cường hợp tác giữa các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng với các đơn vị, tổ chức đào tạo quốc tế, thực hiện thông qua các chương trình liên kết giữa các cơ sở đào tạo trong nước và quốc tế uy tín triển khai các khóa bồi dưỡng, vừa trang bị kỹ năng số cho đội ngũ giảng viên, vừa tăng cường các cơ hội trải nghiệm thực tế cho người học, khuyến khích sự đổi mới tư duy, sáng tạo về ứng dụng công nghệ vào công tác cho các học viên □

KON TUM PHÁT TRIỂN ĐẢNG VIÊN là người có tôn giáo

NGUYỄN NGỌC HÙNG
Ban Tổ chức Tỉnh ủy Kon Tum

Thời gian qua, công tác phát triển đảng viên là người có tôn giáo và quản lý đảng viên là người có tôn giáo ở Đảng bộ tỉnh Kon Tum đạt được những kết quả quan trọng, góp phần tăng cường đảng viên tại những địa bàn dân cư có đạo, tạo sự đồng thuận, tin tưởng của người dân có đạo với chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước, chung tay xây dựng hệ thống chính trị cơ sở vững mạnh, củng cố niềm tin của người có đạo với sự lãnh đạo, điều hành của cấp ủy, chính quyền địa phương.

Những kết quả bước đầu

Kon Tum là tỉnh miền núi, biên giới ở phía bắc Tây Nguyên, có diện tích gần 10.000km², dân số toàn tỉnh có hơn 590.000 người với 43 dân tộc, trên 42% dân số theo các tôn giáo với 5 tôn giáo chính gồm: Thiên Chúa giáo, Phật giáo, Cao đài, Tin lành theo các hệ phái đã được Nhà nước công nhận và Phật giáo Hòa Hảo, tổng số hơn 215.000 tín đồ. Những năm qua, công tác xây dựng Đảng, xây dựng hệ thống chính trị trong vùng đồng bào có đạo luôn được Tỉnh ủy Kon Tum chú trọng. Tỉnh ủy đã lãnh đạo, chỉ đạo các đảng ủy trực thuộc quan tâm công tác phát triển đảng viên, trong đó có đảng viên là người theo các tôn giáo. Thực hiện Quy định số 06-QĐi/TW ngày 28-8-2018 của Bộ Chính trị “*một số điểm về kết nạp đảng viên đối với người có tôn giáo và đảng viên là người có tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo*” và Hướng dẫn số 20-HD/BTCTW ngày 26-9-2019 của Ban Tổ chức Trung ương “*về thực hiện Quy định số 06-QĐi/TW ngày 28-8-2018 của Bộ Chính trị*”, BTV Tỉnh ủy Kon Tum đã ban hành Kế

hoạch số 126-KH/TU ngày 9-3-2020 “*về thực hiện Quy định số 06-QĐi/TW ngày 28-8-2018 của Bộ Chính trị*”; đồng thời, giao Ban Tổ chức Tỉnh ủy theo dõi, kiểm tra, hướng dẫn việc triển khai thực hiện để thống nhất trong toàn Đảng bộ tỉnh. Qua đó, đã nâng cao nhận thức của cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên đối với công tác kết nạp đảng viên là người có tôn giáo và đảng viên là người có tôn giáo tham gia sinh hoạt tôn giáo.

BCH đảng bộ các xã đã giao chỉ tiêu phát triển đảng viên hằng năm đối với các chi bộ thôn, làng; phân công đảng viên là cấp ủy viên có kinh nghiệm, có uy tín, am hiểu về phong tục, tập quán của đồng bào có tôn giáo về sinh hoạt tại thôn, làng để xây dựng lực lượng nòng cốt. Đồng thời, phát huy tốt vai trò của các tổ chức chính trị - xã hội ở cơ sở để vận động đoàn viên, hội viên tích cực tham gia các phong trào thi đua yêu nước, từ đó lựa chọn những quần chúng ưu tú, là con em đồng bào có đạo phấn đấu tốt giới thiệu vào Đảng.

Từ khi thực hiện Quy định 06-QĐi/TW của Bộ Chính trị, Hướng dẫn số 20-HD/BTCTW

của Ban Tổ chức Trung ương đến nay toàn tỉnh đã kết nạp 6.296 đảng viên, trong đó 467 đảng viên theo tôn giáo (chiếm 7,42%), nâng tổng số đảng viên là người có tôn giáo trong toàn Đảng bộ tỉnh lên 1.426/31.905 đảng viên toàn tỉnh (tăng 137,64% so với trước thời điểm năm 2018). Theo đồng chí Ngô Thị Hoàng Anh, Phó Trưởng Ban Tổ chức Tỉnh ủy Kon Tum, việc kết nạp đảng viên là người có đạo đã góp phần nâng cao tiếng nói của Đảng ở trong vùng có đạo, tạo uy tín trước nhân dân. Đồng thời, bám sát được thôn, làng, nắm bắt được tâm tư, nguyện vọng của nhân dân để góp phần giúp cho cấp ủy đảng đề ra những chính sách hữu hiệu, tạo động lực cho bà con nhân dân nâng cao đời sống và luôn tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng. Qua đó, góp phần tạo điều kiện thuận lợi trong chỉ đạo, thực hiện chính sách dân tộc - tôn giáo, xây dựng mỗi đoàn kết lương - giáo và từng bước góp phần làm thay đổi cơ cấu đội ngũ đảng viên, tăng cường sự lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng trên các lĩnh vực, địa bàn, đặc biệt là giữ vững sự ổn định an ninh chính trị ở cơ sở, xây dựng và phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội trên địa bàn.

Khi được đứng vào hàng ngũ của Đảng, các đảng viên là người có đạo đã làm tốt vai trò cầu nối giữa Đảng với Nhân dân; luôn phát huy vai trò tiên phong, gương mẫu của người đảng viên, gần dân, sát dân, tuyên truyền, vận động nhân dân chấp hành nghiêm đường lối, chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước và tích cực tham gia các phong trào, các cuộc vận động ở địa phương. Nhờ chú trọng nâng cao chất lượng các tổ chức đảng, đảng viên, nhất là ở những vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào DTTS, vùng đồng bào có đạo nên các TCCSĐ đã phát huy được vai trò hạt nhân chính trị ở cơ sở trong vận động cán bộ, công chức và nhân dân thực hiện tốt chủ trương, đường lối của Đảng, chính sách,

pháp luật của Nhà nước. Đặc biệt, thông qua việc phân công đảng viên phụ trách hộ, nhóm hộ, các đảng viên trong vùng có đạo đã giúp nhân dân từng bước thay đổi tập quán canh tác lạc hậu, tăng gia sản xuất, mang lại thu nhập ổn định, từng bước vươn lên thoát nghèo.

Một số hạn chế, khó khăn

Bên cạnh những mặt đạt được, công tác phát triển đảng viên là người có tôn giáo ở Kon Tum vẫn còn một số tồn tại, hạn chế như: Một số cấp ủy đảng chưa nhận thức đúng đắn ý nghĩa, tầm quan trọng của công tác phát triển đảng viên là người có tôn giáo, chưa chủ động nắm bắt tình hình cơ sở để có biện pháp giáo dục, bồi dưỡng quần chúng ưu tú có đạo. Một số cấp ủy chưa có kế hoạch phát triển đảng viên là người có tôn giáo cho từng năm, từng quý; chưa quan tâm tạo nguồn kết nạp, chưa phát huy vai trò của các tổ chức trong hệ thống chính trị trong việc tuyên truyền, giáo dục, bồi dưỡng quần chúng ưu tú trong đồng bào có tôn giáo; chưa thực sự quan tâm bồi dưỡng chức sắc, chức việc để tạo nguồn kết nạp...

Tỷ lệ kết nạp đảng viên là người có tôn giáo còn thấp, nhất là các chức sắc, chức việc; kết quả công tác kết nạp đảng viên là người có tôn giáo còn chưa tương xứng với số lượng quần chúng trong các tôn giáo trên địa bàn tỉnh. Số lượng quần chúng có đạo kết nạp vào Đảng chỉ là tín đồ tôn giáo bình thường (không phải cốt cán) nên hiệu quả công tác tuyên truyền, vận động đồng bào có đạo có lúc, có nơi chưa cao. Một bộ phận cán bộ, đảng viên và đồng bào có đạo hiểu biết về chính sách tín ngưỡng, tôn giáo của Đảng và Nhà nước còn hạn chế; một bộ phận quần chúng nhân dân là người có đạo còn băn khoăn khi đứng vào hàng ngũ của Đảng sẽ hạn chế hoạt động của tín đồ theo giáo luật. Việc phấn đấu để bảo đảm các tiêu chuẩn của người vào Đảng và công tác xác minh lý lịch còn gặp nhiều khó khăn...

Giải pháp đồng bộ

Một là, tiếp tục lãnh đạo, chỉ đạo, triển khai thực hiện có hiệu quả Quy định 06-QĐi/TW, ngày 28-8-2018 của Bộ Chính trị gắn với việc nâng cao chất lượng phát triển đảng viên ở Đảng bộ tỉnh Kon Tum theo Công văn số 1000-CV/TU ngày 28-7-2023 của BTV Tỉnh ủy “*về việc đẩy mạnh công tác phát triển đảng viên*”; trong đó tiếp tục tập trung đẩy mạnh công tác tạo nguồn, bồi dưỡng, xem xét kết nạp quần chúng ưu tú vào Đảng ở những địa bàn trọng điểm về tôn giáo, có tỷ lệ đồng bào có tôn giáo cao, gắn với tăng cường quản lý, giáo dục và phân công nhiệm vụ cho đảng viên.

Hai là, thực hiện tốt Chương trình số 39-CTr/TU ngày 6-10-2022 của Tỉnh ủy về thực hiện Nghị quyết số 21-NQ/TW ngày 16-6-2022 của BCH Trung ương Đảng khóa XIII “*về tăng cường củng cố, xây dựng TCCSD và nâng cao chất lượng đội ngũ đảng viên trong giai đoạn mới*”; thường xuyên chú trọng đến việc đổi mới nội dung, hình thức tuyên truyền, vận động đồng bào thực hiện tốt các chủ trương của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước; xây dựng kế hoạch tiếp cận, vận động, thuyết phục đối với quần chúng là chức sắc, chức việc, lãnh đạo các hội đoàn tôn giáo để tạo nguồn, bồi dưỡng, xem xét kết nạp vào Đảng.

Ba là, tiếp tục tăng cường công tác quản lý nhà nước về tôn giáo, chú trọng làm tốt công tác kiểm tra, giám sát, đôn đốc thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước, của tỉnh về công tác tôn giáo và công tác kết nạp đảng viên. Kiện toàn, xây dựng bộ máy và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ làm công tác tôn giáo từ tỉnh đến cơ sở. Phát huy vai trò của mặt trận Tổ quốc và các tổ chức chính trị - xã hội trong xây dựng khối đại đoàn kết toàn dân tộc; đẩy mạnh phong trào thi đua yêu nước, học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức,

phong cách Hồ Chí Minh gắn với phong trào “toàn dân đoàn kết xây dựng nông thôn mới, đô thị văn minh”; vận động chức sắc, tín đồ “sống tốt đời, đẹp đạo”, tích cực tham gia phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng, an ninh tại địa phương.

Bốn là, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của TCCSD, củng cố hệ thống chính trị ở cơ sở và nâng cao chất lượng đội ngũ cán bộ, đảng viên trong tình hình mới; chú trọng phát triển đảng viên là người có đạo gắn với xây dựng và phát huy lực lượng cốt cán tôn giáo. Tăng cường nắm bắt thông tin, hoạt động tôn giáo; giải quyết kịp thời, dứt điểm các vấn đề liên quan đến tôn giáo, không để phát sinh vụ việc phức tạp; chủ động, kịp thời phát hiện, ngăn chặn, xử lý các hiện tượng, tôn giáo lạ, các hoạt động của các thế lực thù địch, phần tử xấu lợi dụng vấn đề tín ngưỡng, tôn giáo để kích động, gây rối làm chia rẽ khối đại đoàn kết toàn dân tộc, ảnh hưởng đến an ninh chính trị, trật tự an toàn xã hội trên địa bàn.

Năm là, chỉ đạo các cấp ủy cơ sở nơi có đồng bào có tôn giáo thực hiện tốt các quy định về công tác tôn giáo; tăng cường công tác quản lý và tạo điều kiện cho đảng viên là người có tôn giáo hoàn thành nhiệm vụ được giao; tổ chức mở lớp bồi dưỡng nâng cao nhận thức về đường lối, chính sách tôn giáo của Đảng, Nhà nước cho đảng viên và quần chúng ưu tú là người có tôn giáo. Quan tâm xây dựng mối quan hệ linh hoạt, hài hòa, bền chặt, tin cậy giữa cấp ủy đảng, chính quyền với các chức sắc, chức việc trên địa bàn, tạo sự đoàn kết, đồng thuận để phát triển kinh tế - xã hội ở địa phương. Cử đảng viên có uy tín cao trong đồng bào có đạo thực hiện công tác tuyên truyền, vận động quần chúng là người có tôn giáo tích cực tham gia các phong trào, từ đó phát hiện tạo nguồn, bồi dưỡng kết nạp những người có tôn giáo tiêu biểu vào Đảng □

HOÀN THIỆN CHẾ ĐỊNH CHỦ TỊCH UBND PHƯỜNG trong mô hình chính quyền đô thị tại TP. Hồ Chí Minh

ThS. ĐẬU NGỌC LINH
Học viện Cán bộ TP. Hồ Chí Minh

Chế định chủ tịch UBND phường là tập hợp các quy phạm pháp luật do Nhà nước ban hành và bảo đảm thực hiện để điều chỉnh nhóm quan hệ xã hội liên quan đến chủ tịch UBND phường với vị trí, vai trò đứng đầu một cấp hành chính nhà nước, thực hiện quản lý nhà nước trên một địa bàn ở đô thị. Trong xây dựng chính quyền đô thị (CQĐT), chế định về chủ tịch UBND phường tại TP. Hồ Chí Minh đã có những thay đổi nhất định khi không tổ chức HĐND tại chính quyền phường. Do đó, việc đánh giá hiệu quả thực hiện các chế định về chủ tịch UBND phường trên địa bàn Thành phố và đề xuất giải pháp hoàn thiện chế định đối với chức danh này có ý nghĩa quan trọng và cần thiết.

Thực trạng

Chế định về chủ tịch UBND phường trong mô hình CQĐT hiện nay được điều chỉnh bởi hai nhóm văn bản quy phạm pháp luật (QPPL); thứ nhất là hệ thống các văn bản pháp luật quy định về chính quyền địa phương nói chung, pháp luật quy định về cán bộ, công chức (CBCC) và CBCC cấp xã như chức danh chủ tịch UBND cấp xã; thứ hai là được điều chỉnh bởi nhóm các văn bản quy định riêng đối với chức danh chủ tịch UBND phường nơi thực hiện CQĐT theo các văn bản QPPL hiện hành.

Về việc hình thành, xác lập

tư cách chủ tịch UBND phường trong mô hình CQĐT tại TP. Hồ Chí Minh được chủ tịch UBND quận, chủ tịch UBND TP. Thủ Đức bổ nhiệm. Đây là nội dung quy định mới, phù hợp với mô hình tổ chức CQĐT tại TP. Hồ Chí Minh khi không còn tổ chức HĐND phường.

Nhiệm vụ, quyền hạn, trách nhiệm của chủ tịch UBND phường được quy định tại Nghị quyết số 131/2020/QH14 ngày 16-11-2020 của Quốc hội về tổ chức CQĐT tại TP. Hồ Chí Minh và được quy định tại Nghị định số 33/2021/NĐ-CP ngày 29-3-2021 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp

thi hành Nghị quyết số 131/2020/QH14. Trong đó, một số quy định được điều chỉnh để phù hợp với mô hình tổ chức CQĐT và tạo sự linh hoạt nhằm phát huy hiệu quả trong quá trình hoạt động của chính quyền cơ sở tại TP. Hồ Chí Minh, bao gồm các nhóm nội dung cơ bản như sau:

Một là, chủ tịch UBND phường là người đứng đầu UBND phường, chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ tịch quận, chủ tịch UBND thành phố về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND phường. Hai là, chủ tịch UBND phường trực tiếp sử dụng và quản lý công chức

của phường theo quy định tại Nghị định số 33/2021/NĐ-CP và theo phân cấp, ủy quyền của UBND, chủ tịch quận, chủ tịch UBND thành phố. *Ba là*, chủ tịch phường chịu trách nhiệm quản lý toàn diện mọi hoạt động của UBND phường. Trong đó có những nội dung như: thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của đơn vị dự toán ngân sách trực thuộc UBND quận hoặc UBND thành phố thuộc Thành phố theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước; đề xuất chủ trương đầu tư chương trình, dự án đầu tư công sử dụng vốn ngân sách nhà nước với UBND quận hoặc UBND thành phố thuộc Thành phố để trình cấp có thẩm quyền quyết định chủ trương đầu tư theo quy định của Luật Đầu tư công; tham gia ý kiến về chủ trương đầu tư dự án thuộc thẩm quyền quyết định của cơ quan, cá nhân có thẩm quyền mà Luật Đầu tư công quy định phải có sự tham gia ý kiến của HĐND cấp xã; tổ chức thực hiện chương trình, dự án đầu tư công theo phân cấp quản lý; Đề xuất, phối hợp với cơ quan có thẩm quyền thực hiện nhiệm vụ về quốc phòng, an ninh, biện pháp bảo đảm trật tự an toàn xã hội, phòng chống tội phạm và các hành vi vi phạm pháp luật khác trên địa bàn theo phân cấp quản lý;

phối hợp với Ủy ban MTTQ cùng cấp thành lập Tổ bầu cử đại biểu Quốc hội, Tổ bầu cử đại biểu HĐND; thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn do cơ quan nhà nước cấp trên phân cấp, ủy quyền; thực hiện nhiệm vụ về tổ chức và bảo đảm việc thi hành Hiến pháp, pháp luật, các văn bản của cơ quan nhà nước cấp trên tại địa bàn phường... *Bốn là*, chủ tịch UBND phường ký các văn bản của UBND phường với chức danh chủ tịch, người đứng đầu cơ quan hành chính nhà nước ở phường và chịu trách nhiệm về các văn bản của UBND phường. *Năm là*, chủ tịch UBND phường thực hiện nghĩa vụ của công chức và chấp hành quy định về những việc công chức không được làm quy định tại Luật CBCC và các quy định khác của pháp luật có liên quan.

Theo quy định hiện hành, trong mô hình CQĐT tại TP. Hồ Chí Minh, UBND phường làm việc theo chế độ thủ trưởng. Đây là nội dung khác so với quy định chung về chính quyền địa phương; tại Khoản 4 Điều 5 Luật Chính quyền địa phương năm 2015 quy định: “UBND hoạt động theo chế độ tập thể UBND kết hợp với trách nhiệm của chủ tịch UBND”.

Về việc bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, tại Khoản 2, Điều 18, Nghị định

số 33/2021/NĐ-CP xác định, chủ tịch UBND phường phải tổ chức cuộc họp đề thảo luận tập thể. Tập thể ở đây được Nghị quyết số 131/2020/QH14 xác định, bao gồm các chức danh cụ thể như chủ tịch, phó chủ tịch và các công chức khác của UBND phường.

Về trách nhiệm, quyền hạn, chủ tịch UBND phường điều hành hoạt động của UBND phường trên cương vị là thủ trưởng cơ quan hành chính, chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ tịch UBND quận, chủ tịch UBND thành phố thuộc TP. Hồ Chí Minh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND phường, về toàn bộ chỉ đạo, điều hành, quyết định về các lĩnh vực công tác của phường; phân công nhiệm vụ đối với phó chủ tịch và các công chức thuộc UBND phường; trực tiếp sử dụng và quản lý công chức của phường theo quy định và theo phân cấp của UBND, chủ tịch UBND quận.

Nghị quyết số 131/2020/QH14 và Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định về cơ cấu tổ chức của UBND phường. Trong đó, phó chủ tịch UBND phường là người tham mưu, giúp chủ tịch UBND phường giải quyết các công việc theo phân công, chịu trách nhiệm trước chủ tịch UBND phường và trước

pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Số lượng phó chủ tịch UBND phường cũng là một nội dung được quy định khác so với quy định chung; tại TP. Hồ Chí Minh, các phường xếp loại đô thị loại III được quy định số lượng phó chủ tịch UBND nhiều hơn 1 người so với quy định chung; phường có từ 50.000 người trở lên không quá 3 phó chủ tịch UBND.

Về hệ số phụ cấp chức vụ, theo Nghị quyết số 98/2023/QH15 ngày 24-6-2023 của Quốc hội về thí điểm một số cơ chế, chính sách đặc thù phát triển TP. Hồ Chí Minh, chủ tịch UBND phường thuộc UBND TP. Thủ Đức hưởng mức phụ cấp với mức là 0.4 (quy định chung tại Điều 19 Nghị định số 33/2021/NĐ-CP là 0.25). Ngoài ra, tại TP. Hồ Chí Minh, chủ tịch UBND phường được chi thu nhập tăng thêm theo Nghị quyết số 98 của Quốc hội không vượt quá 1,8 lần mức lương ngạch, bậc, chức vụ, như các chức danh CBCC, viên chức khác trên địa bàn Thành phố.

Về giám sát hoạt động và xử lý vi phạm, theo Nghị quyết số 131/2020/QH14, được quy định chi tiết bởi Nghị định số 33/2021/NĐ-CP, chủ tịch UBND phường chịu trách nhiệm trước pháp luật và chủ tịch UBND quận, chủ tịch

UBND thành phố thuộc TP. Hồ Chí Minh về việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của UBND phường. Chủ tịch UBND phường chịu sự giám sát theo quy định của Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội, HĐND, Luật Tổ chức chính quyền địa phương, Luật Chính quyền địa phương (năm 2015) và Nghị quyết số 131/2020/QH14 của Quốc hội. Nghị quyết số 131 quy định: HĐND thành phố giám sát việc tuân theo Hiến pháp, pháp luật và việc thực hiện nghị quyết của HĐND thành phố trên địa bàn phường thuộc quận; giám sát hoạt động của UBND phường thuộc quận. Đối với hoạt động của UBND và chủ tịch phường thuộc TP. Thủ Đức, Nghị định số 33/2021/NĐ-CP quy định: UBND và chủ tịch phường chịu sự giám sát của HĐND TP. Thủ Đức trong quá trình hoạt động, thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn; hằng quý báo cáo kết quả hoạt động hoặc báo cáo đột xuất theo yêu cầu của HĐND, chịu trách nhiệm giải trình các vấn đề có liên quan trước HĐND TP. Thủ Đức khi có yêu cầu.

Bên cạnh đó, chủ tịch UBND phường còn chịu sự giám sát của ban thanh tra nhân dân theo quy định tại Nghị định số 59/2023/NĐ-CP ngày 14-8-2023 của Chính phủ quy định chi tiết một số

điều của Luật Thực hiện dân chủ ở cơ sở; chịu sự giám sát của MTTQ phường theo quy định tại Khoản 5 Điều 3 Luật MTTQ Việt Nam năm 2015. Nghị định số 33 của Chính phủ cũng quy định, chủ tịch UBND phường có trách nhiệm tổ chức hội nghị đối thoại với nhân dân ở phường để cung cấp các thông tin về tình hình hoạt động của UBND phường, những vấn đề liên quan đến quyền lợi và nguyện vọng của công dân ở địa phương định kỳ hằng năm...

Đánh giá chung

Chế định chủ tịch UBND phường trong mô hình CQĐT tại TP. Hồ Chí Minh gắn liền với hệ thống pháp luật quy định về CQĐT. Nghị quyết số 131/2020/QH14 được xem là văn bản đầu tiên tiếp cận đến nội dung này một cách cụ thể nhất. Việc ban hành Nghị quyết số 131 là một bước đột phá, cùng với các nghị quyết về tổ chức CQĐT tại TP. Hồ Chí Minh, hình thành nên hệ thống pháp luật về CQĐT phục vụ cho sự phát triển của các đô thị lớn ở Việt Nam trong thời gian tới.

Nội dung, chế định chủ tịch UBND phường trong mô hình CQĐT tại TP. Hồ Chí Minh hiện cơ bản bảo đảm về tính chính trị, hợp hiến và chính xác; tính đầy đủ, toàn diện; tính thực tiễn và khả thi; tính

thống nhất, đồng bộ và tương thích. Trong đó thể hiện rõ bản chất của Nhà nước pháp quyền XHCN của Nhân dân, do Nhân dân và vì Nhân dân. Việc xây dựng và tổ chức mô hình CQĐT mà bên trong đó, chủ tịch UBND phường là người đứng đầu cấp cơ sở đã góp phần tạo nên một hệ thống tổ chức phù hợp với tình hình kinh tế - xã hội của Thành phố, góp phần phục vụ tốt nhất người dân đô thị và là động lực cho sự phát triển Thành phố nói riêng, cả nước nói chung.

Chế độ làm việc của UBND phường trong CQĐT tại TP. Hồ Chí Minh đã phản ánh đầy đủ các yêu cầu của đô thị; với khối lượng công việc lớn, vừa đòi hỏi giải quyết công việc nhanh, kịp thời, vừa tạo điều kiện phát huy tốt nhất năng lực của người đứng đầu và tính chịu trách nhiệm của cá nhân; chủ tịch UBND phường trực tiếp sử dụng, quản lý công chức làm việc tại UBND phường theo quy định của Chính phủ và theo phân cấp, ủy quyền của UBND, chủ tịch UBND cấp trên.

Các quy định khác có liên quan đến chức danh chủ tịch UBND phường đều có sự chuyển tiếp từ các quy định chung khác của pháp luật, đặc biệt là các nội dung quy định về đào tạo, bồi dưỡng, thi đua, khen thưởng, giám sát và xử

lý vi phạm. Pháp luật quy định về chức danh chủ tịch UBND phường trong mô hình CQĐT có sự giao thoa, chuyển tiếp với các nội dung quy định pháp luật về chính quyền địa phương và pháp luật quy định về CBCC và CBCC cấp xã. Điều đó bảo đảm cho các nội dung, lĩnh vực hoạt động có liên quan đều được triển khai thực hiện đối với chức danh này, tránh việc tạo ra khoảng trống trong các mối quan hệ pháp luật.

Tuy nhiên, bên cạnh kết quả đạt được, nội dung chế định chủ tịch UBND phường trong mô hình CQĐT tại TP. Hồ Chí Minh hiện nay vẫn còn những hạn chế, bất cập:

Đối với nhóm QPPL điều chỉnh việc hình thành, xác lập tư cách chủ thể, hạn chế lớn nhất là chưa xác định được một cách rõ ràng, đầy đủ vị trí, vai trò, tiêu chuẩn của chủ tịch UBND phường trong mô hình CQĐT. Đơn cử như trong quy định Nghị quyết số 131/2020/QH14, chức danh chủ tịch UBND phường tại TP. Hồ Chí Minh là công chức giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và thuộc biên chế công chức của UBND quận. Như vậy có thể thấy, chủ tịch UBND phường thực hiện các nhiệm vụ ở đơn vị hành chính cấp xã nhưng các quy định về tiêu chuẩn, cơ chế hình thành, quản lý được áp dụng theo

quy định đối với công chức cấp huyện. Nội dung này nếu không có hướng dẫn hoặc có văn bản quy định cơ chế rõ ràng sẽ khiến cho các cơ quan có liên quan có cách hiểu khác nhau, gây nhầm lẫn và không thống nhất, ảnh hưởng tới hiệu quả thực thi. Mặt khác, các công chức chuyên môn tại phường được xác định là công chức cấp huyện sẽ không thuộc đối tượng điều chỉnh của Nghị định số 33/2023/NĐ-CP dành cho công chức cấp xã; điều này dễ xảy ra tình trạng chông chéo, nhầm lẫn trong cách hiểu và áp dụng pháp luật đối với đối tượng này.

Ngoài ra, với đặc thù là đô thị đặc biệt, có số lượng đơn vị hành chính nhiều, dân số đông, khi không tổ chức HĐND quận, phường thì khối lượng công việc của HĐND thành phố sẽ nhiều hơn, trong khi số lượng đại biểu HĐND và đại biểu hoạt động chuyên trách hạn chế. Đây cũng là một trong những áp lực lớn đối với HĐND thành phố trong việc triển khai hoạt động giám sát đối với hoạt động của UBND phường, trong đó chủ tịch UBND phường là người giữ vai trò đứng đầu...

Giải pháp

Để hoàn thiện chế định chủ tịch UBND phường trong mô hình chính quyền đô thị tại

TP. Hồ Chí Minh cần tập trung thực hiện một số giải pháp sau:

Một là, để tạo điều kiện cho quá trình tổ chức và thực thi nhiệm vụ của chủ tịch UBND phường trong CQĐT, cần thống nhất trong các quy định của pháp luật liên quan đến cơ cấu UBND phường, CBCC và người hoạt động không chuyên trách làm việc tại phường. Thực hiện một cách đồng bộ đối với các đối tượng có liên quan trong hệ thống chính trị ở cơ sở nơi tổ chức CQĐT là cùng một cấp, tránh trường hợp một số chức danh là cấp xã, một số chức danh quản lý như công chức từ cấp huyện trở lên, từ đó hướng tới liên thông CBCC các cấp.

Hai là, có quy định về chế độ, định mức, chương trình đào tạo dành cho chức danh chủ tịch UBND phường nói riêng và CBCC, người hoạt động không chuyên trách làm việc tại phường. Hoàn thiện khung chương trình đối với chức danh, vị trí cụ thể, có lộ trình lâu dài và kế hoạch bài bản, chi tiết đối với hoạt động này nhằm nâng cao chất lượng của chủ tịch UBND phường và bộ máy giúp việc, từ đó góp phần xây dựng, hoàn thiện và triển khai chế độ, định mức chủ tịch UBND phường trong mô hình CQĐT tại Thành phố.

Ba là, có cơ chế điều chỉnh số lượng đại biểu HĐND phù hợp, nhằm đáp ứng yêu cầu hoạt động của CQĐT khi không tổ chức HĐND ở phường, quận. Trong đó, có thể nghiên cứu điều chỉnh số lượng đại biểu HĐND theo hướng tương ứng với phân loại đơn vị hành chính, với tiêu chí quan trọng là dân số để bảo đảm đúng nhu cầu thực tiễn của các địa phương, đặc biệt là đô thị, giảm tải khối lượng công việc cho HĐND thành phố và hiệu quả hơn trong việc nắm bắt, ghi nhận tâm tư, nguyện vọng, phản ánh của người dân, tổ chức trên địa bàn.

Bốn là, xây dựng cơ chế phối hợp mang tính hệ thống giữa các cơ quan thực hiện chức năng giám sát hoạt động của UBND phường, chủ tịch UBND phường để bảo đảm đúng nội dung, đúng đối tượng và phù hợp với yêu cầu nhiệm vụ của CQĐT. Trong đó, cần phân định trách nhiệm giám sát của HĐND thành phố với các tổ chức khác như MTTQ, các tổ chức chính trị - xã hội và ban thanh tra nhân dân... nhằm tập trung vào các nội dung mang tính chuyên môn, công tác nhận định, tránh giám sát dàn trải, chồng chéo, gây lãng phí và kém hiệu quả. Bảo đảm trách nhiệm giải trình của chủ tịch UBND phường song song với

hoạt động tổ chức đối thoại với người dân. Cần phải xác định giải trình là một nội dung, một công việc có tính chủ động, thường xuyên trong suốt quá trình điều hành của chủ tịch UBND phường.

Năm là, cụ thể hóa được những yêu cầu mang tính đặc thù, xác định rõ sự khác nhau của CQĐT, nông thôn... để có những khung quy định phù hợp, linh hoạt theo tình hình thực tiễn địa phương, nhưng thống nhất và hiệu quả trong quá trình triển khai. Về định hướng lâu dài, cần ban hành Luật CQĐT để đảm bảo tính thống nhất, ổn định trong quá trình triển khai các nội dung có liên quan nhằm triển khai một cách đồng bộ đối với tất cả các địa phương trên phạm vi cả nước.

Sáu là, hệ thống hóa các quy định có liên quan đến chủ tịch UBND phường tại TP. Hồ Chí Minh nói riêng và CQĐT nói chung để rà soát, điều chỉnh các nội dung cho phù hợp, tránh chồng chéo, mâu thuẫn hoặc khoảng trống pháp lý trong các quy phạm điều chỉnh về nội dung này. Trong đó, cần quan tâm tới việc sửa đổi một số nội dung triển khai chi tiết về tổ chức CQĐT tại Nghị định số 33/2021/NĐ-CP theo hướng thống nhất với quy định tại Nghị quyết số 98/2023/QH15 của Quốc hội □

ĐỔI MỚI, KIẾN TOÀN TỔ CHỨC BỘ MÁY của hệ thống chính trị ở tỉnh Quảng Ninh

MAI ANH

Đổi mới tổ chức và hoạt động của hệ thống chính trị là một điều kiện hàng đầu bảo đảm cho việc nâng cao năng lực lãnh đạo của Đảng, quản lý của Nhà nước, phát huy quyền làm chủ của Nhân dân. Nhận diện đúng thực trạng của hệ thống chính trị, trong những năm qua tỉnh Quảng Ninh đã triển khai quyết liệt, hiệu quả công tác đổi mới, kiến toàn tổ chức bộ máy của Đảng và hệ thống chính trị; lấy yếu tố hiệu lực, hiệu quả hoạt động của tổ chức trong hệ thống chính trị là mục tiêu cao nhất cho sự đổi mới, tạo những bước đột phá quan trọng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu và năng lực quản trị phát triển địa phương.

Những đổi mới mang tính đột phá

Trước khi có Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của BCH Trung ương (khóa XII), trên cơ sở bám sát các nghị quyết, kết luận của Trung ương về công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, tỉnh Quảng Ninh đã chủ động tìm tòi hướng đi, cách làm, nghiêm túc rà soát trong toàn hệ thống chính trị về tổ chức bộ máy, biên chế; quyết tâm thực hiện đổi mới tổ chức bộ máy theo hướng sắp xếp, kiến toàn, tổ chức lại, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi mô hình, tăng cường tự chủ nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực của hệ thống chính trị, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội địa phương. Xuất phát từ yêu cầu, đòi hỏi của thực tiễn khách quan, nhằm bảo đảm sự đồng bộ giữa đổi mới kinh tế với đổi mới tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị đáp ứng yêu cầu phát triển trong giai đoạn mới, năm 2015 Tỉnh ủy Quảng Ninh đã chủ động xây dựng và triển khai Đề án: “Đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo và sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” (Đề án 25). Trên cơ sở đó, BCH Đảng bộ tỉnh ban

hành Nghị quyết số 19-NQ/TU ngày 3-3-2015 “Về đổi mới phương thức, nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của Đảng; thực hiện tinh giản bộ máy, biên chế” để tập trung lãnh đạo, chỉ đạo và tổ chức thực hiện trong cả hệ thống chính trị. Tỉnh đề ra nguyên tắc sắp xếp tổ chức bộ máy hệ thống chính trị là: Một đơn vị thực hiện nhiều chức năng, một người làm nhiều nhiệm vụ; một chức năng, nhiệm vụ chỉ có một đơn vị chủ trì thực hiện và chịu trách nhiệm đến cùng; trên cùng một địa bàn, với cùng một nhóm chức năng, nhiệm vụ chỉ có một đơn vị thực hiện và chịu trách nhiệm; những chức năng, nhiệm vụ nào có thể tích hợp cùng thực hiện thì đổi mới tổ chức; những chức năng, nhiệm vụ mà nhân dân có thể làm và làm tốt thì cơ quan nhà nước xây dựng cơ chế thu hút, công bố công khai, tạo môi trường để nhân dân, doanh nghiệp thực hiện; nghiên cứu kỹ lưỡng việc thành lập đơn vị đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ cấp thiết trong tình hình mới; tăng cường phân cấp, sắp xếp lại các đơn vị sự nghiệp theo hướng phát huy cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm, mở rộng xã hội hóa. Đề án

25 của tỉnh Quảng Ninh là một đột phá trong công tác xây dựng Đảng và hệ thống chính trị, là sự sáng tạo, đổi mới có hiệu quả thiết thực, được cán bộ, đảng viên và nhân dân đồng tình, ủng hộ; trở thành động lực quan trọng thúc đẩy sự đổi mới, phát triển của tỉnh.

Hội nghị Trung ương 6 (khóa XII) ban hành Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW tạo thêm động lực và là cơ sở chính trị vững chắc để tỉnh có thêm quyết tâm tiếp tục thực hiện nhiệm vụ đổi mới hệ thống chính trị quyết liệt hơn và ở quy mô, tầm mức cao hơn. BCH Đảng bộ tỉnh đã ban hành Chương trình hành động số 21-CTr/TU ngày 5-2-2018 để tập trung chỉ đạo thực hiện Nghị quyết Hội nghị Trung ương 6, trên cơ sở kế thừa, phát huy những kết quả đã đạt được từ việc triển khai Đề án 25 theo hướng toàn diện, đồng bộ và hiệu quả hơn.

Tỉnh ủy tập trung lãnh đạo sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị có chức năng, nhiệm vụ tương đồng theo hướng tinh gọn, tăng tính liên kết và bổ trợ lẫn nhau. Trong đó, đã thành lập Trung tâm Truyền thông tỉnh trên cơ sở hợp nhất các cơ quan thông tin, báo chí của tỉnh; thành lập Trường Đào tạo cán bộ Nguyễn Văn Cừ trên cơ sở hợp nhất Trường Chính trị Nguyễn Văn Cừ, Trung tâm Giáo dục thường xuyên và đào tạo cán bộ tỉnh, Trường Huấn luyện cán bộ đoàn, đội tỉnh; chuyển chức năng bồi dưỡng lý luận chính trị của Trung tâm Bồi dưỡng lý luận chính trị về Ban Tuyên giáo, chức năng tài chính, phục vụ về Văn phòng cấp ủy và thực hiện mô hình Ban Tuyên giáo - Trung tâm Chính trị cấp huyện. Sắp xếp, cơ cấu lại phòng, ban chuyên môn, các chi cục có cùng chức năng, nhiệm vụ, tổ chức lại các đơn vị sự nghiệp công lập. Sắp xếp, cơ cấu lại các phòng, ban thuộc cơ quan MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội cấp tỉnh. Sắp xếp, cơ cấu lại phòng, ban chuyên môn thuộc UBND cấp tỉnh, cấp huyện. Sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị sự

nh nghiệp công lập không đáp ứng điều kiện về số lượng người làm việc tối thiểu quy định và xây dựng phương án tăng cường cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm. Qua sắp xếp, toàn tỉnh giảm 178 phòng và tương đương trực thuộc sở, ban, ngành cấp tỉnh, phòng, ban cấp huyện; giảm 102/881 đầu mối đơn vị sự nghiệp (11,57%), hoàn thành mục tiêu giảm 10% đơn vị sự nghiệp công lập trước 1 năm so với chỉ đạo chung của Trung ương; có 141/776 đơn vị thực hiện tự chủ, chiếm 18,2%.

Đẩy mạnh sắp xếp đơn vị hành chính, từ năm 2019 đến nay tỉnh Quảng Ninh thực hiện sắp xếp lại đơn vị hành chính cấp huyện, xã và thôn, bản, khu phố, sau sắp xếp đã giảm 1 đơn vị hành chính cấp huyện (sáp nhập huyện Hoành Bồ với TP. Hạ Long), 9 đơn vị hành chính cấp xã, 115 thôn, bản, khu phố. Việc sắp xếp các đơn vị hành chính cũng góp phần tinh gọn bộ máy, bảo đảm quy mô quản lý nhằm nâng cao hiệu lực, hiệu quả hoạt động, đáp ứng yêu cầu công tác quản lý nhà nước trên các lĩnh vực, phù hợp với định hướng phát triển đô thị, phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn tỉnh giai đoạn hiện nay và những năm tiếp theo; đồng thời, tạo điều kiện để cơ cấu, bố trí, sắp xếp lại đội ngũ cán bộ, công chức, viên chức, lựa chọn những người có trình độ năng lực đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ. Đặc biệt, với việc nhập nguyên trạng huyện Hoành Bồ vào TP. Hạ Long đã hình thành một đô thị loại I thuộc tỉnh lớn nhất cả nước (diện tích 1.119,3km²) và sự đa dạng, độc đáo về cảnh quan, địa hình, tài nguyên, du lịch, mở ra không gian phát triển mới với tầm nhìn dài hạn, tạo dư địa nhằm khai thác tối đa, hiệu quả các nguồn lực, là động lực thúc đẩy định hướng của tỉnh sớm trở thành thành phố trực thuộc Trung ương.

Thí điểm kiêm nhiệm các chức danh: Trưởng Ban Dân vận đồng thời là Chủ tịch Ủy ban MTTQ cấp tỉnh và tại 13/13 đơn vị cấp huyện; Bí thư Huyện ủy đồng thời là Chủ tịch UBND

huyện tại 1 huyện đảo; bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND tại 115/177 xã, phường, thị trấn; 100% bí thư chi bộ đồng thời là trưởng thôn, bản, khu phố. Qua thí điểm kiêm nhiệm chức danh đã cho thấy hiệu quả thống nhất, thông suốt, kịp thời trong chủ trương lãnh đạo, chỉ đạo của cấp ủy và trong quản lý, điều hành, cụ thể hóa của chính quyền; tạo sự chủ động, tập trung cao trong lãnh đạo và thực thi nhiệm vụ, sự linh hoạt trong vận hành bộ máy, xử lý thông tin nhanh, kịp thời và hiệu quả hơn, nhất là giải quyết những vấn đề khó, mới phát sinh ở cơ sở.

Tiếp tục hoàn thiện thể chế chính quyền địa phương, Tỉnh ủy, HĐND, UBND tỉnh tập trung lãnh đạo, chỉ đạo theo hướng tăng cường phân cấp quản lý và sử dụng nguồn lực, điều kiện đi kèm, gắn với kiểm tra, đánh giá định kỳ, bảo đảm đúng các quy định pháp luật, phát huy được tính chủ động, quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong công tác quản lý nhà nước ở các lĩnh vực: quản lý công vụ, cán bộ, công chức, viên chức (tuyển dụng viên chức, công chức cấp xã, tổ chức thi thăng hạng chức danh nghề nghiệp viên chức, giải quyết chế độ, chính sách đối với công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý...); quản lý ngân sách nhà nước, quản lý đất đai, quản lý đầu tư, xây dựng, y tế... Việc tăng cường phân cấp gắn với đổi mới phân cấp quản lý đã tăng tính chủ động, tạo động lực cho các địa phương có nguồn lực tốt, có năng lực tổ chức triển khai, đề cao tinh thần trách nhiệm của từng cấp, từng ngành, phát huy tiềm năng thế mạnh hoàn thành các nhiệm vụ chính trị ở địa phương, góp phần xây dựng nền hành chính nhà nước dân chủ, chuyên nghiệp, hiện đại, hoạt động hiệu lực, hiệu quả, phục vụ nhân dân.

Từ những đổi mới trong mô hình tổ chức bộ máy của hệ thống chính trị, phương thức lãnh đạo của các cấp ủy cũng có những chuyển biến rõ nét. Cùng với việc nâng cao vai trò lãnh đạo của cấp ủy đối với chính quyền, không buông

lỏng, không bao biện, làm thay, năng lực điều hành, quản lý của chính quyền các cấp được nâng lên rõ rệt. Tổ chức bộ máy, nội dung và phương thức hoạt động của MTTQ và các tổ chức chính trị - xã hội có nhiều đổi mới. Cấp ủy, chính quyền các cấp nhận diện, đánh giá đúng thực tiễn; lựa chọn những vấn đề trọng tâm, trọng điểm và tập trung nguồn lực thực hiện theo hướng quyết liệt, hiệu quả, nhất là trong triển khai những chủ trương mới, khó. Dân chủ trong Đảng, trong xã hội được mở rộng, góp phần phát huy vai trò, tiềm năng, sức sáng tạo của nhân dân tham gia vào những công việc của địa phương. Kinh tế liên tục tăng trưởng cao và ổn định, quy mô, tiềm lực của nền kinh tế tăng lên rõ rệt; cơ cấu kinh tế chuyển dịch theo hướng bền vững. Năm 2023, tổng sản phẩm trên địa bàn tỉnh (GRDP) ước tăng trên 11% (gấp đôi bình quân chung của cả nước), đứng thứ 3 cả nước; thu ngân sách nhà nước ước đạt trên 55.600 tỷ đồng; dẫn đầu cả nước về thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài với hơn 3 tỷ USD. Cải cách hành chính, cải thiện môi trường đầu tư kinh doanh, nâng cao năng lực cạnh tranh cấp tỉnh có những bước đột phá (từ 2017 đến nay luôn giành vị trí dẫn đầu cả nước về chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh) với nhiều mô hình đổi mới hiệu quả, tạo chuyển biến căn bản và thu hút được nguồn lực lớn ngoài ngân sách nhà nước.

Bài học từ thực tiễn

Một là, đặc biệt coi trọng công tác xây dựng, chỉnh đốn Đảng, siết chặt kỷ luật, kỷ cương trong Đảng, nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị. Gắn xây dựng bộ máy tinh gọn, hoạt động hiệu lực, hiệu quả với xây dựng đội ngũ cán bộ, công chức liêm chính, kỷ cương, dấn thân, sáng tạo. Tăng cường phân cấp, ủy quyền cho các địa phương, cơ quan, đơn vị gắn với kiểm tra, giám sát, kiểm soát quyền lực, cá thể hóa trách nhiệm.

Hai là, thực hiện nghiêm các nguyên tắc tổ

chức, hoạt động của Đảng, nhất là nguyên tắc đoàn kết, thống nhất trong Đảng, nguyên tắc tập trung dân chủ và quy chế làm việc. Chủ động tiếp thu, hiện thực hóa sự lãnh đạo, chỉ đạo từ Trung ương và sự phối hợp, giúp đỡ của các ban, bộ, ngành và các địa phương. Phát huy tinh thần tự chủ, giữ vững đoàn kết nội bộ, đề cao sự gương mẫu, trách nhiệm của người đứng đầu; thắt chặt quan hệ gắn bó mật thiết giữa Đảng với Nhân dân, tăng cường sức mạnh của khối đại đoàn kết toàn dân, khơi dậy truyền thống tốt đẹp của văn hóa, con người Quảng Ninh, phát huy sức sáng tạo và mọi nguồn lực của nhân dân trong các chính sách quản trị địa phương.

Ba là, luôn đổi mới tư duy phát triển, bám sát thực tiễn; năng động, sáng tạo, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; lựa chọn

đúng, trúng nhiệm vụ trọng tâm, khâu đột phá và tập trung lãnh đạo, chỉ đạo thực hiện quyết liệt. Đồng thời, huy động nguồn lực đủ mạnh để tổ chức thực hiện đạt hiệu quả cao, tạo hiệu ứng lớn, giải quyết dứt điểm các mục tiêu đề ra ở từng bước đi với các công cụ đo lường lượng hóa kết quả cụ thể.

Bốn là, phương pháp lãnh đạo, điều hành phải thực sự khoa học, dân chủ, sâu sát cơ sở, gần dân, sát dân, nói đi đôi với làm và làm đến cùng. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa lãnh đạo của cấp ủy với quản lý của chính quyền; tuân thủ phương châm “3 rõ” (rõ việc, rõ trách nhiệm thực hiện, rõ thời gian hoàn thành); “5 thật” (nghĩ thật, nói thật, làm thật, hiệu quả thật, người dân, doanh nghiệp và xã hội được hưởng thụ thật); “làm đúng, làm nhanh, làm tốt”, bảo đảm công khai, minh bạch, dân chủ □

NƯỚC VIỆT NAM CÓ QUYỀN...

(Tiếp theo trang 7)

Phủ và Hiệp định Giơ-ne-vơ (1954). Đại thắng mùa Xuân 1975 kết thúc vẻ vang cuộc chiến đấu giải phóng dân tộc suốt 30 năm kháng chiến chống đế quốc Mỹ xâm lược, đánh dấu một thắng lợi lớn trong đường lối quốc tế độc lập, tự chủ của Chủ tịch Hồ Chí Minh.

Từ ngày Cách mạng Tháng Tám thành công, thành lập nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa đến nay là chặng đường dài với nhiều thắng lợi vẻ vang đan xen những thử thách khắc nghiệt khảng định nước Việt Nam có quyền hưởng tự do, độc lập và toàn thể dân tộc Việt Nam đã, đang và sẽ đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy □

(1) *Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG, H.2011, tập 14, tr.148.* (2) *Sđđ, tập 12, tr.417.* (3) *Sđđ, tập 7, tr.47.* (4) *Sđđ, tập 6, tr.436.* (5) *Sđđ, tập 2, tr.320.* (6) *Sđđ, tập 3, tr.596.*

XÂY DỰNG ĐỘI NGŨ CÁN BỘ...

(Tiếp theo trang 16)

để bổ nhiệm vào vị trí lãnh đạo, quản lý từ phó giám đốc sở và tương đương trở xuống ở một số cơ quan, đơn vị; đề bạt cán bộ nữ, cán bộ trẻ có triển vọng đã qua rèn luyện trong thực tiễn đảm nhận các chức vụ chủ chốt trong hệ thống chính trị các cấp; tuyển chọn, tiến cử, trọng dụng người tài, sinh viên tốt nghiệp xuất sắc, cán bộ khoa học trẻ được đào tạo ở các trường, học viện uy tín vào làm việc tại các cơ quan trong hệ thống chính trị; bố trí, lựa chọn người đứng đầu tổ chức đoàn ở mỗi cấp bảo đảm uy tín, tiêu biểu, có tố chất thủ lĩnh thanh niên, có năng lực lãnh đạo, quản lý... Để tạo nguồn cán bộ lâu dài, đáp ứng nhu cầu trong những năm tiếp theo, Ban Tổ chức Tỉnh ủy phối hợp với các địa phương, đơn vị thực hiện rà soát lại lực lượng cán bộ trẻ dưới 35 tuổi có nhiều triển vọng, từ đó xây dựng đề án, kế hoạch đào tạo, đưa vào diện quy hoạch... giúp tỉnh chủ động nguồn nhân sự cho nhiệm kỳ tiếp theo □

KINH NGHIỆM ĐÁNH GIÁ, XẾP LOẠI CHẤT LƯỢNG tổ chức đảng và đảng viên ở Thái Bình

HỒNG VĂN

Đảng bộ tỉnh Thái Bình có 13 đảng bộ trực thuộc Tỉnh ủy (trong đó có 8 đảng bộ huyện, thành phố), 674 TCCSD, 4.209 chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở. Toàn Đảng bộ tỉnh có 108.544 đảng viên. Trong những năm qua, công tác xây dựng Đảng nói chung, công tác đánh giá xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên nói riêng của tỉnh đạt được nhiều kết quả quan trọng, đóng góp tích cực vào việc lãnh đạo phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh.

Tập trung lãnh đạo, chỉ đạo

Năm 2023, năm bản lề của nhiệm kỳ đại hội đảng bộ nhiệm kỳ 2020-2025, Đảng bộ tỉnh Thái Bình đã tập trung chỉ đạo quyết liệt trong việc thực hiện Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng và Nghị quyết Đại hội Đảng bộ tỉnh lần thứ XX. Trên cơ sở các văn bản chỉ đạo hướng dẫn của Trung ương, như: Quy định số 124-QĐ/TW của Bộ Chính trị, Nghị quyết Trung ương 4 (khóa XI, XII, XIII), Chỉ thị số 05-CT/TW của Bộ Chính trị, các quy định về trách nhiệm nêu gương của cán bộ, đảng viên, Hướng dẫn số 25-HD/BTCTW của Ban Tổ chức Trung ương..., BTV Tỉnh ủy đã ban hành Kế hoạch số 213-KH/TU về thực hiện nhiệm vụ đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng và đảng viên

trong tỉnh. Trên cơ sở đó, cấp ủy các đơn vị, địa phương xây dựng kế hoạch quán triệt, triển khai và tổ chức thực hiện. Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đã tổ chức hội nghị quán triệt thống nhất phương pháp và cách tổ chức thực hiện. Các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc đã chọn mỗi đơn vị 1 cơ sở đảng làm điểm, rút kinh nghiệm. Quá trình thực hiện, Tỉnh ủy, các huyện ủy, thành ủy, đảng ủy trực thuộc phân công cán bộ lãnh đạo cấp ủy viên phụ trách các đơn vị về dự sinh hoạt tại các chi bộ để chỉ đạo thực hiện. Kết quả thực hiện được tổng hợp báo cáo gửi về ban chỉ đạo cấp ủy tỉnh. Cùng với việc xây dựng kế hoạch chung, cấp ủy các cấp còn xây dựng chương trình thực hiện, những nội dung cần kiểm điểm, đánh giá,

xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên được hướng dẫn bằng văn bản, giúp các tổ chức đảng, đảng viên nắm rõ những nội dung cần kiểm điểm, đánh giá, phương pháp và cách tiến hành, để có sự chuẩn bị kỹ lưỡng.

Các cấp ủy đã tập trung chỉ đạo thực hiện những nội dung trọng tâm đó là:

Đối với tổ chức đảng, phải đánh giá làm rõ kết quả đạt được, những hạn chế, khuyết điểm, thiếu sót, kinh nghiệm rút ra trong chỉ đạo, phương hướng phấn đấu trong những năm tiếp theo. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, đặc điểm, điều kiện của địa phương, đơn vị để kiểm điểm việc xây dựng nghị quyết và chỉ đạo thực hiện nghị quyết, đánh giá kết quả thực hiện các chỉ tiêu về kinh tế, xã hội, công tác xây dựng

Đảng, chính quyền, đoàn thể, công tác bảo đảm quốc phòng - an ninh, việc xây dựng và thực hiện quy chế lãnh đạo, về phương thức lãnh đạo của tổ chức đảng, về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực... Đồng thời, chỉ rõ những hạn chế, yếu kém và nguyên nhân, những kinh nghiệm rút ra trong lãnh đạo, chỉ đạo; đề ra phương hướng, nhiệm vụ trong thời gian tới.

Tổ chức đảng tự đánh giá, phân loại mức độ hoàn thành để báo cáo với cấp ủy cấp trên, thực hiện tốt việc cấp ủy tự kiểm điểm, lấy ý kiến đóng góp của đảng viên vào báo cáo của tổ chức đảng.

Đối với đảng viên, căn cứ vào nhiệm vụ cụ thể của đảng viên được giao, tự kiểm điểm những nội dung chính: Về tư tưởng chính trị, đạo đức; kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao; phong cách, lối sống, mối quan hệ với quần chúng nhân dân; ý thức phòng, chống tham nhũng, tiêu cực; tinh thần đấu tranh tự phê bình và phê bình; về trách nhiệm nêu gương, nhất là các đồng chí trong cấp ủy; về ý thức tổ chức, kỷ luật, chấp hành các quy định về sinh hoạt đảng... Từng phần việc, đảng viên tự kiểm điểm làm rõ ưu, khuyết điểm, biện pháp khắc phục khuyết điểm, đề ra phương hướng phấn đấu trong thời gian tới. Từng nội dung

được hướng dẫn cụ thể, bảo đảm chặt chẽ, khoa học, đúng quy định.

Việc tự kiểm điểm của tổ chức đảng, đảng viên phải bảo đảm nguyên tắc tập trung dân chủ, có biên bản ghi chép đầy đủ, chính xác, nhất là những ý kiến mang tính xây dựng, sau đó được tổng hợp thành nghị quyết của tổ chức đảng; sau kiểm điểm cấp ủy họp đánh giá, xếp loại, có nghị quyết cụ thể và được thông báo lại với tổ chức đảng và đảng viên.

Kết quả xếp loại tổ chức đảng năm 2023 cho thấy, có 3/13 đảng bộ cấp huyện hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ; 10/13 đảng bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ. Toàn Đảng bộ có 674/681 TCCSĐ được đánh giá, xếp loại (7 TCCSĐ chưa đánh giá, xếp loại vì mới thành lập). Kết quả, có 125 TCCSĐ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chiếm 19,3%; 522 TCCSĐ hoàn thành tốt nhiệm vụ; 24 TCCSĐ hoàn thành nhiệm vụ; 3 TCCSĐ không hoàn thành nhiệm vụ. Về chi bộ trực thuộc đảng ủy cơ sở, có 4.209/4.225 chi bộ được đánh giá, xếp loại (16 chi bộ mới thành lập chưa xếp loại). Kết quả, có 769 chi bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chiếm 19,4%; 3.194 chi bộ hoàn thành tốt nhiệm vụ; 238 chi bộ hoàn thành nhiệm vụ; 8 chi bộ không hoàn thành nhiệm vụ.

Về xếp loại chất lượng đảng

viên, toàn tỉnh có 88.694/108.544 đảng viên được đánh giá, xếp loại (18.048 đảng viên miễn đánh giá, xếp loại; 1.802 đảng viên chưa kiểm điểm, đánh giá, xếp loại do mới kết nạp hoặc vắng mặt tại thời điểm đánh giá). Kết quả, có 14.554 đảng viên hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ, chiếm 17,9%; 66.594 đảng viên hoàn thành tốt nhiệm vụ; 7.134 đảng viên hoàn thành nhiệm vụ; 412 đảng viên không hoàn thành nhiệm vụ (trong đó có 46 đảng viên là công chức, viên chức; 336 đảng viên bị xử lý kỷ luật).

Bên cạnh những kết quả đạt được nêu trên, việc kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng, đảng viên vẫn còn một số tồn tại, hạn chế. Một số tổ chức đảng, công tác chuẩn bị báo cáo kiểm điểm của cấp ủy còn chung chung, chưa chỉ rõ tồn tại, hạn chế, nguyên nhân và biện pháp khắc phục. Việc tự đánh giá, xếp loại của một số cấp ủy chưa bám sát vào các tiêu chí quy định nên chất lượng thấp. Việc thực hiện tự phê bình và phê bình một số nơi còn hình thức; trong đánh giá, xếp loại còn tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, một số đảng viên còn thiếu tự giác nhận khuyết điểm và trách nhiệm cá nhân. Đánh giá cán bộ, đảng viên một số trường hợp chưa phản ánh

đúng thực chất năng lực, uy tín của cán bộ, đảng viên.

Bài học kinh nghiệm

Một là, tiếp tục nâng cao nhận thức tư tưởng đối với cấp ủy, tổ chức đảng và đảng viên về việc đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng và đảng viên, coi đây là một trong những nhiệm vụ quan trọng, góp phần nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng, trên cơ sở đó cấp ủy, tổ chức đảng, đảng viên nghiêm túc tự kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng đúng quy định.

Hai là, cấp ủy các cấp chủ động làm tốt khâu chuẩn bị, xây dựng kế hoạch đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng và đảng viên của cấp mình, tổ chức hội nghị quán triệt đến đảng viên để mọi đảng viên nắm vững nội dung và quy trình đánh giá, xếp loại. Phân công cấp ủy viên, cán bộ, đảng viên là lãnh đạo về dự sinh hoạt và kiểm điểm tại cơ sở để nắm chắc tình hình, chấn chỉnh kịp thời những hạn chế, thiếu sót trong thực hiện. Chỉ đạo làm điểm để rút kinh nghiệm về nội dung, quy trình và phương pháp thực hiện nhằm bảo đảm công tác đánh giá, xếp loại đạt kết quả cao, bảo đảm chất lượng.

Ba là, chỉ đạo chặt chẽ về nội dung và quy trình đánh

giá, xếp loại chất lượng đối với tập thể cấp ủy và cá nhân đảng viên. Đối với tập thể cấp ủy căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ cụ thể của từng địa phương, đơn vị, báo cáo kiểm điểm cần làm rõ ưu, khuyết điểm trong việc xây dựng và thực hiện nghị quyết của cấp ủy, phương hướng phấn đấu trong thời gian tới, việc xây dựng và thực hiện quy chế, vấn đề tập trung dân chủ, mối quan hệ, lề lối làm việc giữa tổ chức đảng, chính quyền và các đoàn thể, cách thức lãnh đạo của tổ chức đảng. Đặc biệt, cần bảo đảm quy trình tập thể cấp ủy tự kiểm điểm lấy ý kiến đóng góp của cán bộ, đảng viên, tự đánh giá, xếp loại. Đối với cá nhân đảng viên, căn cứ vào chức trách, nhiệm vụ cụ thể, tự kiểm điểm về tư tưởng chính trị, phẩm chất đạo đức, kết quả thực hiện nhiệm vụ được giao, phong cách lối sống và mối quan hệ với nhân dân.

Bốn là, tổ chức tốt việc thông qua tự kiểm điểm của cấp ủy, cá nhân đảng viên và tham gia ý kiến đóng góp của các đảng viên. Nâng cao ý thức trách nhiệm của đảng viên, chất lượng sinh hoạt của tổ chức đảng, nhất là cấp ủy. Thực hiện nghiêm nguyên tắc tập trung dân chủ gắn với tăng cường trách nhiệm của cấp ủy,

người đứng đầu trong công tác quản lý đảng viên; đề cao và thực hiện nghiêm túc việc tự phê bình và phê bình, khắc phục tình trạng nể nang, né tránh, ngại va chạm, dĩ hòa vi quý, kịp thời phát hiện và kiên quyết đấu tranh ngăn chặn những biểu hiện suy thoái tư tưởng chính trị, “tự diễn biến”, “tự chuyển hóa”. Tăng cường kiểm soát quyền lực trong công tác cán bộ, bảo đảm thực chất và hiệu quả.

Năm là, tăng cường công tác kiểm tra, giám sát; tập trung kiểm tra, giám sát tổ chức đảng, coi trọng công tác tự kiểm tra, tự giám sát của cấp ủy, tổ chức đảng và các tổ chức trong hệ thống chính trị, kịp thời phát hiện từ nội bộ để chấn chỉnh ngay những vi phạm khi mới phát sinh. Tập trung kiểm tra, giám sát người đứng đầu, cán bộ chủ chốt trong việc thực hiện nhiệm vụ, chức trách được giao, chủ động phát hiện xử lý nghiêm minh những cán bộ, đảng viên có hành vi tham nhũng, tiêu cực, vi phạm khuyết điểm. Các cấp ủy, tổ chức đảng tập trung chỉ đạo tổng kết công tác kiểm điểm, đánh giá, xếp loại chất lượng tổ chức đảng và đảng viên, rút ra những bài học kinh nghiệm trong công tác lãnh đạo, chỉ đạo cho những năm tiếp theo □

Hoan nghênh bạn đọc phê bình Tạp chí

Học và làm theo Bác Hồ TRONG XÂY DỰNG NÔNG THÔN MỚI Ở TRÀ VINH

TRƯƠNG NGUYỆT

“Học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh về phát triển kinh tế, xây dựng nông thôn mới (NTM); thực hiện tiến bộ, công bằng xã hội; chăm lo đời sống vật chất, tinh thần cho người dân tỉnh Trà Vinh” là chuyên đề được Tỉnh ủy Trà Vinh lựa chọn trong học tập và làm theo Bác Hồ năm 2024. Không chỉ ở thời điểm này, học và làm theo Bác Hồ gắn với nội dung xây dựng NTM từ lâu đã được hiện thực hóa bằng các phong trào, hoạt động, việc làm thiết thực của mỗi người dân Trà Vinh, góp phần ghi dấu nhiều thành tựu trong công cuộc xây dựng NTM.

Nâng cao đời sống nhân dân là then chốt

Ngày 20-7-2021, Tỉnh ủy Trà Vinh ban hành Nghị quyết số 04-NQ/TU về xây dựng tỉnh Trà Vinh đạt chuẩn NTM trước năm 2025. Nghị quyết xác định xây dựng NTM là nhiệm vụ chính trị quan trọng, thường xuyên, lâu dài của cả hệ thống chính trị và nhân dân trong tỉnh. Nghị quyết khẳng định “bảo đảm thật sự nâng cao đời sống vật chất và tinh thần của người dân là then chốt” trong xây dựng NTM. Lấy đó là đích đến cho mọi hành động, việc làm, BTV Tỉnh ủy đã lãnh đạo triển khai nhiều mô hình học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh trong Đảng bộ gắn với thực hiện các nhiệm vụ chính trị, góp phần đưa các nghị quyết của Đảng nhanh chóng đi vào cuộc sống.

Trà Cú là huyện vùng sâu của tỉnh Trà Vinh, có đồng đồng bào Khơ-me sinh sống. Khi bắt đầu triển khai xây dựng NTM, Trà Cú vẫn còn 5 xã thuộc Chương trình 135 của Chính phủ, có xã chỉ đạt 4/19 tiêu chí, xã đạt cao nhất mới được 10/19 tiêu chí. Để huy động nguồn lực xây dựng NTM, Đảng bộ huyện chỉ đạo và phát động nhiều phong trào thi đua trong toàn

Đảng bộ và các tầng lớp nhân dân. Từ chủ trương của Huyện ủy, xã Đại An triển khai mô hình “Sâu sát nhân dân xây dựng xã, ấp văn hóa - NTM gắn với giảm nghèo bền vững”. Theo đó, Đảng ủy đẩy mạnh tuyên truyền nhằm nâng cao nhận thức cho hộ nghèo vươn lên thoát nghèo, không ỷ lại, trông chờ vào sự hỗ trợ của Nhà nước, nhờ đó giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 4,3% xuống còn dưới 2%. Xã Long Hiệp quán triệt sâu sắc tư tưởng của Bác Hồ “Để mười lần không dân cũng chịu, khó trăm lần dân liệu cũng xong”⁽¹⁾, kêu gọi người dân chung tay đóng góp, hưởng ứng thực hiện các tiêu chí NTM. Xã Ngọc Biên chọn mô hình “Giảm nghèo bền vững trong vùng đồng bào dân tộc Khơ-me gắn với xây dựng xã NTM nâng cao” để giảm mạnh tỷ lệ hộ nghèo trong xã, nâng cao chất lượng đời sống cho bà con đồng bào dân tộc Khơ-me trên địa bàn...

Với nhiều nỗ lực, đến nay huyện Trà Cú đã có 15/15 xã đạt chuẩn NTM, trong đó 2 xã (Ngọc Biên, Đại An) đạt chuẩn NTM nâng cao, 2 thị trấn (Trà Cú, Định An) đạt chuẩn đô thị văn minh. Có 114/115 ấp đạt chuẩn ấp NTM, 97,59% hộ dân đạt chuẩn gia đình văn hóa -

NTM. Huyện đã giảm tỷ lệ hộ nghèo từ 33,28% (năm 2010) xuống còn 2,33% vào cuối năm 2023; cùng thời gian này tăng thu nhập bình quân từ 12,3 triệu đồng lên 62,83 triệu đồng/người/năm.

Tháng 2-2023, BTV Huyện ủy Cầu Kè ban hành Nghị quyết chuyên đề “Xây dựng huyện Cầu Kè đạt chuẩn NTM nâng cao” với một trong những mục tiêu là “đảm bảo nông thôn phát triển ổn định, nông dân giàu có”. Nghị quyết như một “cú hích” để Cầu Kè tăng tốc, bứt phá, đạt được nhiều thành tựu xây dựng NTM. Một trong những nhiệm vụ, giải pháp Nghị quyết đề ra là phát huy vai trò gương mẫu đi đầu của đội ngũ cán bộ, đảng viên, đoàn viên, hội viên trong việc tham gia các phong trào xây dựng NTM.

Đồng chí Trần Thanh Bình, Phó Bí thư Thường trực Huyện ủy cho biết: Thực hiện các mô hình học và làm theo tấm gương Bác Hồ đã mang lại những kết quả thiết thực trong xây dựng NTM ở Cầu Kè. Từ các mô hình “Nghe dân nói - làm dân tin”, “Một ngày với dân”, “Trên làm gương mẫu mực, dưới tích cực làm theo”, “Đồng hành cùng người nghèo”... đã góp phần nêu cao vai trò gương mẫu của người đứng đầu cấp ủy, chính quyền địa phương, từ đó lan tỏa đến mỗi cán bộ, đảng viên, người dân. Hiện tốc độ tăng trưởng kinh tế bình quân của huyện đạt 13%/năm; thu nhập bình quân năm 2023 đạt 71,2 triệu đồng/người/năm, tăng hơn 11 triệu đồng so với năm 2020; tỷ lệ hộ nghèo giảm còn 0,58%. Cầu Kè cán đích huyện NTM nâng cao năm 2023, trước 2 năm so với mục tiêu Nghị quyết đề ra.

Năm 2018, Tiểu Cần là huyện đầu tiên của tỉnh Trà Vinh được công nhận huyện NTM. Đến nay, Tiểu Cần tiếp tục là một trong 2 huyện NTM nâng cao đầu tiên của tỉnh. Những thành tích đó là niềm tự hào của Đảng bộ và nhân dân trong huyện sau 13 năm thực hiện Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng

NTM. Nông thôn Tiểu Cần khởi sắc vượt bậc, đời sống vật chất và tinh thần của người dân được nâng cao toàn diện; kinh tế - xã hội địa phương chuyển biến tích cực. Thu nhập bình quân đầu người đạt trên 76 triệu đồng/năm, tăng 34,5 triệu đồng so với năm 2018; tỷ lệ hộ nghèo còn 0,55%. Huyện đang phấn đấu đạt chuẩn đô thị loại IV, trở thành thị xã trực thuộc tỉnh và trung tâm kinh tế, chính trị, văn hóa - xã hội thuộc khu vực phía tây của tỉnh Trà Vinh. Không ngạc nhiên khi đến nay toàn Đảng bộ huyện Tiểu Cần có tới 256 mô hình, điển hình trong học tập và làm theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh (236 mô hình tập thể, 20 mô hình cá nhân). Chính từ những cách làm hay, những việc làm sáng tạo lan tỏa rộng khắp này đã tạo nên thành tích toàn diện cho Đảng bộ huyện thời gian qua.

“Phát huy tài dân, sức dân - lợi cho dân”

Làm theo lời căn dặn của Bác Hồ: “Đem tài dân, sức dân, của dân làm lợi cho dân”⁽²⁾, BTV Tỉnh ủy Trà Vinh đã triển khai mô hình “Phát huy tài dân, sức dân - lợi cho dân” trong toàn Đảng bộ tỉnh, bước đầu cho thấy những kết quả rõ nét. Thực hiện mô hình, định kỳ hằng tháng, đảng ủy, UBND các xã, phường, thị trấn dành 1 ngày hoặc 1 buổi để tổ chức cuộc họp tại 1 ấp, khóm hoặc chi bộ cơ quan, ngành. Qua đó nắm tình hình, đánh giá, chỉ đạo phối hợp giải quyết, xử lý kịp thời các hạn chế, khuyết điểm, các vấn đề phát sinh từ thực tiễn. Các đồng chí đại diện thường trực cấp ủy, UBND huyện, thị xã, thành phố, đại diện lãnh đạo ban tuyên giáo, ban dân vận, mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể chính trị - xã hội cấp huyện cùng tham dự để đưa ra ý kiến giải thích, làm rõ đối với những vấn đề vượt thẩm quyền của xã, phường, thị trấn. Mô hình “Phát huy tài dân, sức dân - lợi cho dân” được triển khai rộng rãi đã mang lại hiệu quả thiết thực ở cơ sở; nhiều khó khăn, vướng mắc, bất cập nảy sinh từng bước được tháo gỡ, nhất là với các nội dung liên quan đến

xây dựng NTM, phát triển kinh tế - xã hội.

Long Đức là xã vùng ven TP. Trà Vinh, Đảng bộ xã có 22 chi bộ với hơn 550 đảng viên. Tháng 3-2024, Đảng ủy xã đã chọn ấp Vĩnh Yên làm điểm triển khai thực hiện mô hình “Phát huy tài dân, sức dân - lợi cho dân”. Tại buổi triển khai, lãnh đạo thành phố và xã trực tiếp nghe ý kiến phản ánh của cán bộ, đảng viên, nhân dân về tình hình phát triển kinh tế - xã hội địa phương, những vấn đề về an ninh trật tự, chính trang đô thị trên địa bàn xã, những điểm còn vướng trong thực hiện xây dựng NTM, đô thị văn minh... Nhiều ý kiến của bà con nhân dân đã được lãnh đạo TP. Trà Vinh và xã Long Đức tiếp thu, giải trình thỏa đáng.

Nhờ ý Đảng thuận lòng Dân, xã Long Đức đã không ngừng vươn lên đổi mới, nhanh chóng cán đích nhiều mục tiêu. Năm 2013, Long Đức là xã đầu tiên của Trà Vinh đạt chuẩn NTM, tiếp tục là địa phương đầu tiên được công nhận xã NTM nâng cao cuối năm 2020 và NTM kiểu mẫu tháng 5-2023. Kinh nghiệm của Long Đức là trong bất kỳ nhiệm vụ chính trị nào luôn lấy tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ Chí Minh là yếu tố xuyên suốt để khích lệ, động viên tinh thần của mỗi cán bộ, đảng viên, nhân dân. Đảng bộ xã xây dựng được 40 mô hình học tập và làm theo Bác Hồ, trong đó có 8 mô hình đã được đánh giá hiệu quả và đang duy trì.

Tương tự, ấp Tân Hạnh được chọn làm ấp điểm triển khai mô hình “Phát huy tài dân, sức dân - lợi cho dân” ở xã Đại Phúc, huyện Càng Long. Từ sự gương mẫu của lãnh đạo huyện, xã, người dân ấp Tân Hạnh rất tin tưởng vào sự lãnh đạo của Đảng, tích cực tăng gia sản xuất, tham gia xây dựng NTM bằng những việc làm thiết thực như bảo vệ môi trường, xây dựng hộ gia đình văn hóa NTM. Hiện ấp có 275/288 hộ gia đình văn hóa NTM, đạt tỷ lệ 95,4% và được công nhận ấp NTM kiểu mẫu vào năm 2023. Lan tỏa từ Tân Hạnh, các chi bộ ấp đã tuyên truyền, vận động đảng viên,

nhân dân tham gia các phong trào xây dựng NTM do Đảng ủy xã phát động: hiến đất làm đường; xây dựng tuyến đường sáng - xanh - sạch - đẹp; “5 không - 3 sạch”; nông dân sản xuất - kinh doanh giỏi; tuổi trẻ xung kích, sáng tạo xây dựng và bảo vệ Tổ quốc; ngày chủ nhật xanh... Nhờ vậy, phong trào chung sức xây dựng NTM nâng cao trên địa bàn xã diễn ra sôi nổi, Đại Phúc từng ngày đổi thay với kết cấu hạ tầng đồng bộ, thuận lợi, mạng lưới giao thông kết nối rất gần với TP. Trà Vinh, đời sống nhân dân ngày một nâng cao.

Lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo

Sau hơn 13 năm xây dựng NTM, đến nay Trà Vinh có 85/85 xã đạt chuẩn NTM, trong đó có 51 xã NTM nâng cao, 9 xã đạt chuẩn NTM kiểu mẫu. 9/9 huyện, thị xã, thành phố của tỉnh được công nhận đạt chuẩn và hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM, trong đó có 2 huyện NTM nâng cao. Trà Vinh đã hoàn thiện 8/8 nội dung tỉnh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM theo quy định của Chính phủ.

Việc phát động hiệu quả các phong trào học tập và làm theo gương Bác Hồ gắn với xây dựng NTM đã làm thay đổi rõ rệt diện mạo nông thôn Trà Vinh. Hệ thống cơ sở hạ tầng kinh tế - xã hội được hoàn thiện, đồng bộ, đặc biệt là hệ thống giao thông nông thôn, giao thông nội đồng, hệ thống trường học, cơ sở vật chất văn hóa và các công trình phục vụ phúc lợi công cộng. Cơ cấu kinh tế khu vực nông thôn có sự chuyển dịch tích cực. Công nghiệp và dịch vụ nông thôn phát triển nhanh, bền vững. Sản xuất nông nghiệp tăng trưởng ổn định. Đời sống vật chất và tinh thần của người dân ngày càng được cải thiện. Thu nhập bình quân đầu người khu vực nông thôn tăng từ hơn 19 triệu đồng năm 2010 lên gần 70 triệu đồng năm 2023, tăng xấp xỉ 3,6 lần. Tỷ lệ hộ nghèo giảm nhanh, từ 23,6% năm 2010 xuống còn khoảng

(Xem tiếp trang 58)

NGƯỜI LÀM NGHỀ TỔ CHỨC VỚI NHIỆM VỤ ĐÀO TẠO CÁN BỘ SÁT THỰC TIỄN

BÙI VĂN TIẾNG

Nguyên UVBTV, Trưởng Ban Tổ chức Thành ủy Đà Nẵng

Đào tạo cán bộ là cách nói để chỉ một hợp phần của công tác cán bộ sau quy hoạch và trước bổ nhiệm vào chức danh quy hoạch, bao gồm đào tạo dài hạn theo trường lớp, bồi dưỡng và tập huấn ngắn hạn... Trong các yêu cầu về đào tạo cán bộ, yêu cầu sát thực tiễn là yêu cầu quan trọng nhất, đòi hỏi người làm nghề tổ chức phải đặc biệt quan tâm. Bác Hồ từng căn dặn: “Huấn luyện phải nhằm đúng nhu cầu”⁽¹⁾. “Huấn luyện cán bộ” là từ Bác thường dùng để nói về công tác đào tạo cán bộ. Cụ thể là phải huấn luyện chuyên môn cho cán bộ sao cho “ai lãnh đạo trong ngành hoạt động nào thì phải biết chuyên môn về ngành ấy. Ví dụ: những đồng chí lãnh đạo hòa xa phải biết chuyên môn về hòa xa, có thể lãnh đạo mới sát”⁽²⁾.

“Sát thực tiễn” trước hết là sát với yêu cầu của từng chức danh quy hoạch. Yêu cầu của cán bộ cấp chiến lược khác với yêu cầu của cấp tham mưu, thừa hành. Giữa chức danh lãnh đạo quản lý cấp trưởng với chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phó trong cùng một cơ quan cũng có yêu cầu đào tạo khác nhau. Mỗi cán bộ cấp phó thường được giao nhiệm vụ giúp cho cán bộ cấp trưởng ở lĩnh vực sở trường nhất, vì thế bố trí cán bộ “sát thực tiễn” đối với cán bộ cấp phó là phải bố trí đúng vào lĩnh vực sở trường ấy. Tuy nhiên, khi cán bộ cấp phó được quy hoạch vào chức danh cán bộ cấp trưởng nghĩa là sẽ phải lãnh đạo, quản lý cả các lĩnh vực không phải sở trường thì đào tạo “sát thực tiễn” không thể không quan tâm đào tạo các lĩnh vực

không phải sở trường của người được quy hoạch. Không phải ngẫu nhiên mà hiện nay Đà Nẵng đang có chủ trương “thay đổi vị trí công tác đối với cán bộ cấp phó để đào tạo cấp trưởng”. Mục đích của chủ trương này khác với mục đích của quy định “định kỳ chuyển đổi vị trí công tác đối với cán bộ, công chức không giữ chức vụ lãnh đạo, quản lý và viên chức trong cơ quan, tổ chức, đơn vị mình nhằm phòng ngừa tham nhũng” nêu tại khoản 1, Điều 24, Luật Phòng, chống tham nhũng năm 2018.

Sát thực tiễn không chỉ sát với yêu cầu của từng chức danh quy hoạch, mà còn sát với yêu cầu của từng đề án đào tạo. Chẳng hạn, ở Đà Nẵng hồi cuối thập niên 2000 có Đề án *Tạo nguồn cán bộ cho chức danh bí thư đảng ủy và chủ tịch UBND phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng*. Đây là đề án đào tạo cán bộ ở cấp gần dân nhất và do vậy đòi hỏi nội dung đào tạo phải sát với thực tiễn ở phường, xã. Không phải ngẫu nhiên mà học viên của Đề án này được nghiên cứu học tập một học phần “rất Đà Nẵng” là làm thế nào để điều hành việc sơ tán nhân dân địa phương ra khỏi nơi cư trú khi xảy ra thiên tai, bão lụt một cách an toàn trong thời gian ngắn nhất. Sở dĩ nói học phần này “rất Đà Nẵng” vì ở các địa phương khác cán bộ có thể được học cho biết, nhưng với một địa phương duyên hải miền Trung như Đà Nẵng thì học là để làm và thực tế thì những bí thư đảng ủy và chủ tịch UBND phường, xã là cựu học viên vẫn phải không ngừng vận dụng kiến thức đã được đào tạo năm xưa để thực thi nhiệm vụ

của người đứng đầu phường, xã trong tình huống cấp bách.

Hình thành một học phần như vừa nêu là cách để gắn nội dung đào tạo với thực tiễn. Cũng có thể gắn nội dung đào tạo với thực tiễn bằng cách đưa học viên đi tham quan thực tế. Chẳng hạn, ngày 13-8-2024 các đồng chí lãnh đạo, học viên Lớp bồi dưỡng, cập nhật kiến thức, kỹ năng đối với cán bộ quy hoạch Ủy viên Trung ương Đảng khóa XIV do đồng chí Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Phan Thăng An làm Lớp trưởng đã đến tham quan tại Bộ Tư lệnh Cảnh sát cơ động và nghiên cứu thực tế Cảnh sát cơ động huy động thực binh xử lý tình huống tập trung đông người gây rối an ninh trật tự... Hoặc học viên Đề án *Tạo nguồn cán bộ cho chức danh bí thư đảng ủy và chủ tịch UBND phường, xã trên địa bàn thành phố Đà Nẵng* nêu trên cũng thường xuyên được đưa đi tham quan tại các trụ sở UBND phường, xã để tận mục sở thị việc tiếp dân và giải quyết thủ tục hành chính hằng ngày ở nơi gần dân nhất.

Gắn nội dung đào tạo với thực tiễn không chỉ qua học hành trường lớp mà còn qua việc luân chuyển cán bộ lãnh đạo, quản lý theo tinh thần Nghị quyết số 11-NQ/TW ngày 25-1-2002 của Bộ Chính trị khóa IX. Bản thân người viết bài này khi còn là Phó Trưởng ban Thường trực Ban Tổ chức Thành ủy Đà Nẵng cũng từng được luân chuyển về giữ chức Bí thư Quận ủy Thanh Khê hơn 5 năm trước khi trở về nhận nhiệm vụ Trưởng ban. Nếu chưa kinh qua vị trí đứng đầu một địa phương cấp huyện trong hai nửa nhiệm kỳ cấp ủy thì bản thân cũng khó lòng tích lũy được những hiểu biết cần thiết trong lãnh đạo toàn diện để có thể tham mưu về công tác cán bộ sao cho đúng người, đúng việc và đúng lúc. Các cán bộ trẻ được Ban Tổ chức Trung ương tuyển dụng đã và đang được đưa về công tác tại các ban tổ chức quận ủy, huyện ủy của Hà Nội nhằm đào tạo, bồi dưỡng

bổ sung, nâng cao kiến thức thực tiễn về công tác tổ chức xây dựng Đảng trong thời gian khoảng 2 năm cũng là một cách đào tạo cán bộ làm nghề tổ chức theo yêu cầu sát thực tiễn.

Yêu cầu đào tạo cán bộ sát thực tiễn quan trọng như vậy nên đòi hỏi những người làm nghề tổ chức phải có sự quan tâm sâu sát đối với từng trường hợp quy hoạch cụ thể, tránh tình trạng cán bộ đã được quy hoạch và được đưa đi đào tạo nhưng vẫn không đủ tiêu chuẩn về đào tạo theo quy định như trường hợp một số văn nghệ sĩ không được bổ nhiệm vào chức danh tổng biên tập tạp chí văn học - nghệ thuật địa phương vì chưa có... thể nhà báo. Người có thể nhà báo không thiếu nhưng hoặc không muốn hoặc không thể đảm đương nhiệm vụ tổng biên tập một tạp chí chuyên ngành văn học - nghệ thuật! Càng suy ngẫm về nghề, càng thấy công tác đào tạo cán bộ rất cần những người làm nghề thật sự chuyên nghiệp □

(1), (2). *Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG, H.2011, tập 6, tr.358; tr. 357.*

ĐẮK LẮK TẠO NGUỒN...

(Tiếp theo trang 10)

đồng bộ công tác cán bộ đúng nguyên tắc, minh bạch, công tâm, khách quan, tạo điều kiện để cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS yên tâm rèn luyện và cống hiến theo tinh thần Nghị quyết Đại hội XIII của Đảng “Có bản lĩnh chính trị vững vàng, có đạo đức trong sáng, năng lực nổi bật, dám nghĩ, dám nói, dám làm, dám chịu trách nhiệm, dám đổi mới, sáng tạo, dám đương đầu với khó khăn, thử thách, dám hành động vì lợi ích chung, có uy tín cao và thực sự tiên phong, gương mẫu”. Từ đó, xây dựng đội ngũ cán bộ nữ, trẻ, là người DTTS có bản lĩnh chính trị vững vàng, có trình độ, năng lực, cống hiến trí tuệ, công sức vào công cuộc xây dựng Đắk Lắk trở thành trung tâm của vùng Tây Nguyên □

Đồng bộ

MINH ANH

Sáng 14-8-2024, Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực tổ chức Phiên họp thứ 26 dưới sự chủ trì của Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo. Trong đó, đồng chí nhấn mạnh 3 yêu cầu: Phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phải phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, không vì đẩy mạnh phòng, chống tham nhũng, tiêu cực mà ảnh hưởng, cản trở phát triển kinh tế - xã hội; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phải được triển khai đến tận cơ sở đảng, chi bộ, phải được sự giám sát của cán bộ, đảng viên và nhân dân; đặc biệt quan tâm công tác phòng, chống tiêu cực, nhất là các biểu hiện tiêu cực là nguồn gốc, nguyên nhân dẫn đến tham nhũng.

Vì sao phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phải phục vụ phát triển kinh tế - xã hội là yêu cầu đầu tiên? Vì một lẽ đơn giản: “Dân dĩ thực vi tiên”. Khi đời sống của nhân dân, trong đó có cán bộ, đảng viên giàu về vật chất, phong phú về tinh thần, sâu sắc về nhận thức là cơ sở giảm tiêu cực trong mọi tầng lớp xã hội. Nhưng như vậy chưa đủ. Những kẻ tham nhũng đâu có nghèo, đâu có nhận thức thấp? Họ tham nhũng còn do lòng tham không đáy “có một lại muốn có hai, có ba có bốn lại nài có năm”, không biết tiết chế lòng tham - vốn là thuộc tính của con người. Nhất là khi nước ta chuyển sang vận hành nền kinh tế thị trường định hướng XHCN, đồng tiền, lợi nhuận lên ngôi, những “viên đạn bọc đường” đã bắn gục những cán bộ, đảng viên dù ở cương vị nào nhưng không thường xuyên rèn luyện, tu dưỡng theo tư tưởng, đạo đức, phong cách Hồ

Chí Minh. Do đó, để giúp cán bộ, đảng viên, nhất là những người có chức, có quyền tự giác đi đúng đường ray, hoạt động trong hành lang pháp lý, cần “nhốt quyền lực vào lồng cơ chế”, như cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng đã khẳng định và được Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm làm rõ thêm khi yêu cầu tiếp tục đẩy mạnh xây dựng, hoàn thiện đồng bộ thể chế để phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, trong đó, trọng tâm là hoàn thiện thể chế về kiểm soát quyền lực và phát huy mạnh mẽ vai trò giám sát, phản biện của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam, các tổ chức chính trị - xã hội, báo chí và Nhân dân, trong đó quan trọng là phải được triển khai đến tận cơ sở đảng, chi bộ.

Vì lẽ, Bác Hồ đã dạy “Chi bộ là đòn lẩy của Đảng chiến đấu ở trong quần chúng”, “Chi bộ là nền móng của Đảng, chi bộ tốt thì mọi việc sẽ tốt... Phải làm thiết thực, đừng hình thức, đừng báo cáo sai”, “mỗi đảng viên phải hoạt động trong một tổ chức cơ sở của Đảng”; “Đảng mạnh là do các chi bộ mạnh. Chi bộ mạnh là do các đảng viên hăng hái và gương mẫu”... Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phải được triển khai đến tận cơ sở đảng, chi bộ, phải được sự giám sát của cán bộ, đảng viên và nhân dân. Công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực phải được đưa vào nội dung sinh hoạt thường kỳ của chi bộ, được quán triệt đến từng đảng viên; tiếp tục chỉ đạo nâng cao hơn nữa hiệu quả hoạt động của Ban Chỉ đạo phòng, chống tham nhũng, tiêu cực cấp tỉnh, đẩy mạnh công tác phòng, chống tham nhũng, tiêu cực ở địa phương, cơ sở □

Bí thư Đảng ủy thị trấn Liên Sơn: “LÀ ĐẢNG VIÊN THÌ LÀM GÌ, Ở Đâu CŨNG HẾT LÒNG, ĐỐC SỨC”

NGUYỄN NGỌC DIỄM

Khi được đề nghị giới thiệu để viết về gương một cán bộ cơ sở, Bí thư Huyện ủy Lắc (Đắk Lắk) Nguyễn Văn Long nhắn tin: “Bí thư Đảng ủy thị trấn Liên Sơn thể hiện được khả năng, tạo được dấu ấn, địa phương có nhiều chuyển biến tích cực. Anh về đó chắc sẽ có nhiều thông tin mới”...

Đoàn kết thực chất, bám cơ sở, sát dân

Người mà anh Long giới thiệu là Tô Tuấn Anh, huyện ủy viên, Bí thư Đảng ủy thị trấn Liên Sơn. Chúng tôi ngược đại ngàn Lắc giữa những ngày mưa Tây Nguyên tháng Tám. Thoạt nhìn, Tô Tuấn Anh sinh năm 1975 khá là bình dị nhưng chừng chạc, giọng nói nhỏ nhẹ, trầm ấm; điềm đạm nhưng cởi mở, ánh mắt toát lên sự cương nghị, quyết đoán...

Cuối năm 2022, đang là Trưởng Phòng Nội vụ huyện Lắc, Tô Tuấn Anh được điều động giữ chức vụ Bí thư Đảng ủy thị trấn Liên Sơn - trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hóa, xã hội của huyện Lắc. Đây là một trong những huyện còn nghèo của tỉnh Đắk Lắk nhưng là vùng đất có tiềm năng phát triển du lịch sinh thái, cộng đồng với những nét văn hóa, phong tục, tập quán truyền thống của dân tộc M'Nông giàu bản sắc.

Thị trấn Liên Sơn có 7 tổ dân phố và 3 buôn, với 1.836 hộ, 7.583 nhân khẩu; dân tộc thiểu số chiếm gần 25%, chủ yếu là người M'Nông. Một điểm nhấn đặc trưng của thị trấn cao nguyên này là được thiên nhiên ban tặng hồ Lắc - hồ nước ngọt tự nhiên lớn thứ 2 cả nước

sau hồ Ba Bể. Xung quanh hồ Lắc được bao bọc bởi những buôn làng người M'Nông đang còn lưu giữ nhiều nét văn hóa truyền thống từ ngàn xưa, đậm chất Tây Nguyên.

“Khi nhận nhiệm vụ mới, điều tôi trăn trở nhất là làm sao đưa vùng quê bên hồ Lắc giàu truyền thống cách mạng phát triển xứng tầm năng, thể mạnh riêng có, không ngừng nâng cao đời sống nhân dân” - Bí thư Đảng ủy Tô Tuấn Anh tâm sự. Vì thế, ngay sau khi tiếp quản công việc mới, đồng chí đã cùng BCH Đảng bộ thị trấn bắt tay vào công việc, rà soát, điều chỉnh, ban hành nghị quyết, đề án với quyết tâm xoay chuyển, tạo bứt phá trên hành trình phát triển.

Đồng chí Bí thư dành thời gian thỏa đáng xuống các buôn, tổ dân phố vừa để “ra mắt” với mọi người, vừa làm nhiệm vụ quan trọng là nắm bắt tình hình mọi mặt của người dân với quyết tâm sớm có những phương án phù hợp nhất. Có những chỉ tiêu như nâng cấp đô thị, mở rộng đường, giảm nghèo... để bảo đảm khả thi phải thị sát địa bàn, xem xét kỹ thực tế, tham khảo ý kiến người dân, nhất là các lão thành cách mạng, người có uy tín để xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện hiệu quả.

Dưới sự chỉ đạo sát sao của đồng chí Bí thư, Đảng ủy thị trấn chủ trương “xóc” lại tác phong, chấn chỉnh lề lối làm việc của cán bộ, công chức; phân công trách nhiệm cho từng cấp ủy viên bám buôn, tổ dân phố, sâu sát đời sống nhân dân với phương châm “óc nghĩ, chân đi, miệng nói, tay làm”, tạo sự đoàn kết thực chất trong Đảng bộ, sự đồng thuận trong



Đồng chí Tô Tuấn Anh (ngoài cùng bên trái) giới thiệu với khách du lịch về chiếc gùi - một vật dụng không thể thiếu trong đời sống của người M'Nông.

Ảnh: TL

Nhân dân.

Cùng với đó, Đảng ủy thị trấn xây dựng, ban hành chương trình nâng cao năng lực lãnh đạo, sức chiến đấu của tổ chức đảng và đội ngũ đảng viên; phân công các đảng ủy viên dự sinh hoạt tại các chi bộ, cùng với các buôn, tổ dân phố bàn chủ trương, tìm giải pháp phù hợp thúc đẩy từng khu dân cư phát triển với mục tiêu cuối cùng là nâng cao đời sống nhân dân. Gần dân, sát thực tiễn nên hiệu quả công việc thấy rõ, trôi chảy, nhất là niềm tin, trách nhiệm của cán bộ, đảng viên được khơi dậy với tinh thần mọi chủ trương phải bắt nguồn từ cuộc sống.

Kinh tế phát triển đúng hướng, nhiều thành tựu mới

Khi được hỏi về những thành tựu, dấu ấn nổi bật thời gian qua, Bí thư Đảng ủy Tô Tuấn Anh sôi nổi, không giấu niềm vui, bởi bằng chủ trương đúng, giải pháp khả thi, quyết tâm cao của cả hệ thống chính trị, kinh tế - xã hội thị trấn Liên Sơn đang phát triển đúng hướng,

giành nhiều thành tựu.

Năm 2023 và 6 tháng đầu năm 2024, Đảng ủy thị trấn tập trung lựa chọn nhiệm vụ trọng tâm, khơi thông nguồn lực, tháo gỡ những “điểm nghẽn” để triển khai thực hiện Nghị quyết số 06-NQ/HU ngày 29-10-2022 của BCH Đảng bộ huyện Lắc về “*Xây dựng và phát triển thị trấn Liên Sơn giai đoạn 2021-2025 và định hướng đến năm 2030*”. Từ đó, nhiều dự án, chương trình đầu tư kết cấu hạ tầng được triển khai tích cực, đẩy nhanh tiến độ xây dựng thị trấn Liên Sơn trở thành trung tâm du lịch theo hướng bền vững, khai thác hiệu quả giá trị tài nguyên thiên

nhiên, truyền thống, đặc sắc văn hóa của đồng bào dân tộc thiểu số.

Theo Phó Bí thư Thường trực Đảng ủy, Chủ tịch HĐND thị trấn Đào Thị Thủy, Liên Sơn có tốc độ phát triển khá nhanh về kinh tế - xã hội, diện mạo đô thị có nhiều thay đổi tích cực. Đến giữa năm 2024, tổng thu nhập bình quân đầu người đạt 53 triệu đồng/năm, thu ngân sách đạt 200%. Đường giao thông nội thị được cứng hóa đạt 98%, các trục đường được trồng cây xanh đúng quy hoạch đạt 85%, kiên cố hóa kênh mương, bảo đảm nước tưới ổn định cho 100% diện tích gieo trồng. Năm học 2023-2024 không có học sinh bỏ học, 4 trường học đạt chuẩn quốc gia. Nếu giai đoạn 2020-2022 thị trấn Liên Sơn xếp thứ 9/11 đơn vị về chỉ số cải cách hành chính của huyện Lắc thì năm 2023 vươn lên mạnh mẽ, xếp thứ nhất. Năm 2023 và 7 tháng đầu năm 2024, Đảng bộ kết nạp được 19 đảng viên, vượt chỉ tiêu đề ra. Đặc biệt, sau 13 năm chỉ hoàn thành tốt nhiệm vụ thì năm 2023 Đảng bộ thị trấn Liên Sơn

được xếp loại “Đảng bộ hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ”.

Trả lời câu hỏi: Vì sao Liên Sơn có chuyển biến mau lẹ, nổi bật, hệ thống chính trị đồng thuận, được người dân đồng tình, Bí thư Đảng ủy Tô Tuấn Anh tự hào: “Đoàn kết thực chất là yếu tố hàng đầu, kế đến là dân chủ được thực hiện đầy đủ, sau đó là mọi chủ trương, đường hướng, mục tiêu luôn vì cuộc sống của người dân. Chủ trương xuyên suốt là không kêu khó, không bàn lùi, luôn hướng lên phía trước”.

Cuộc trò chuyện của chúng tôi cuốn mãi vào chiều muộn. Đồng chí Tô Tuấn Anh trải lòng bộc lộ trần trở, suy nghĩ, tìm tòi những mô hình mới, cách làm hay để Liên Sơn tạo đà, bứt tốc. Tôi cảm nhận sâu kín trong chất mộc mạc, bình dị của anh là một trái tim nhiệt huyết, mang nặng trách nhiệm của một đảng viên với Đất và Người bên hồ Lắc bình yên và thơ mộng. Trong đó có ý tưởng thu hút, mời gọi các nhà đầu tư nhằm vực dậy một thị trấn cao nguyên còn giàu tiềm năng với những vớ vạc sáng sủa đã ló rạng những tín hiệu khả quan.

Theo đó, Liên Sơn sẽ phát triển dọc Quốc lộ 27 là trục chính trong không gian tổng thể của đô thị, kết nối thành phố Buôn Ma Thuột với tỉnh Lâm Đồng, tạo điều kiện liên kết vùng: Phát triển du lịch theo chuỗi đô thị Liên Sơn - Krông Kmar, dọc theo Khu bảo tồn thiên nhiên Nam Ka và dãy núi Chư Yang Sin; xây dựng ven hồ Lắc các công trình thương mại - dịch vụ hỗn hợp tạo điểm nhấn cho đô thị, đặc biệt là khu vực phía đông theo hướng bảo tồn và phát huy giá trị văn hóa giàu bản sắc gắn với du lịch sinh thái, cộng đồng.

Không tồn tại suy nghĩ giữ cho “tròn vai”, đủ ngày, đủ tháng

Bí thư Đảng ủy thị trấn Liên Sơn cho rằng, kinh nghiệm trong những thành tựu bước đầu là: Tất cả phải vì mục tiêu phát triển thị trấn, có sự quan tâm, chỉ đạo kịp thời của Thường trực Huyện ủy, BTV Huyện ủy; HĐND,

UBND huyện và các cơ quan, ban, ngành của huyện tạo động lực để thị trấn dám nghĩ, dám làm... Đặc biệt, phải gắn bó, gần gũi với cơ sở, với dân mới có thể làm tốt được công việc. Bởi “Nghề” *bí thư đầu chuyện giấy tờ*” mà phải *“lắng nghe cuộc sống gọi từng giờ”* (Tố Hữu - Đảng và thơ). Trong công việc chớ nói suông, mình phải gương mẫu đi đầu, phải trực tiếp cùng làm, gần gũi, thực tâm thì người dân mới làm theo. Từ đó, tạo nên sự đồng thuận, phong trào rộng khắp, thực chất và đồng bộ.

Theo đồng chí Tô Tuấn Anh, “tinh thần trách nhiệm phải xuất phát từ trong tâm mình, từ chính bản thân của mỗi người chứ không thụ động đợi người khác nhắc nhở mới làm”. Phương châm sống, công tác và cũng là điều đồng chí tâm đắc trong suốt quá trình học tập, công tác là “Nói ít, làm nhiều, học kỹ, nghĩ sâu”, không ngại khó, sẵn sàng nhận bất cứ nhiệm vụ gì được giao. “Là đảng viên thì làm gì, ở đâu cũng phải hết lòng, dốc sức” - anh thổ lộ.

Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thị trấn Tạ Bô Phước Tơ chia sẻ: Đồng chí Tô Tuấn Anh là người luôn tập trung cao trong mọi công việc, nghiên cứu kỹ tài liệu trước các cuộc họp và lắng nghe ý kiến từ các ban, ngành, đoàn thể với thái độ hết sức cầu thị, rồi cùng trao đổi, tìm ra giải pháp thấu tình, đạt lý. Phong cách làm việc của đồng chí dứt khoát, ngắn gọn. Khi họp hành, yêu cầu báo cáo chắc tình hình, tham dự hội họp đứng thành phần, đúng giờ, phát biểu trọng tâm, kết luận rõ ràng, cụ thể. Theo Bí thư Đoàn thị trấn Nguyễn Xuân Tài: “Bí thư Đảng ủy có phong cách lãnh đạo quyết đoán, luôn khơi nguồn sáng tạo, là người dẫn dắt, truyền cảm hứng sống và làm việc cho mọi người, nhất là lớp trẻ học hỏi, làm theo”. Còn ông Nguyễn Văn Đông, 60 năm tuổi đảng ở Tô dân phố 2 nói: “Đồng chí Tô Tuấn Anh là người khiêm nhường, nhiệt huyết, trách nhiệm cao. Thời gian qua, diện mạo thị trấn Liên Sơn

thay đổi đáng kể, người dân được nhiều trong hưởng lợi”.

Đồng chí Nay Y Phú, Phó Bí thư Huyện ủy, Chủ tịch UBND huyện Lák nhận xét: “Đồng chí Tô Tuấn Anh luôn bám sát chỉ đạo của Huyện ủy, phát huy mối quan hệ với các ban, ngành, đoàn thể, đề cao tinh thần trách nhiệm, nỗ lực nghiên cứu đổi mới nội dung, phương thức lãnh đạo, đề ra chủ trương, giải pháp chỉ đạo phù hợp, kịp thời trước những yêu cầu công việc của thị trấn, nhất là đối với những vấn đề mới phát sinh, được ghi nhận, đánh giá cao”.

Thả bộ trên con đường Nguyễn Tất Thành, Bí thư Đảng ủy Tô Tuấn Anh bộc bạch: Trong mọi việc, phải luôn tâm niệm “ba công” là công khai, công tâm và công bằng. Cán bộ luân chuyển phải biết kế thừa thành quả của người đi trước, phát triển cái mới tích cực. Thời gian công tác ở thị trấn, tôi được đắm mình với thực tiễn, bổ sung kiến thức, kinh nghiệm; rèn luyện nghị lực, bản lĩnh vượt qua khó khăn, ý chí vươn lên; đồng thời, hiểu biết rõ hơn tình hình cơ sở, cuộc sống của dân. Thông qua giải quyết công việc, tôi có được rất nhiều bài học, những điều không có trong sách vở. Trước đây công tác ở Ngành Giáo dục và Ngành Nội vụ nhưng khi về cơ sở thì thực

tiễn mênh mông vô cùng, cho nên việc học tập, trui rèn rất quan trọng. Thế mới biết, công tác luân chuyển cán bộ là hết sức cần thiết, tạo cơ hội cho cán bộ thâm nhập thực tiễn, rèn luyện bản lĩnh, kỹ năng lãnh đạo, là dịp trau dồi kiến thức, cọ xát để trưởng thành.

Đồng chí chia sẻ thêm: “Cán bộ được luân chuyển phải yêu mảnh đất nơi mình đến, dồn tâm huyết của mình trong mọi việc; phải có những sản phẩm mới, hiệu quả thật sự; nhất là không được suy nghĩ giữ cho “tròn vai”, đủ ngày, đủ tháng, hoặc nhận thức đi luân chuyển để được đề bạt lên chức vụ cao hơn. Làm được thế, cán bộ được mọi người ủng hộ, tin tưởng và sẽ thành công”.

Trên hành trình đi tới, Bí thư Đảng ủy Tô Tuấn Anh khẳng định: “Thị trấn Liên Sơn tiếp tục chủ động biến tiềm năng thành nguồn lực, hóa giải các nguy cơ, năng động, dốc sức, đồng lòng với tinh thần nhất quán, xuyên suốt: “Đoàn kết, đổi mới, sáng tạo, hành động, phát triển”.

Đó chính là nền tảng, gốc rễ, là động lực để Đảng bộ, chính quyền, đồng bào các dân tộc thị trấn Liên Sơn tiếp thêm ý chí, nuôi đắp niềm tin, khơi lên khát vọng bên hồ Lák ngàn đời huyền thoại... □

ĐÀO TẠO, BỒI DƯỠNG CÁN BỘ...

(Tiếp theo trang 23)

chức. Tăng cường trang bị, bổ sung kiến thức mới phù hợp với từng nhóm đối tượng, gắn với tiêu chuẩn chức danh, khung năng lực và vị trí việc làm.

4. Nâng cao chất lượng các chương trình đào tạo, bồi dưỡng ngoại ngữ, tin học đối với cán bộ. Tổ chức có hiệu quả việc đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài. Nghiên cứu, đổi mới tiêu chí để tuyển chọn cán bộ đi đào tạo, bồi dưỡng ở nước ngoài đảm bảo thiết thực, chất lượng, hiệu quả.

5. Tiếp tục xây dựng, kiện toàn hệ thống cơ sở đào tạo, đội ngũ giảng viên làm công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ theo hướng tinh gọn, hiện đại, hiệu lực, hiệu quả. Tăng cường đầu tư, nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị cho hệ thống cơ sở đào tạo, bồi dưỡng cán bộ,

6. Rà soát, hoàn thiện cơ chế, chính sách đối với công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Đẩy mạnh phân công, phân cấp, phân quyền trong quản lý và tổ chức đào tạo, bồi dưỡng cán bộ. Nghiên cứu việc mở rộng và tăng cường hợp tác quốc tế trong lĩnh vực đào tạo, bồi dưỡng; thu hút các nguồn tài trợ cho công tác đào tạo, bồi dưỡng cán bộ □

BIẾT XẤU HỔ

MA VĂN KHÁNG

1 Tháng 3-2024, đại án xảy ra ở Tập đoàn Vạn Thịnh Phát được đưa ra xét xử. Tại phiên tòa, có chi tiết khiến người dự phiên tòa rất quan tâm, đó là khi trả lời câu hỏi của luật sư, rằng: “Trong nhận thức bị cáo đã ăn năn, thành khẩn có đúng không?”. Bà Nhân đáp: “Đúng như thế”. Bị cáo Nhân nói thêm: “Khi tòa hỏi đến việc nhận tiền của anh Văn, tôi rất xấu hổ. Nhận tiền, tôi có mang về quê gửi. Tôi chưa sử dụng đồng nào, tôi thấy xấu hổ, rất mong Hội đồng xét xử tạo điều kiện cho tôi khắc phục hậu quả vụ án”.

Chỉ trong mấy câu nói trên, từ xấu hổ được lặp lại 2 lần. Theo dõi các vụ đại án, nhiều người chú ý đến chi tiết hiềm hoi này, với cảm giác vừa giận, vừa thương!

2 Thực ra, xấu hổ, hổ thẹn hay còn gọi là hổ hang, hổ ngươi, không phải là một trạng thái cảm xúc xa lạ gì đối với mỗi con người. Không phải là một phát hiện mới mẻ. Xấu hổ chính là cảm giác thấy mình có lỗi, không xứng đáng với danh tính, danh hiệu, một người khác hay một yêu cầu nào đó. Xấu hổ, trước hết là một nỗi khổ tâm, một nỗi đau đời. Cảm xúc khổ tâm này căn bản bẩm sinh đã có trong trải nghiệm làm người, sau nữa, là một quá trình nhận thức của mỗi con người.

Nói bẩm sinh đã có là vì như người xưa từng nói, trong con người ta từ khi sinh ra, lớn lên thành người có ý thức ai cũng có trong người cái mầm thiện, đó là lòng trắc ẩn (thương xót), lòng tu ó (thẹn, ghét), lòng từ nhượng (khiêm nhường), lòng thị phi (phải trái). Lòng trắc ẩn là đầu mối của nhân, lòng tu ó là đầu mối của nghĩa, lòng từ nhượng là đầu mối của lễ, lòng thị phi là đầu mối của trí.

Thêm nữa, biết hổ thẹn, xấu hổ theo quan

niệm của dân tộc ta là một mỹ đức, một đức tính tốt lành. Ngửa mặt không hổ thẹn với trời. Cúi xuống không hổ thẹn với người (ngưỡng bất quý vu thiên, phủ bất tạc vu nhân). Theo truyền thống, đó là lời dạy ông cha ta từng trao truyền cho con cháu. “Nhân hứng cũng vừa toan cất bút/ Nghĩ ra lại thẹn với ông Đào” (thơ Nguyễn Khuyến). Ông Đào ở đây là Đào Tiềm, một nhà thơ lớn cuối đời Đông Tấn, Trung Quốc. Trong bài thơ “Thu vịnh”, Nguyễn Khuyến viết hai câu thơ vậy là có ý: Phải biết cúi đầu trước cái lớn lao, cao đẹp, phải biết thẹn với người và tự thẹn với lương tâm. Trong “Hịch tướng sỹ” của Hưng Đạo Đại Vương Trần Quốc Tuấn, ra đời trong thời gian trước cuộc kháng chiến chống quân xâm lược Nguyên - Mông (năm 1285), khi giặc Nguyên - Mông sang xâm lược nước ta lần thứ hai, không ít lần Hưng Đạo Đại Vương nhắc đến sự tự trọng, hổ thẹn: “Thế mà các người thấy chủ bị nhục chẳng lấy làm lo, gặp nước bị dơ chẳng lấy làm thẹn”... “Rồi đây, sau khi dẹp yên quân giặc, các người sẽ phải thẹn muôn đời, còn mặt mũi nào đứng giữa khoảng trời đất che chở?”.

3 Biết xấu hổ, hổ thẹn là một cảm giác tích cực. Vì biết xấu hổ, hổ thẹn là người có cảm xúc đau lòng, tiếc nuối; về tri giác là biết nhận ra sai sót, kém cỏi, tội lỗi của mình. Là người chưa đến mức mù quáng, còn có lương tri, lương năng, còn có cơ tình ngộ, còn có thể ra khỏi vòng mê lú, còn có khả năng sửa chữa. Biết xấu hổ, hổ thẹn tất hướng đến một lời xin lỗi, đến sự ăn năn, hối hận, sám hối, một quyết tâm sửa chữa, khắc phục. Trên thực tế, trong cuộc đời mỗi con người, ai cũng có thể lúc này hay lúc khác mắc phải sai lầm, thiếu sót. Đáng

lo nhất là khi mắc sai lầm lại vô cảm, vô si, không biết ngượng ngùng, xấu hổ, cứ khăng khăng trong vòng tầm tối. Đâu có phải hề cứ mắc sai lầm, tội lỗi là lập tức bị xã hội, người đời lên án, ruồng bỏ. Từ vực sâu đen tối, bước lên trên bờ sáng tươi là hiện tượng rất bình thường. Là bởi vì một khi con người mắc sai lầm, tội lỗi, nhưng biết xấu hổ, muốn cải đổi, sửa chữa thì xã hội sẵn sàng mở lòng khoan dung, tha thứ và giúp đỡ. Đánh kẻ chạy đi chứ không ai đánh kẻ chạy lại!

Nhìn lại lịch sử cũng như hôm nay, biết bao người mắc vòng tù tội đã trở về hòa nhập với cộng đồng, đó chẳng phải là một điều thông thường trong xã hội ta xưa nay đó sao! Ai cũng biết, trong trường kỳ đấu tranh bảo vệ và xây dựng đất nước, đã có biết bao con người lầm đường, lạc lối, được nhân dân giang tay giúp đỡ, sau tình ngộ, đã trở về với lẽ phải, với chính nghĩa của dân tộc. Tấm lòng nhân từ của Mẹ Tổ quốc thật bao la, rộng mở, đâu có định kiến, hẹp hòi!

4 Tuy nhiên, nhân sự kiện xảy ra ở vụ đại án nói trên, trộm nghĩ vấn đề cấp bách đặt ra lúc này là làm sao để mỗi con người chúng ta không rơi vào tình cảnh đau lòng đến mức phải xấu hổ, hổ thẹn. Chuyện này đâu có mới mẻ gì trong đời sống sinh hoạt của nhân dân. “Lêu lêu mắc cỡ. Lấy rỏ mà che. Lấy nông mà đậy. Lấy thúng mà bung. Lấy lưng mà núp”. Để

không bao giờ phải xấu hổ, hổ thẹn! Cũng tức là không bao giờ để mình rơi vào vòng tội lỗi. Để khỏi phải xấu hổ như bị cáo nói trên thì trong cuộc sống, con người phải biết xấu hổ, hổ thẹn. Vì biết xấu hổ, hổ thẹn chính là có được cái vách ngăn, lằn ranh đỏ để con người gìn giữ được phẩm giá của mình. Là có được con đê ngăn ngừa tội lỗi xấu xa. Là còn có được ý thức tự nguyện để không sa ngã, rơi vào vòng mê chấp, hư phù, biến loạn. Là có được lòng trọng danh dự của một con người, một cán bộ, một đảng viên.

Phải biết xấu hổ khi để chính mình và người thân mắc vào tham nhũng, tiêu cực. Đó là lời nhắc nhở của cố Tổng Bí thư Nguyễn Phú Trọng tại Hội nghị sơ kết một năm hoạt động của Ban Chỉ đạo cấp tỉnh về phòng, chống tham nhũng, tiêu cực (sáng 19-6-2023). Để không bao giờ phải xấu hổ tức là để mỗi con người chúng ta khỏi phải đau lòng, xót xa trước tội lỗi của chính mình, không gì hơn là mỗi cán bộ, đảng viên phải luôn tu dưỡng bản thân, thực hành “tự soi”, “tự sửa” theo đúng tiêu chuẩn của người cán bộ, đảng viên cộng sản đã ghi trong Điều lệ Đảng, phải nghiêm chỉnh tuân thủ, thực hiện theo đúng kỷ luật của Đảng và pháp luật của Nhà nước. “Phải thường xuyên và tự giác tự phê bình và phê bình như soi gương, rửa mặt hằng ngày” theo đúng lời Bác Hồ dạy cán bộ, đảng viên □

HỌC VÀ LÀM THEO BÁC HỒ...

(Tiếp theo trang 49)

1,19% năm 2023. Khoảng cách phát triển giữa nông thôn và đô thị từng bước được thu hẹp.

Tháng 7-2024, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Trà Vinh tổ chức lấy ý kiến về sự hài lòng của người dân trước kết quả tỉnh Trà Vinh hoàn thành nhiệm vụ xây dựng NTM năm 2024. Việc lấy ý kiến được thực hiện tại 122 ấp của 31 xã, thuộc 9 huyện, thị xã, thành phố, với gần 36.000 hộ gia đình. Kết quả, tỷ lệ

hài lòng của người dân đạt trên 99%.

Lấy sự hài lòng của người dân làm thước đo để khẳng định rằng những thành tựu xây dựng NTM ở Trà Vinh là kết quả của ý Đảng thuận lòng Dân; thực tiễn sinh động ấy minh chứng câu nói của Chủ tịch Hồ Chí Minh: “Tất cả đường lối, phương châm, chính sách... của Đảng đều chỉ nhằm nâng cao đời sống của nhân dân”⁽³⁾ □

(1) Hồ Chí Minh toàn tập, NXB CTQG, H.2011, tập 15, tr.280. (2) *Sđđ*, tập 5, tr.81. (3) *Sđđ*, tập 13, tr.164.

TỔNG BÍ THƯ, CHỦ TỊCH NƯỚC TÔ LÂM CHỦ TRÌ PHIÊN HỌP THỨ TƯ Ban Chỉ đạo tổng kết 40 năm Đổi mới

Ngày 22-8, tại Hà Nội, Ban Chỉ đạo tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc đổi mới theo định hướng XHCN trong 40 năm qua ở Việt Nam (Ban Chỉ đạo tổng kết 40 năm Đổi mới) đã tổ chức Phiên họp thứ tư. Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm, Trưởng Ban Chỉ đạo tổng kết 40 năm Đổi mới chủ trì Phiên họp.

Phát biểu ý kiến kết luận tại Phiên họp, Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm ghi nhận, đánh giá cao sự nỗ lực cố gắng của các thành viên Ban Chỉ đạo tổng kết 40 năm Đổi mới.

Báo cáo tổng kết 40 năm Đổi mới là “đầu vào” quan trọng cho việc xây dựng dự thảo các văn kiện trình Đại hội XIV của Đảng, trong đó có Báo cáo chính trị là báo cáo trung tâm. Xây dựng Dự thảo Báo cáo phải được thực hiện khẩn trương, khoa học với sự đầu tư rất lớn về công sức, trí tuệ mới có thể kịp chất lượng đưa vào nội dung các văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước đánh giá cao các kết quả nổi bật: Đã hệ thống làm rõ sự phát triển lý luận của Đảng ta về đổi mới theo định hướng XHCN, xây dựng và bảo vệ Tổ quốc XHCN qua 40 năm Đổi mới. Đánh giá, làm rõ thành tựu, hạn chế trong thực tiễn xây dựng CNXH ở Việt Nam trên 4 nhóm vấn đề lớn (xây dựng, phát triển kinh tế thị trường định hướng XHCN; phát triển văn hóa, xã hội và con người; quốc phòng, an ninh và đối ngoại; xây dựng, chỉnh đốn Đảng và hệ thống chính trị trong sạch, vững mạnh). Chỉ ra một cách khái quát bước phát triển quan trọng trong nhận thức lý luận về CNXH và xây dựng CNXH ở Việt Nam, trong đó có việc đề xuất xác định mô hình CNXH gồm 3 trụ cột (kinh tế thị trường định hướng XHCN; Nhà nước

pháp quyền XHCN; nền dân chủ XHCN do Đảng Cộng sản lãnh đạo); thành tựu có ý nghĩa lịch sử, những hạn chế, làm rõ những vấn đề đặt ra và bài học kinh nghiệm. Dự báo tương đối sát tình hình, đề xuất các mục tiêu, quan điểm, chỉ tiêu chủ yếu, định hướng nhiệm vụ, giải pháp tiếp tục đẩy mạnh toàn diện công cuộc đổi mới. Dự thảo báo cáo đã kiến nghị, đề xuất một số nội dung phục vụ xây dựng văn kiện Đại hội XIV của Đảng.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm nhấn mạnh cần thống nhất nhận thức về bối cảnh mới đang mở ra kỷ nguyên mới, kỷ nguyên vươn mình của dân tộc Việt Nam sau 40 năm tiến hành công cuộc Đổi mới, từ đó có những đổi mới mạnh mẽ hơn nữa về hình thức và nội dung báo cáo. Tinh thần là nhìn thẳng vào sự thật, đánh giá chính xác kết quả đạt được, thẳng thắn, khách quan chỉ ra những hạn chế, yếu kém, khuyết điểm và nguyên nhân, nhất là những điểm nghẽn, nút thắt đối với sự phát triển của đất nước chưa được hoặc chậm được tháo gỡ, khắc phục; tiếp tục kiên định sự nghiệp đổi mới đất nước.

Tổng Bí thư, Chủ tịch nước Tô Lâm lưu ý, tổng kết một số vấn đề lý luận và thực tiễn về công cuộc Đổi mới theo định hướng XHCN trong 40 năm qua ở Việt Nam là một công việc hệ trọng đối với công cuộc Đổi mới, xây dựng và phát triển đất nước; đóng góp trực tiếp vào việc xây dựng dự thảo Báo cáo chính trị trình Đại hội XIV của Đảng. Do đó, Báo cáo tổng kết 40 năm Đổi mới sẽ tiếp tục được hoàn thiện để trình Bộ Chính trị trước khi trình Hội nghị BCH Trung ương Đảng lần thứ 10 cho ý kiến □

P.V

Phiên họp thứ hai TIỂU BAN ĐIỀU LỆ ĐẢNG ĐẠI HỘI XIV

Sáng 22-8, tại Trụ sở Trung ương Đảng, đồng chí Lê Minh Hưng, Ủy viên Bộ Chính trị, Bí thư Trung ương Đảng, Trưởng Ban Tổ chức Trung ương, Trưởng Tiểu ban Điều lệ Đảng Đại hội XIV chủ trì Phiên họp thứ hai của Tiểu ban Điều lệ Đảng (ảnh bên).

Trên cơ sở Đề cương được Hội nghị Trung ương 9 thông qua và tổng hợp báo cáo tổng kết của các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Trung ương, cơ quan, đơn vị ở Trung ương; kết quả khảo sát từ tháng 6-2024 tại 8 đảng bộ trực thuộc Trung ương (Hà Nội, TP. Hồ Chí Minh, Cần Thơ, Yên Bái, Đắk Lắk, Đảng bộ Quân đội, Đảng bộ Khối Các cơ quan Trung ương, Đảng bộ Khối Doanh nghiệp Trung ương), Tiểu ban đã dự thảo Báo cáo của BCH Trung ương Đảng khóa XIII tổng kết công tác xây dựng Đảng và thi hành Điều lệ Đảng tại Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng.

Thảo luận tại phiên họp, các thành viên Tiểu ban đánh giá cao Ban Tổ chức Trung ương (Cơ quan Thường trực của Tiểu ban), Tổ Giúp việc, Tổ Biên tập đã chủ động, tích cực triển khai thực hiện có hiệu quả công tác chuẩn bị, xây dựng, hoàn thiện dự thảo Báo cáo; nhấn mạnh dự thảo Báo cáo đã được chuẩn bị công phu, chu đáo, có chất lượng tốt, bám sát đề cương, tổng hợp trung thực, khách quan, đầy đủ ý kiến góp ý của các thành viên Tiểu ban và các cấp ủy, tổ chức đảng, cơ quan, đơn vị. Các thành viên Tiểu ban cũng tham gia ý kiến, bổ sung một số nội dung quan trọng, có ý nghĩa cả về lý luận và thực tiễn, làm sâu sắc hơn những nhận định, đánh giá, quan điểm chỉ đạo, nhiệm



vụ, giải pháp trong dự thảo Báo cáo, góp phần chuẩn bị tốt nhất cho Đại hội XIV của Đảng.

Phát biểu ý kiến kết luận tại phiên họp, đồng chí Lê Minh Hưng đánh giá cao những ý kiến phát biểu tâm huyết, trách nhiệm của các thành viên Tiểu ban. Đồng chí Lê Minh Hưng cho biết, tại Hội nghị Trung ương 10 sắp tới, các tiểu ban chuẩn bị Đại hội XIV sẽ trình BCH Trung ương thảo luận, thông qua bước đầu các dự thảo Văn kiện Đại hội XIV của Đảng, trong đó có dự thảo Báo cáo của Tiểu ban Điều lệ Đảng trước khi đưa ra thảo luận tại đại hội đảng bộ các cấp trong năm 2025.

Trong thời gian tới, nhiệm vụ của Tiểu ban rất nặng nề, đồng chí Lê Minh Hưng đề nghị các đồng chí thành viên Tiểu ban tiếp tục dành thời gian, sự quan tâm, giữ mối liên hệ chặt chẽ với Cơ quan Thường trực của Tiểu ban, phát huy tinh thần trách nhiệm cũng như kinh nghiệm từ các nhiệm kỳ trước để đóng góp xây dựng và hoàn thiện dự thảo Báo cáo. Cơ quan Thường trực của Tiểu ban, Tổ Giúp việc, Tổ Biên tập cần tập trung cao độ, tích cực làm việc, cố gắng nỗ lực hơn nữa, tiếp tục tổng hợp, tiếp thu ý kiến góp ý của các tập thể, cá nhân để hoàn thiện dự thảo Báo cáo bảo đảm chất lượng và tiến độ đề ra □

THẢO NGUYỄN

Góp ý Đề án bổ sung, sửa đổi QUY CHẾ BẦU CỬ TRONG ĐẢNG

Ngày 20-8, Ban Tổ chức Trung ương tổ chức Hội nghị trực tuyến lấy ý kiến góp ý vào Đề án bổ sung, sửa đổi Quy chế bầu cử trong Đảng (ban hành kèm theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 9-6-2014 của BCH Trung ương khóa XI). Đồng chí Nguyễn Quang Dương, Ủy viên Trung ương Đảng, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương chủ trì Hội nghị.

Thời gian qua, công tác quán triệt, triển khai Quy định của BCH Trung ương, Hướng dẫn của Ban Bí thư về Quy chế bầu cử và các văn bản có nội dung liên quan của Trung ương đã được các cấp ủy, tổ chức đảng quan tâm, chú trọng và nghiêm túc tổ chức thực hiện. Việc cụ thể hóa Quy chế bầu cử được Trung ương, các cấp ủy, tổ chức đảng chủ động, tích cực thực hiện, gắn với lãnh đạo, chỉ đạo, thực hiện công tác nhân sự đại hội đảng bộ các cấp và công tác cán bộ theo Chỉ thị của Bộ Chính trị, các quy định, hướng dẫn của Trung ương. Một số nội dung trong Quy chế bầu cử chưa rõ đã được Trung ương hướng dẫn kịp thời, cụ thể, đáp ứng yêu cầu thực tiễn, tạo điều kiện thuận lợi trong tổ chức thực hiện. Tuy nhiên, thực tiễn sau 10 năm thực hiện Quy chế bầu cử đã cho thấy có những vướng mắc, bất cập...

Tại Hội nghị, các đại biểu tham dự bày tỏ thống nhất cao với nguyên tắc bổ sung, sửa đổi, đồng thời góp ý vào một số điều, khoản cụ thể như nhiệm vụ của ban thẩm tra tư cách đại biểu của đại hội, quy định về số dư và danh sách bầu cử; ứng cử và thủ tục ứng cử; đề cử và thủ tục đề cử...; đề nghị biên tập, bố cục lại một số nội dung, diễn đạt lại một số câu chữ để bảo đảm chặt chẽ, dễ hiểu, dễ thực hiện.

Phát biểu ý kiến kết luận tại Hội nghị, Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương Nguyễn

Quang Dương nhấn mạnh việc xây dựng Đề án bổ sung, sửa đổi Quy chế bầu cử trong Đảng có ý nghĩa quan trọng, gắn liền với quá trình triển khai thực hiện ở các cấp, các ngành, địa phương. Đồng chí Nguyễn Quang Dương đánh giá cao những ý kiến tâm huyết, trách nhiệm, sát thực tiễn của các đại biểu ở các điểm cầu, chỉ ra được những điểm bất cập, những nội dung còn vướng mắc khi thực hiện.

Đồng chí Phó Trưởng Ban Tổ chức Trung ương giao Tổ Biên tập tổng hợp toàn bộ ý kiến góp ý của các đại biểu để hoàn thiện dự thảo Báo cáo đánh giá kết quả 10 năm thực hiện Quy chế bầu cử trong Đảng theo Quyết định số 244-QĐ/TW, ngày 9-6-2014 của BCH Trung ương khóa XI và dự thảo Đề án bổ sung, sửa đổi Quy chế bầu cử trong Đảng để trình Bộ Chính trị trước khi chính thức ban hành □

BÁ THẮNG

XÂY DỰNG TỔ CHỨC ĐẢNG...

(Tiếp theo trang 20)

công tác tuyên truyền, phổ biến chính sách, pháp luật về công tác cán bộ người DTTS; đẩy mạnh tuyên truyền về bình đẳng giới, đại đoàn kết toàn dân tộc; thực hiện tốt công tác giáo dục tư tưởng chính trị, kịp thời động viên đội ngũ cán bộ người DTTS chủ động khắc phục khó khăn, phấn đấu vươn lên.

Năm là, tiếp tục củng cố, nâng cao chất lượng các cơ quan tham mưu làm công tác phụ nữ, dân tộc. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát và làm tốt công tác thi đua, khen thưởng; kịp thời sơ kết, tổng kết, rút kinh nghiệm để bổ sung, hoàn thiện nội dung, biện pháp chỉ đạo công tác cán bộ người DTTS □

MỐI QUAN HỆ GIỮA ĐẢNG CẦM QUYỀN VỚI NHÀ NƯỚC Ở MỘT SỐ NƯỚC TRÊN THẾ GIỚI

TS. LÊ MINH HÀ

Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh

Mối quan hệ giữa đảng cầm quyền với nhà nước là mối quan hệ chủ yếu nhất mà đảng cầm quyền phải tập trung xử lý, giải quyết vì qua đây thể hiện năng lực cầm quyền của đảng. Giải quyết tốt mối quan hệ giữa đảng cầm quyền với nhà nước góp phần giữ vững ổn định chính trị, sự phát triển bền vững của thể chế.

Quan hệ giữa đảng cầm quyền với nhà nước ở một số nước trên thế giới

Đảng cầm quyền là chính đảng thông qua phương thức nào đó (bầu cử dân chủ, đảo chính, đấu tranh cách mạng...), giành được quyền thiết lập, chi phối, kiểm soát bộ máy nhà nước, trong đó tập trung là cơ quan hành pháp để hiện thực hóa mục tiêu chính trị, theo Hiến pháp và pháp luật của một quốc gia.

Mỗi chính đảng cầm quyền hoặc liên minh đảng chính trị cầm quyền đều thực hiện đồng thời hai chức năng: lãnh đạo và cầm quyền. Chức năng lãnh đạo là định hướng chính trị cho hoạt động của nhà nước và xã hội. Chức năng cầm quyền tập trung nắm giữ quyền lực nhà nước, sử dụng nhà nước để tổ chức, quản lý phát triển xã hội. Đảng lãnh đạo phải thực hiện vai trò cầm quyền mới có ảnh hưởng quyết định đến sự phát triển xã hội. Cầm quyền là để thực hiện vai trò lãnh đạo của đảng, ngược lại, lãnh đạo là cơ sở bảo đảm cho cầm quyền của đảng vững chắc, hiệu quả.

Mối quan hệ giữa đảng cầm quyền với nhà nước ở một số nước trên thế giới thể hiện ở các

phương diện sau:

Một là, đảng chính trị xác lập địa vị là đảng cầm quyền thông qua bầu cử nghị viện hoặc bầu cử nguyên thủ quốc gia.

Bầu cử là con đường cơ bản để đưa một đảng chính trị trở thành đảng cầm quyền thông qua bầu cử nghị viện hoặc bầu cử nguyên thủ quốc gia. Ở địa vị cầm quyền, đảng tác động vào các quyết định của nhà nước, của chính phủ nhằm mang lại lợi ích cho nhóm, giai cấp mà nó đại diện thông qua các nghị sĩ là thành viên của đảng.

Để giành thắng lợi trong bầu cử, đảng chính trị nỗ lực vận động tranh cử; có tổ chức, hệ tư tưởng đủ mạnh và tuyên truyền, quảng bá đường lối của đảng cho thành viên và công chúng để đủ khả năng thu hút lực lượng về mình và nhận được sự ủng hộ của các lực lượng xã hội. Bảo đảm số ứng cử viên là thành viên của đảng thắng cử tham gia vào cơ quan nhà nước và có khả năng thực hiện lợi ích của đảng; tuyển chọn và bố trí nhân sự vào bộ máy cơ quan quyền lực nhà nước.

Ở các nước có từ hai đảng trở lên, bầu cử là cuộc đấu tranh giành giật quyền lực rất gay gắt giữa các đảng chính trị. Sau cuộc tổng tuyển cử, đảng cầm quyền là đảng chiếm đa số ghế trong nghị viện và ứng cử viên của mình thắng cử trong cuộc bầu cử, có quyền đứng ra thành lập chính phủ và các thành viên hoạt động tích cực trong chiến dịch vận động bầu cử của đảng sẽ được bổ nhiệm vào các chức vụ trong bộ máy nhà nước. Mọi hoạt động của chính phủ

phải thể hiện ý chí của đảng cầm quyền thông qua ý chí của người lãnh đạo.

Hai là, sau bầu cử trở thành đảng cầm quyền, đảng có quyền thành lập, chi phối và sử dụng bộ máy nhà nước.

Đảng cầm quyền thành lập, lãnh đạo và sử dụng bộ máy nhà nước, bố trí nhân sự chủ chốt trong bộ máy nhà nước. Hoạt động của đảng cầm quyền luôn tác động đến đời sống chính trị và hoạt động của bộ máy nhà nước, làm cho các cơ quan nhà nước hoạt động vừa theo quy định của pháp luật, vừa thực hiện các mục tiêu của đảng cầm quyền, kiểm soát quyền lực các cơ quan nhà nước.

Ở Hoa Kỳ, đảng chính trị có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động của bộ máy Nhà nước. Chủ tịch Hạ viện bao giờ cũng là đảng viên của đảng chiếm đa số ghế trong Hạ viện và là người có nhiều quyền lực nhất trong Hạ viện. Với tư cách là người lãnh đạo đảng, Chủ tịch Hạ viện là một trong những người phát ngôn chủ chốt về các chính sách của đảng, thực hiện sự kiểm soát của đảng đối với mọi hoạt động của Hạ viện, đồng thời gây áp lực đối với việc phân công các thành viên vào các ủy ban. Ngoài ra, còn có các tổ chức đảng ở Thượng viện và Hạ viện rất có quyền thế can thiệp sâu vào mọi hoạt động lập pháp; Đảng Cộng hòa gọi là hội nghị, còn Đảng Dân chủ gọi là phiên nhóm, không những đề cử đảng viên vào các chức vụ quan trọng, mà còn lựa chọn Chủ tịch Ủy ban Chính sách và điều hành, người này phụ trách chiến lược của Đảng ở diễn đàn Quốc hội.

Tổng thống và Quốc hội kiểm soát quyền lực lẫn nhau. Tổng thống là nguyên thủ quốc gia, chịu trách nhiệm về hành động của mình trước cử tri toàn quốc theo quy định. Tổng thống có trách nhiệm thực hiện quyền lợi của đảng cầm quyền, giữ uy tín cho đảng, nhằm đặt nền móng cho việc tái cử trong nhiệm kỳ sau nên mọi hoạt động của Tổng thống thường đi theo đường lối, chính sách của đảng đã hứa với

cử tri khi vận động bầu cử.

Tổng thống chỉ định tất cả các quan chức cao cấp liên bang và có toàn quyền trong việc bổ nhiệm các thành viên Nội các - cơ quan giúp việc quan trọng nhất của Tổng thống, các thành viên này là cộng sự đặc lực có ảnh hưởng lớn trong việc điều hành đất nước của Tổng thống. Để nhận được sự ủng hộ lâu dài của đảng, Tổng thống thường bổ nhiệm các đảng viên của đảng mình, đã có sự ủng hộ tích cực trong chiến dịch bầu cử vào các chức vụ quan trọng. Tuy nhiên, Tổng thống cũng bổ nhiệm một vài chức vụ cho đảng viên đảng đối lập nhằm củng cố thêm mối quan hệ trong bộ máy nhà nước. Tổng thống thực hiện quyền lực của mình với sự trợ giúp của trên 100 cơ quan khác nhau, trong đó quan trọng nhất là Hội đồng An ninh quốc gia, Cơ quan Quản lý ngân sách, Hội đồng Đối nội, Cục Tình báo Trung ương, Cục Điều tra liên bang, Hội đồng Cố vấn kinh tế, Nội các...

Tại Anh, theo quy định của pháp luật, Nữ hoàng được quyền bổ nhiệm Thủ tướng - người đứng đầu bộ máy hành pháp, với điều kiện người đó là thủ lĩnh của đảng cầm quyền (tức đảng chiếm đa số ghế trong Hạ viện), các đảng viên phải biểu quyết theo ý chí của đảng mình. Tuy Chính phủ chịu trách nhiệm trước Nghị viện (vì được thành lập trên cơ sở Nghị viện), nhưng thực tế đảng cầm quyền có quyền đứng ra thành lập Chính phủ và thao túng toàn bộ tổ chức, hoạt động của bộ máy nhà nước và hoạt động của Hạ viện Anh. Mọi hoạt động của Chính phủ đều thể hiện ý chí của đảng cầm quyền thông qua ý chí của người lãnh đạo.

Ở Xin-ga-po, Đảng cầm quyền PAP (Đảng Nhân dân hành động) của Xin-ga-po lãnh đạo Chính phủ và chi phối Quốc hội. Tuy nhiên, giữa đảng cầm quyền, Quốc hội và Chính phủ có sự phân chia quyền lực: các chủ trương, đường lối, chính sách lớn của Đảng phải được Quốc hội thông qua mới được thi hành và Chính phủ là cơ quan triển khai thực hiện các

chủ trương, đường lối đó. Quốc hội Xin-ga-po là cơ quan lập pháp gồm 51 nghị sĩ do dân bầu. Tổng thống là người đứng đầu Nhà nước do Quốc hội cử, và chỉ định Thủ tướng (người đứng đầu Đảng chiếm đa số ghế trong Quốc hội). Theo đề nghị của Thủ tướng, Tổng thống sẽ chỉ định các thành viên của Nội các (gồm 14 bộ trưởng và các quan chức hành chính cao cấp). Một Hội đồng cố vấn được lập ra làm tham mưu cho Tổng thống, các ý kiến của Hội đồng trong các cuộc họp cấp cao có thể được Tổng thống tham khảo, ví dụ như việc bổ nhiệm nhân sự chủ chốt cho nền hành chính của quốc gia.

Ở Nhật Bản, Hiến pháp quy định Quốc hội là cơ quan quyền lực tối cao, là cơ quan lập pháp duy nhất của đất nước. Điều đó cho thấy, Quốc hội được công nhận về tầm quan trọng của mình cao hơn các cơ quan khác như Nội các và Tòa án. Vì vậy, nền chính trị nhà nước hoạt động theo nguyên tắc Quốc hội là trung tâm. Nhật Bản cơ cấu Quốc hội theo chế độ 2 viện khác nhau nhưng phải phù hợp với mục đích của Quốc hội. Ngoài quyền lập pháp, hai viện của Quốc hội còn có quyền giám sát tài chính quốc gia và điều tra các hoạt động chính trị của đất nước. Do áp dụng chế độ Nội các Nghị viện nên Thủ tướng Nhật Bản được chỉ định trong số các nghị sĩ bằng quyết nghị của Quốc hội. Thực tế, nghị sĩ là Chủ tịch đảng chiếm đa số ghế tại Hạ nghị viện sẽ làm Thủ tướng. Thủ tướng có quyền bổ nhiệm các bộ trưởng và hơn nửa số bộ trưởng phải được chọn trong số các nghị sĩ Quốc hội (đa số ghế bộ trưởng trong Nội các thuộc đảng cầm quyền).

Ba là, đảng cầm quyền đưa tư tưởng của đảng thâm nhập vào chính sách, quyết sách của nhà nước.

Một đảng chính trị sau khi thắng cử trở thành đảng cầm quyền, thông qua các nghị sĩ là đảng viên của đảng, nắm quyền kiểm soát các hoạt động của bộ máy nhà nước. Hoạt động

của nhà nước luôn tuân thủ theo sự lãnh đạo của đảng cầm quyền, cụ thể hóa các mục tiêu, cương lĩnh cũng như quyền lợi của đảng vào chính sách của quốc gia.

Con đường cơ bản để đảng cầm quyền củng cố, duy trì vị trí cầm quyền của mình là người đại diện cho đảng cầm quyền đang giữ vai trò lãnh đạo trong bộ máy cơ quan nhà nước phải thực hiện các chương trình hành động cũng như làm tròn trách nhiệm đối với các cam kết của đảng mình trong chiến dịch tranh cử đối với nhân dân. Nguồn lực để đảng cầm quyền duy trì hoạt động của mình là công tác đào tạo, sử dụng cán bộ. Công tác này phải được làm thường xuyên, liên tục, có kế hoạch, hiệu quả và chất lượng cao.

Các giá trị tham khảo cho Việt Nam

Một là, đảng cầm quyền lãnh đạo nhà nước thực hiện cương lĩnh, đường lối của đảng cầm quyền theo hiến pháp, pháp luật. Đảng cầm quyền lãnh đạo nhà nước cụ thể hóa các mục tiêu, cương lĩnh cũng như quyền lợi của đảng vào chính sách đối nội và đối ngoại quốc gia. Thông qua hoạt động của nhà nước, đảng viên của đảng cầm quyền giữ các chức vụ trong các cơ quan nhà nước phải thực hiện cương lĩnh tranh cử, thực hiện các cam kết chính trị với cử tri cả nước. Khi trở thành đảng cầm quyền, năng lực cầm quyền của đảng thể hiện tập trung ở năng lực điều hành và quản lý xã hội của bộ máy nhà nước. Hay nói cách khác, đảng cầm quyền phải thông qua hoạt động của bộ máy nhà nước mới đạt được các mục tiêu chính trị của mình.

Hai là, đảng cầm quyền kiểm soát quyền lực nhà nước và lãnh đạo các cơ quan nhà nước kiểm soát quyền lực lẫn nhau. Để hạn chế sự tha hóa quyền lực, đảng cầm quyền xác lập và hoàn thiện thể chế tự kiểm soát từ bên trong và kiểm soát từ bên ngoài. Quyền lực phải được kiểm soát bằng quyền lực, mỗi nhánh quyền lực, lập pháp, hành pháp, tư pháp phải hoàn

thiện thanh tra và các thể chế để tự kiểm soát, đồng thời phải thiết lập thể chế kiểm soát quyền lực lẫn nhau. Phát huy loại hình kiểm soát quyền lực từ sự giám sát của nhân dân và phản biện xã hội. Phát huy vai trò của truyền thông đại chúng trong kiểm soát quyền lực nhà nước. Hơn nữa, phải hoàn thiện thể chế tự kiểm soát bên trong tổ chức đảng, thông qua công tác kiểm tra, giám sát, thông qua công tác tổ chức - cán bộ, nhất là công tác bầu cử.

Ba là, cần đổi mới mạnh mẽ và căn bản công tác cán bộ theo hướng cán bộ lãnh đạo chủ chốt phải qua tranh cử trong môi trường thật sự tôn trọng ứng cử tự do và đề cử, chọn cán bộ chuyên môn phải qua thi tuyển, thực chất và nghiêm túc, khách quan, vừa mở rộng dân chủ, vừa tăng trách nhiệm của người đứng đầu trong công tác cán bộ. Đó cũng là cách để nhân dân và đông đảo cán bộ tham gia giám sát quyền lực trong việc giao quyền lực cho cán bộ. Cần đổi mới bầu cử theo hướng dân chủ, từng bước khắc phục tính hình thức, nâng cao tính tích cực chính trị của cử tri.

Bốn là, quản lý chặt chẽ đội ngũ đảng viên là cán bộ, công chức trong các cơ quan nhà nước. Quản lý đảng viên là cán bộ, công chức hoạt động trong bộ máy nhà nước khác với quản lý đảng viên không hoạt động trong bộ máy nhà nước, họ là những cán bộ được nắm quyền thực thi luật pháp, chính sách, nắm quyền phân bổ nguồn lực công; quyền điều tra, xét xử, truy tố... Họ được nhân danh và đại diện cho cơ quan nhà nước trong quan hệ với công dân nên có sức mạnh của quyền lực nhà nước. Việc quản lý những đảng viên này đòi hỏi phải rất khác với quản lý đảng viên nói chung, thể hiện ở sự chặt chẽ, cụ thể, gắn với chức trách, nhiệm vụ của từng công chức, viên chức nhà nước được giao.

Năm là, lựa chọn người đứng đầu đủ đức, đủ tài và tăng thẩm quyền và trách nhiệm của họ. Trong những năm đầu Cách mạng Tháng Tám,

Đảng ta lãnh đạo Chính phủ với một cơ chế đơn giản nhưng hiệu lực lại rất cao vì Chủ tịch Hồ Chí Minh là Chủ tịch Đảng đồng thời là Chủ tịch nước và Chủ tịch Chính phủ. Trong công cuộc đổi mới hiện nay, cần tăng thẩm quyền và trách nhiệm của người đứng đầu, người đứng đầu Đảng có thể đồng thời là nguyên thủ quốc gia. Ở địa phương, thực hiện bí thư cấp ủy đồng thời là chủ tịch UBND cùng cấp. Quyền lực tập trung, công việc giải quyết nhanh gọn, lại không tạo ra sự “xung đột” giữa các chủ thể quyền lực; giảm các cuộc họp giữa cấp ủy và thường trực ủy ban, triển khai các nghị quyết của cấp ủy, chương trình, kế hoạch của UBND thuận lợi, nhanh chóng, nâng cao trách nhiệm của người đứng đầu □


HIỆU QUẢ TỪ ĐỀ ÁN...

(Tiếp theo trang 13)


Thường xuyên rà soát cập nhật, đổi mới chương trình, nội dung đào tạo, bồi dưỡng theo hướng chọn lọc, thiết thực, phù hợp với từng đối tượng; gắn lý thuyết với thực tiễn, chú trọng hơn về phương pháp lý luận, tính định hướng, kinh nghiệm hoạt động thực tiễn, phương pháp công tác và phong cách lãnh đạo, quản lý cho đội ngũ CBCCVC. Đồng thời, tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ ngoại ngữ, kiến thức hội nhập quốc tế, tích cực mở rộng, tham gia chương trình đào tạo, bồi dưỡng cán bộ ở nước ngoài theo đề án, chương trình của Trung ương, của tỉnh.

Đổi mới phương pháp giảng dạy và học tập phát huy tính chủ động, sáng tạo của người học. Bồi, với cách thức nào thì trên hết vẫn là tinh thần tự học của mỗi CBCCVC. Nâng cao nhận thức, trách nhiệm, đề cao tính tự giác, tự nghiên cứu và học tập của mỗi CBCCVC vẫn là giải pháp căn cơ, lâu dài để công tác đào tạo, bồi dưỡng của Đảng bộ tỉnh đạt hiệu quả và thiết thực □

CÔNG TÁC CÁN BỘ

 *Xin hỏi, độ tuổi lần đầu tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030 được quy định như thế nào?*

tranbichlan@...

 Chi thị số 35-CT/TW ngày 14-6-2024 của Bộ Chính trị về đại hội đảng bộ các cấp tiến tới Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIV của Đảng quy định độ tuổi lần đầu tham gia cấp ủy nhiệm kỳ 2025-2030 như sau:


Đối với cấp tỉnh: Nam sinh từ tháng 9-1968, nữ sinh từ tháng 5-1972 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 9-1970 trở lại đây).

Đối với cấp huyện: Nam sinh từ tháng 6-1968, nữ sinh từ tháng 2-1972 trở lại đây (trường hợp cán bộ nữ được nghỉ hưu ở độ tuổi 60 theo quy định của pháp luật, thì sinh từ tháng 6-1970 trở lại đây).

Đối với cấp xã:

Cán bộ, công chức cấp xã (theo quy định tại Nghị định số 33/2023/NĐ-CP ngày 10-6-2023 của Chính phủ): Nam sinh từ tháng 4-1968, nữ sinh từ tháng 1-1972 trở lại đây.

Trưởng công an cấp xã: Còn thời gian công tác ít nhất 5 năm (60 tháng) theo quy định về độ tuổi nghỉ hưu tại Luật Công an nhân dân (sửa đổi, bổ sung năm 2023). Cán bộ hoạt động không chuyên trách: Giao BTV tỉnh ủy, thành ủy trực thuộc Trung ương quy định cụ thể độ tuổi tham gia cấp ủy bảo đảm theo tinh thần Kết luận số 64-KL/TW ngày 28-5-2013 của BCH Trung ương Đảng khóa XI.


 *Đề nghị Ban Tổ chức Trung ương, Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh nghiên cứu, xem xét tiếp tục cho thí điểm mở lớp cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại địa phương đối với những nơi đủ điều kiện, nhất là đối với các địa phương có trường chính trị đạt chuẩn mức độ I, II để tạo điều kiện thuận lợi cho việc học tập, nghiên cứu của cán bộ, công*

chức, viên chức.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai



Căn cứ tình hình thực tiễn về công tác đảm bảo điều kiện mở lớp và nhằm tiếp tục nâng cao chất lượng công tác đào tạo lý luận chính trị cho cán bộ lãnh đạo, quản lý nên từ năm 2023 Trung ương đã dừng việc thực hiện thí điểm mở lớp cao cấp lý luận chính trị hệ tập trung tại địa phương. Vì vậy, đề xuất trên của địa phương hiện nay chưa thực hiện được.

 *a) Sở B thiếu phó giám đốc Sở. Sở A có đồng chí công tác trong ngành, lĩnh vực phù hợp với vị trí dự kiến bổ nhiệm Phó Giám đốc Sở B; đồng chí này vào công tác từ tháng 5-2015 đến tháng 5-2020 được bổ nhiệm Phó Trưởng phòng; đến tháng 5-2023 được bổ nhiệm Trưởng phòng. Đến tháng 5-2024 đồng chí này có thời gian công tác 9 năm trong ngành, lĩnh vực (đã bảo đảm thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực tương ứng với từng chức vụ, chức danh cụ thể theo quy định tại Nghị định 29/2024/NĐ-CP) nhưng chưa đủ 2 năm giữ chức Trưởng phòng; như vậy có thể đủ điều kiện bổ nhiệm Phó Giám đốc Sở B không?*

b) Theo Điểm b, Khoản 2, Điều 33 Nghị định số 29/2024/NĐ-CP quy định: UBND các tỉnh, thành phố “Quy định hoặc phân cấp quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp với tiêu chuẩn chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, bảo đảm đủ cơ sở lựa chọn đúng người có năng lực để bổ nhiệm, trừ chức vụ, chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý”.

Đề nghị Trung ương hướng dẫn việc xác định thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp với tiêu chuẩn chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm để các tỉnh triển khai thực hiện cho đồng bộ, thống nhất.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lai Châu



a) Tại Điểm b, Khoản 4, Điều 8 Nghị định số 29/2024/NĐ-CP của Chính phủ quy định tiêu chuẩn chức danh công chức lãnh đạo, quản lý trong cơ quan hành chính nhà nước, quy định rõ: “Trường hợp cơ quan, tổ chức đang công tác có đơn vị cấu thành và dự kiến bổ nhiệm tại cơ quan, tổ chức có đơn vị cấu thành: Bảo đảm thời gian giữ chức vụ, chức danh tương đương liền kề với chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm theo quy định tại Điểm a khoản này hoặc bảo đảm thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực tương ứng với từng chức vụ, chức danh cụ thể theo quy định”.

Do đó, theo quy định nêu trên thì trường hợp đồng chí Trưởng phòng của Sở A (chưa bảo đảm thời gian giữ chức vụ, chức danh tương đương liền kề với chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm) được bổ nhiệm Phó Giám đốc Sở B nếu đáp ứng tiêu chuẩn về bảo đảm thời gian công tác liên tục trong ngành, lĩnh vực tương ứng với chức vụ, chức danh cụ thể theo quy định của cấp có thẩm quyền.

b) Theo quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 33 Nghị định số 29/2024/NĐ-CP, việc quy định hoặc phân cấp quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp với tiêu chuẩn chức vụ, chức danh dự kiến bổ nhiệm trong thời hạn 12 tháng kể từ ngày Nghị định này có hiệu lực, bảo đảm đủ cơ sở lựa chọn đúng người có năng lực để bổ nhiệm (trừ chức vụ, chức danh thuộc diện Bộ Chính trị, Ban Bí thư quản lý) thuộc thẩm quyền của bộ, cơ quan ngang bộ và UBND tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương.

Đồng thời, theo quy định tại Khoản 5, Điều 34 Nghị định số 29/2024/NĐ-CP, cấp có thẩm quyền bổ nhiệm quyết định tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp để thực hiện việc bổ nhiệm trong thời gian chưa có văn bản hướng dẫn nội dung quy định tại Điểm b, Khoản 2, Điều 33 Nghị định này.

Do đó, đề nghị địa phương chủ động quy định hoặc phân cấp quy định cụ thể tiêu chuẩn, điều kiện về thành tích, kết quả và sản phẩm cụ thể phù hợp thực tiễn tại địa phương.

? *Hiện nay có một số cán bộ lực lượng vũ trang do yêu cầu nhiệm vụ công tác không thể tham gia đào tạo cao cấp lý luận chính trị tập trung tại các Học viện Bộ Quốc phòng, Bộ Công an, có nhu cầu tham gia lớp cao cấp lý luận chính trị không tập trung tại địa phương. Xin hỏi trường hợp như đã nêu trên thì có được đào tạo tại địa phương thuộc hệ thống của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh, Học viện Chính trị Khu vực I không?*

Ban Tổ chức Tỉnh ủy Lào Cai



Hiện nay việc đào tạo cao cấp lý luận chính trị cho lực lượng vũ trang được thực hiện tại 6 học viện được giao nhiệm vụ đào tạo cao cấp lý luận chính trị của Bộ Quốc phòng, Bộ Công an theo Kết luận 67-KL/TW ngày 29-11-2023 của Ban Bí thư về việc giao nhiệm vụ đào tạo cao cấp lý luận chính trị đối với Bộ Quốc phòng, Bộ Công an.

Vì vậy, trường hợp nêu trên không đào tạo cao cấp lý luận chính trị tại địa phương thuộc hệ thống của Học viện Chính trị quốc gia Hồ Chí Minh.

CÔNG TÁC ĐẢNG VIÊN

? *Xin hỏi, hiện nay việc kết nạp đảng viên ở nơi chưa có đảng viên, chưa có chi bộ ở thôn, ấp, bản thực hiện như thế nào?*

nguyenvanhung@...



Việc kết nạp người vào Đảng ở nơi chưa có đảng viên, chưa có chi bộ ở thôn, ấp bản thực hiện theo Hướng dẫn số 12-HD/BTCTW ngày 18-1-2022 của Ban Tổ chức Trung ương, như sau:

- Đảng ủy cấp xã giao cho chi bộ có điều kiện thuận lợi nhất để phân công đảng viên chính thức tuyên truyền, giúp đỡ người vào Đảng. Khi người đó có đủ điều kiện và tiêu chuẩn vào Đảng thì chi bộ nơi đảng viên giúp

đỡ đang sinh hoạt làm thủ tục đề nghị kết nạp vào Đảng theo quy định. Nhiệm vụ này được thực hiện cho đến khi thôn, ấp, bản... có đủ số đảng viên chính thức để lập chi bộ.

- Ở những xã chưa thành lập đảng bộ thì chi bộ cơ sở xã cử đảng viên tuyên truyền, giáo dục, giúp đỡ người vào Đảng, khi người đó có đủ điều kiện và tiêu chuẩn vào Đảng thì chi bộ làm thủ tục đề nghị kết nạp theo quy định.

? *Xin hỏi, những trường hợp nào được xét miễn sinh hoạt đảng không vì lý do tuổi cao, sức yếu và quy trình thực hiện như thế nào?*

lecamvan@...



Đảng viên xin miễn công tác và sinh hoạt đảng không vì lý do tuổi cao, sức yếu được xét trong các trường hợp sau: Do phải đi điều trị bệnh dài ngày hoặc điều trị bệnh ở xa nơi cư trú; đảng viên ra nước ngoài làm nhiệm vụ đơn lẻ, vì việc riêng (du lịch, chữa bệnh, thăm thân nhân...); đảng viên đi lao động đơn lẻ, ở những vùng xa, nơi không có tổ chức đảng hoặc điều kiện đi lại khó khăn, không thể tham gia sinh hoạt đảng; đi làm việc lưu động ở các địa phương, đơn vị trong nước thời gian dưới 1 năm, việc làm không ổn định, hoặc ở những nơi chưa có tổ chức đảng, không có điều kiện trở về tham gia sinh hoạt chi bộ theo quy định; đảng viên là cán bộ, công chức, viên chức nghỉ công tác chờ đến tuổi nghỉ hưu theo chế độ quy định của Nhà nước có nguyện vọng được miễn sinh hoạt đảng trong thời gian nghỉ chờ quyết định nghỉ hưu; đảng viên nữ trong thời gian nghỉ sinh con theo quy định của Bộ luật Lao động có nguyện vọng miễn sinh hoạt đảng.

Quy trình thực hiện: Đảng viên phải làm đơn nêu rõ lý do và thời gian xin miễn công tác và sinh hoạt đảng, báo cáo chi bộ. Chi bộ xét, ra nghị quyết đề nghị cấp ủy cơ sở xét, quyết định.

? *Đề nghị Trung ương hướng dẫn việc đánh giá, xếp loại lại đối với tập thể, cá*

nhân có khuyết điểm, vi phạm xảy ra thời điểm trước và được cấp có thẩm quyền quyết định thi hành kỷ luật nhưng chưa thể hiện cụ thể thời điểm xảy ra vi phạm.

Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Nam



Đối với tập thể, cá nhân bị cấp có thẩm quyền thi hành kỷ luật do vi phạm từ những năm trước và trong quyết định kỷ luật không thể hiện năm vi phạm hoặc ghi chung là trong giai đoạn, nhiệm kỳ, đề nghị Ban Tổ chức Tỉnh ủy Quảng Nam căn cứ quy định, hướng dẫn của Trung ương về kỷ luật tổ chức đảng, đảng viên và xin ý kiến cơ quan chuyên môn có liên quan (nếu cần thiết) để xác định thời điểm xảy ra hành vi vi phạm của các trường hợp nêu trên; từ đó, làm căn cứ tham mưu cho BTV Tỉnh ủy quyết định việc đánh giá, xếp loại theo thẩm quyền □

HỘP THƯ CỘNG TÁC VIÊN

Trong tháng 8-2024, Tạp chí Xây dựng Đảng đã nhận được tin, bài, câu hỏi... của các đồng chí và các bạn: Nguyễn Đức Bảo, Nguyễn Quang Bình, Nguyễn Cần, Lê Đình Cung, Trần Anh Đức, Lê Việt Đức, Phạm Thị Hương Giang, Nguyễn Văn Giang, Nguyễn Ngọc Hà, Nguyễn Hằng, Đào Duy Hiệp, Võ Thái Hòa, Nguyễn Quốc Hoàn, Nguyễn Anh Hoàng, Nguyễn Công Huân, Nguyễn Anh Hùng, Võ Quang Hùng, Trung Kiên, Đinh Văn Năm, Lữ Nghĩa, Nguyễn Hữu Phước, Nguyễn Phú Phương, Đinh Quận, Nguyễn Thị Sâm, Trần Thái, Đỗ Thông, Lương Văn Thương, Việt Tiến, Lê Thanh Toàn, Võ Đào Phương Trâm, Hàn Thị Tú, Phan Anh Tuấn, Trần Đức Tuấn...

*Xin trân trọng cảm ơn và mong các đồng chí, các bạn tiếp tục cộng tác, viết tin, bài cho Tạp chí số 10-2024 với chủ đề: **Những điểm mới trong đánh giá cán bộ; Kỷ niệm 94 năm Ngày truyền thống Ngành Tổ chức xây dựng Đảng, 94 năm Ngày Phụ nữ Việt Nam, 70 năm Ngày Giải phóng Thủ đô...** Tin, bài, ảnh... ghi đầy đủ họ, tên, địa chỉ, điện thoại liên hệ. Gửi thư điện tử theo địa chỉ: tapchixaydungdang@btctw.dcs.vn. Tiêu đề thư điện tử và tên file gửi kèm đề nghị dùng tiếng Việt không dấu để tiện khai thác, sử dụng.*

BAN BIÊN TẬP